

Số: *144* /TB-HĐTD

Bắc Từ Liêm, ngày 28 tháng 7 năm 2014

THÔNG BÁO

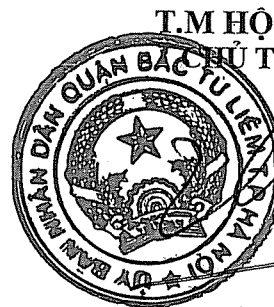
Số báo danh của thí sinh dự tuyển

Thực hiện Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã của Thành phố Hà Nội năm 2014; Hướng dẫn số 1347/HD-LS:NVGD&ĐT ngày 04/6/2014 của Liên Sở Nội vụ - Giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn công tác tuyển dụng viên chức ngành giáo dục năm 2014; Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 06/6/2014 của Ủy ban nhân dân quận Bắc Từ Liêm về việc tổ chức tuyển dụng giáo viên, nhân viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận Bắc Từ Liêm năm 2014, Hội đồng tuyển dụng viên chức ngạch giáo viên, nhân viên quận Bắc Từ Liêm năm 2014 thông báo số báo danh của thí sinh dự tuyển tại Hội đồng (theo danh sách đính kèm)/.

Nơi nhận:

- Văn phòng HĐND và UBND
(để đưa tin trên cổng GTĐT)
- Phòng GD và ĐT
- Phòng Nội vụ
- Trường TH Phúc Diễn
- Trường THCS Phúc Diễn
- Lưu VT+NV.

(để niêm yết)



PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

PHÒNG SỐ
01

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTU	Ghi chú
1	XT0001	Nguyễn Thị	Anh	02/09/1985	Nữ	Thanh Trì	Thạc sĩ		Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
2	XT0002	Nguyễn Thị Kim	Anh	09/10/1992	Nữ	Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
3	XT0003	Nguyễn Thị Lan	Anh	31/01/1987	Nữ	Nam Từ Liêm	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
4	XT0004	Phạm Thị Ngọc	Anh	19/07/1989	Nữ	Thanh Xuân	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
5	XT0005	Phạm Văn	Anh	07/06/1988	Nữ	Bắc Từ Liêm	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
6	XT0006	Phan Thị Ngọc	Anh	22/07/1993	Nữ	Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
7	XT0007	Tạ Thị Vân	Anh	28/06/1978	Nữ	Cầu Giấy	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình		
8	XT0008	Trần Thị Phương	Anh	24/09/1982	Nữ	Hà Đông	Đại học	Chính quy	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0009	Trịnh Thị	Anh	19/11/1975	Nữ	Chương Mỹ	Cao đẳng	Chính quy	Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
10	XT0010	Lê Thị	Anh	11/11/1986	Nữ	Quốc Oai	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
11	XT0011	Lương Thị Ngọc	Anh	08/09/1989	Nữ	Ba Vì	Cao đẳng	Chính quy	SP văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
12	XT0012	Nguyễn Thị	Anh	29/10/1991	Nữ	Ứng Hòa	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0013	Nguyễn Văn	Bài	07/02/1988	Nam	Mê Linh	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
14	XT0014	Vương Thị	Bích	05/12/1992	Nữ	Sóc Sơn	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
15	XT0015	Nguyễn Thị	Biên	09/01/1990	Nữ	Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
16	XT0016	Hồ Thị	Bình	15/06/1987	Nữ	Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Phúc Diễn	Con BB	
17	XT0017	Đinh Thị	Chang	06/10/1991	Nữ	Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
18	XT0018	Lê Duy	Chiến	15/07/1979	Nam	Bắc Từ Liêm	Cao đẳng	Chính quy	Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
19	XT0019	Kim Thị	Chinh	22/10/1989	Nữ	Thanh Xuân	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Phúc Diễn		
20	XT0020	Nguyễn Thị	Chinh	05/01/1988	Nữ	Ba Vì	Đại học	Chính quy	Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
21	XT0021	Nguyễn Thị	Chúc	08/08/1993	Nữ	Ứng Hòa	Cao đẳng	Chính quy	Sp Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
22	XT0022	Nguyễn Thị Kim	Cúc	05/10/1991	nữ	Nam Từ Liêm	Cao đẳng	Chính quy	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
23	XT0023	Vũ Thị	Cúc	16/08/1987	Nữ	Thanh Oai	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
24	XT0024	Kiều Ngọc	Dung	16/10/1991	Nữ	Ứng Hòa	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
25	XT0025	Kim Thị	Dung	28/03/1993	Nữ	Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
26	XT0026	Lê Phương	Dung	25/12/1982	Nữ	Bắc Từ Liêm	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Minh Khai		
27	XT0027	Nguyễn Phương	Dung	04/12/1980	Nữ	Bắc Từ Liêm	Cao đẳng	Chính quy	Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình		
28	XT0028	Nguyễn Thị	Dung	21/07/1986	Nữ	Đan Phượng	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
29	XT0029	Nguyễn Thị	Dung	10/08/1993	Nữ	Sóc Sơn	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
30	XT0030	Nguyễn Thị Kim	Dung	17/04/1984	Nữ	Bắc Từ Liêm	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
31	XT0031	Nguyễn Thị Kim	Dung	20/02/1982	Nữ	Hoàng Mai	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
32	XT0032	Nguyễn Thị Kim	Dung	06/08/1987	Nữ	Ba Vì	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
33	XT0033	Nguyễn Thị Kim	Dung	08/02/1988	Nữ	Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
34	XT0034	Nguyễn Thị Thu	Dung	22/08/1990	Nữ	Phủ Xuyên	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		

(Danh sách có: 34 thí sinh)

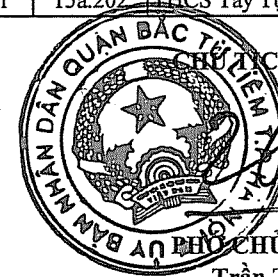
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SẮT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

PHÒNG SỐ
02

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT0035	Nguyễn Thị	Thùy Dung	09/11/1986	Nữ	Hoài Đức	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
2	XT0036	Nguyễn	Thùy Dung	25/01/1979	Nữ	Hoàng Mai	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình	Con BB	
3	XT0037	Tô Thị	Thùy Dung	23/11/1987	Nữ	Bắc Từ Liêm	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
4	XT0038	Vương Thị	Thanh Dung	15/07/1993	Nữ	Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
5	XT0039	Trần Thị	Dương	21/07/1989	Nữ	Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
6	XT0040	Hà Thị	Duyên	05/08/1991	Nữ	Ba Vì	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
7	XT0041	Nguyễn Thị	Duyên	20/09/1992	Nữ	Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
8	XT0042	Nguyễn Thị	Hoàng Đan	18/03/1993	Nữ	Sóc Sơn	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0043	Tạ Thị	Đào	07/09/1987	Nữ	Phú Xuyên	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
10	XT0044	Lê Thị	Diễm	30/12/1991	Nữ	Hoài Đức	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
11	XT0045	Hoàng Minh	Đức	12/12/1993	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
12	XT0046	Phạm Thị	Giang	13/06/1991	Nữ	Kim Thụ - Thanh Oai	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0047	Trịnh Thị	Giang	24/01/1992	Nữ	Quảng Bộ - Chương Mỹ	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
14	XT0048	Chu Thị	Khánh Hà	24/03/1983	Nữ	Sơn Đà - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
15	XT0049	Chu Thu	Hà	17/05/1990	Nữ	Lại Thượng - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
16	XT0050	Đặng Thị	Thúy Hà	11/04/1980	Nữ	Ba Vì	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
17	XT0051	Lê Thanh	Hà	06/06/1987	Nữ	Bắc Từ Liêm	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Thụy Phương		
18	XT0052	Nguyễn Ngọc	Hà	25/10/1990	Nữ	Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Địa	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
19	XT0053	Nguyễn Ngọc	Hà	22/12/1980	Nữ	Đông Anh	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
20	XT0054	Nguyễn Thị	Thái Hà	14/10/1988	Nữ	Đông Anh	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
21	XT0055	Nguyễn Thị	Thu Hà	17/01/1991	Nữ	Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	Sp Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
22	XT0056	Nguyễn Thị	Thúy Hà	06/08/1992	Nữ	Quốc Oai	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
23	XT0057	Phạm Văn	Hà	10/09/1977	Nam	Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
24	XT0058	Tạ Thị	Hà	20/11/1988	Nữ	Ứng Hòa	Cao đẳng	Chính quy	Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
25	XT0059	Đinh Thị	Hạ	26/10/1989	Nữ	Hoài Đức	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
26	XT0060	Nguyễn Thị	Hạ	08/05/1992	nữ	Mê Linh	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
27	XT0061	Hoàng Thị	Hải	25/11/1992	Nữ	Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
28	XT0062	Lê Thị	Hồng Hải	16/12/1993	Nữ	Ứng Hòa	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
29	XT0063	Nguyễn Công	Hải	04/09/1985	Nam	Liên Trung - ĐP	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
30	XT0064	Đặng Thị	Thúy Hằng	11/03/1990	Nữ	Vân Phúc - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
31	XT0065	Đinh Thị	Thu Hằng	15/08/1990	Nữ	Chuyên Mỹ - Phú Xuyên	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
32	XT0066	Lưu Thị	Bích Hằng	08/10/1978	Nữ	Đức Thượng - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
33	XT0067	Nguyễn Thị	Hằng	16/10/1986	Nữ	Phượng Canh - NTL	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
34	XT0068	Nguyễn Thị	Thu Hằng	16/10/1977	nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		

(Danh sách có: 34 thí sinh)



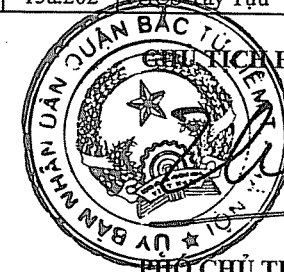
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

PHÒNG SỐ
03

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0069	Phạm Thị	Hằng	11/01/1991	Nữ	Phú Thịnh - ST	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
2	XT0070	Phùng Thị	Hằng	07/11/1992	Nữ	Đồng Trúc - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
3	XT0071	Trần Thị	Hằng	09/06/1989	Nữ	Xuân Phú - PT	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
4	XT0072	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	22/04/1986	Nữ	Liên Hiệp - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
5	XT0073	Hoàng Thị Thúy	Hạnh	15/10/1980	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD CD	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
6	XT0074	Lê Thị	Hạnh	24/04/1976	Nữ	Minh Khai - BTL	Đại học	Chính quy	Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
7	XT0075	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	04/10/1992	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
8	XT0076	Phạm Hồng	Hạnh	14/02/1993	nữ	Thanh Văn - Thanh Oai	Cao đẳng	Chính quy	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0077	Nguyễn Thị	Hậu	01/12/1989	Nữ	Thượng Cát - BTL	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
10	XT0078	Tạ Thị	Hiền	29/09/1989	Nữ	Phùng - ĐP	Đại học	Chính quy	Văn Học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
11	XT0079	Tạ Ngọc	Hiền	07/03/1990	Nam	Tân Lĩnh - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
12	XT0080	Chu Thị	Hiền	04/08/1986	Nữ	Phú Sơn - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0081	Đặng Thị Thu	Hiền	14/09/1992	Nữ	Tảo Dương Văn - UH	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
14	XT0082	Doãn Thị	Hiền	06/09/1990	Nữ	Vĩnh Hưng - Hoàng Mai	Đại học	Chính quy	Văn Học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
15	XT0083	Nguyễn Thị	Hiền	27/05/1982	Nữ	Nghĩa Tân - CG	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD CD	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
16	XT0084	Nguyễn Thị	Hiền	18/06/1992	Nữ	Tốt Động - Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
17	XT0085	Nguyễn Thị	Hiền	27/06/1991	Nữ	Tam Hiệp - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Phúc Diễn		
18	XT0086	Nguyễn Thị	Hiền	16/09/1990	Nữ	Cô Nhuê 2 - BTL	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
19	XT0087	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/05/1991	Nữ	Kim Chung - Hoài Đức	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
20	XT0088	Nguyễn Thị Thu	Hiền	28/11/1990	Nữ	Mỹ Đình 2 - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	TNTN	
21	XT0089	Phí Thị	Hiệp	23/06/1984	Nữ	Duyên Hà - Thanh Trì	Thạc sĩ		Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
22	XT0090	Đặng Thị	Hoa	31/12/1986	Nữ	Trường Thịnh - UH	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
23	XT0091	Lê Thị	Hoa	08/07/1991	Nữ	Phương Tú - UH	Đại học	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Phú Diễn		
24	XT0092	Lê Thị	Hoa	11/10/1990	Nữ	Hương Ngải - Thạch Thất	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
25	XT0093	Lê Thị	Hoa	10/05/1985	Nữ	Nghĩa Tân - CG	Thạc sĩ		Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
26	XT0094	Nguyễn Thị	Hoa	08/09/1992	Nữ	Lại Yên - Hoài Đức	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
27	XT0095	Nguyễn Thị	Hoa	09/05/1993	Nữ	Tân Hội - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
28	XT0096	Nguyễn Thị Mai	Hoa	05/08/1980	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD CD	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
29	XT0097	Đỗ Thị	Hoan	29/10/1978	Nữ	Hiền Ninh - Sóc Sơn	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD CD	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
30	XT0098	Nguyễn Thị	Hồi	11/07/1985	Nữ	Phúc Thọ	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
31	XT0099	Bùi Thị	Hội	06/06/1983	Nữ	Gia Lâm	Thạc sĩ		Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
32	XT0100	Lê Thị	Hồng	23/10/1990	Nữ	Thanh Đa - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
33	XT0101	Nguyễn Thị	Hồng	02/04/1985	Nữ	Phúc Lâm - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
34	XT0102	Nguyễn Thị	Hồng	02/02/1982	Nữ	Xuân Phương - NTL	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD CD	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		

(Danh sách có: 34 thí sinh)

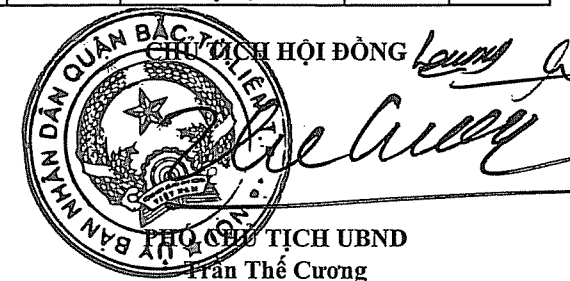


PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT0103	Nguyễn Thị	Hồng	20/07/1992	Nữ	Vân Côn - Hoài Đức	Đại học	Chính quy	Văn Học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
2	XT0104	Vũ Thị	Hồng	19/07/1991	Nữ	Hồng Sơn - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
3	XT0105	Phan Văn	Huân	13/10/1981	Nam	Bắc Hồng - Đông Anh	Đại học	Chính quy	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
4	XT0106	Nguyễn Thị	Huê	24/09/1993	Nữ	Hòa Nam - UH	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
5	XT0107	Lê Thị Mai	Huệ	13/11/1991	Nữ	Phú Phương - BV	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
6	XT0108	Trần Thị	Huệ	13/08/1978	Nữ	Đắc Sở - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
7	XT0109	Lê Văn	Hùng	19/07/1991	Nam	Đại Nghĩa - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
8	XT0110	Kiều Thị	Hương	02/08/1992	Nữ	Ngọc Liệp - Quốc Oai	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0111	Lê Thị	Hương	17/05/1992	Nữ	Võng Xuyên - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	Văn - GD&CD	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
10	XT0112	Nghiêm Thị	Hương	18/11/1991	nữ	Tân Ước - Thanh Oai	Đại học	Chính quy	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
11	XT0113	Nguyễn Thị	Hương	01/07/1986	Nữ	Hương Sơn - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
12	XT0114	Nguyễn Thị	Hương	17/11/1992	Nữ	Minh Khai - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0115	Nguyễn Thị Lan	Hương	14/05/1986	Nữ	Ô Chợ Dừa - Đống Đa	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
14	XT0116	Nguyễn Thị Mai	Hương	28/04/1986	Nữ	Thanh Xuân - Sóc Sơn	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&CD	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
15	XT0117	Nguyễn Thị Thanh	Hương	04/12/1991	Nữ	Cổ Đô - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
16	XT0118	Nguyễn Thị Thanh	Hương	06/04/1988	Nữ	Minh Trí - Sóc Sơn	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - địa	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình		
17	XT0119	Nguyễn Thị Thu	Hương	19/08/1990	Nữ	Phú Phương - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
18	XT0120	Nguyễn Thị Thu	Hương	08/12/1975	Nữ	Hòa Thạch - Quốc Oai	Cao đẳng	Chính quy	Văn - sử	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
19	XT0121	Phan Thu	Hương	12/03/1982	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&CD	GV Văn	15a.202	THCS Thụy phương		
20	XT0122	Phùng Thị Quỳnh	Hương	25/10/1992	Nữ	Vật Lại - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
21	XT0123	Trương Thị	Hương	20/12/1986	Nữ	Cầm Đình - Phúc Thọ	Thạc sỹ		Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
22	XT0124	Nghiêm Thị Thu	Hường	05/01/1991	Nữ	Hoa Sơn - UH	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
23	XT0125	Nguyễn Thị	Hường	30/06/1991	Nữ	Thụy Lâm - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
24	XT0126	Nguyễn Thị	Hường	31/08/1988	Nữ	Tân Phú - Quốc Oai	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
25	XT0127	Nguyễn Thị	Hường	05/04/1992	Nữ	Tây Đằng - BV	Đại học	Chính quy	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình		
26	XT0128	Trần Thị	Hường	15/04/1992	Nữ	Thọ Xuân - ĐP	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
27	XT0129	Bùi Thị Thu	Huyền	15/01/1981	Nữ	Phú Lương - Hà Đông	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&CD	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
28	XT0130	Đặng Thị	Huyền	15/02/1991	Nữ	Thượng Cốc - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Phúc Diễn		
29	XT0131	Đỗ Thị	Huyền	09/01/1987	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP văn - sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
30	XT0132	Dương Thị	Huyền	04/09/1992	Nữ	Trung Hòa - Chương Mỹ	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
31	XT0133	Nguyễn Thị	Huyền	10/09/1982	Nữ	Phú Cường - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
32	XT0134	Phạm Minh	Huyền	03/04/1990	Nữ	Hoàng Long - Phú Xuyên	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
33	XT0135	Phùng Thị	Huyền	17/06/1990	Nữ	Hồng Quang - UH	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
34	XT0136	Từ Thị Thanh	Huyền	09/04/1992	Nữ	Liên Ninh - Thường Tín	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		

(Danh sách có: 34 thí sinh)



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)**

PHÒNG SỐ
05

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT0137	Vũ Thanh	Huyền	07/03/1987	Nữ	Đồng Tháp - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
2	XT0138	Đỗ Ngọc	Khanh	24/09/1991	Nam	Vạn Kim - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
3	XT0139	Nguyễn Thị	Khánh	21/01/1993	Nữ	Tân Tiên - Chương Mỹ	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
4	XT0140	Nguyễn Thị	Khuyên	05/12/1990	Nữ	Quảng Phú Cầu - UH	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Phúc Diễn		
5	XT0141	Đỗ Chí	Kiên	27/01/1992	Nam	Xuân Tảo - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình	Con TB	
6	XT0142	Hoàng Thị	Kiều	13/07/1992	Nữ	Đồng Phú - Chương Mỹ	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
7	XT0143	Phạm Thị	Lâm	08/12/1984	Nữ	Tam Đồng - Mê Linh	Thạc sĩ		Lý luận Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
8	XT0144	Phạm Thị	Lâm	10/09/1993	Nữ	Sơn Hà - Phú Xuyên	Cao đẳng	Chính quy	SP văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0145	Hà Thị	Lan	10/09/1987	Nữ	Nam Hồng - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
10	XT0146	Hoàng Thị Ngọc	Lan	16/07/1993	Nữ	Kim Nỗ - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
11	XT0147	Lê Thị Ngọc	Lan	19/08/1978	Nữ	Kim Chung - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
12	XT0148	Lê Thị Thanh	Lan	08/02/1992	Nữ	Hồng Thái - Phú Xuyên	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0149	Nguyễn Thị	Lan	20/08/1991	Nữ	Đại Nghĩa - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
14	XT0150	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	22/08/1991	Nữ	Vân Hòa - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
15	XT0151	Nguyễn Tô	Lan	26/08/1980	Nữ	Đức Giang - Hoài Đức	Đại học	Chính quy	Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
16	XT0152	Đình Thị	Lân	21/03/1988	Nữ	Hòa Nam - UH	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
17	XT0153	Ngô Thị	Lăng	04/04/1993	Nữ	Phú Cát -Quốc Oai	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
18	XT0154	Trần Thị	Lê	02/10/1992	Nữ	Vĩnh Hưng - Hoàng Mai	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình		
19	XT0155	Hoàng Thị	Lê	30/08/1992	Nữ	Long Xuyên - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
20	XT0156	Tạ Thị	Lê	21/06/1988	Nữ	Hạ Bằng - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	CNNCĐ	
21	XT0157	Trần Thị	Lê	23/01/1990	Nữ	Tam Thuận - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
22	XT0158	Hoàng Thị Kim	Liên	03/09/1991	Nữ	Vạn Thắng - BV	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
23	XT0159	Kiều Thị	Liên	10/03/1990	Nữ	Cổ Đông - ST	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
24	XT0160	Ngô Thị	Liên	04/01/1991	Nữ	Tân Hội - ĐP	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
25	XT0161	Nguyễn Thị Bích	Liên	18/08/1979	Nữ	Xuân Mai - Chương Mỹ	Cao đẳng	Chính quy	Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
26	XT0162	Nguyễn Thị Kim	Liên	03/08/1992	Nữ	Long Xuyên - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
27	XT0163	Tạ Thị	Liên	20/10/1987	Nữ	Hoàng Kim - Mê Linh	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
28	XT0164	Chữ Thị Mai	Linh	03/02/1988	Nữ	Vạn Phúc - Thanh Trì	Cao đẳng	Chính quy	Sp Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
29	XT0165	Nguyễn Diệu	Linh	05/09/1993	Nữ	Tiên Dương - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	Sp Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
30	XT0166	Ngô Thị Tô	Loan	03/05/1990	Nữ	Chu Minh - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
31	XT0167	Nguyễn Thị Thanh	Loan	21/03/1986	Nữ	Quang Minh - Mê Linh	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
32	XT0168	Tạ Thị Bích	Loan	15/02/1987	Nữ	Thụy An - BV	Đại học	Chính quy - LT	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
33	XT0169	Trần Thị Ngọc	Loan	24/09/1989	Nữ	Quan Hoa - CG	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
34	XT0170	Vũ Thị	Loan	02/11/1989	Nữ	Chương Mỹ	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		

(Danh sách có: 34 thí sinh)

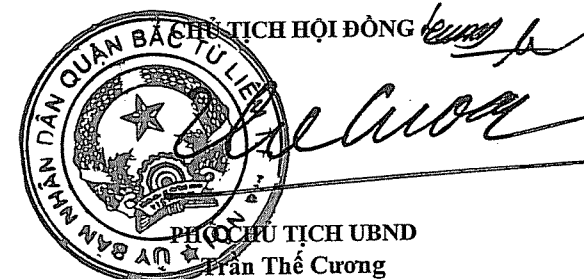


HỒ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SẮT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0171	Phùng Thị	Luân	28/05/1989	Nữ	Vạn Thắng - BV	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
2	XT0172	Nguyễn Thị	Lượng	27/03/1988	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
3	XT0173	Nguyễn Thị	Luyên	22/04/1976	Nữ	Lại Yên - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	Văn - sử	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình	Con BB	
4	XT0174	Vũ Thị	Luyên	20/10/1989	Nữ	Thanh Nhân - HBT	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Minh Khai		
5	XT0175	Nguyễn Thị	Luyên	19/08/1987	Nữ	Tuy Lai - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
6	XT0176	Vũ Thị	Luyên	05/03/1992	Nữ	Thư Phú - Thường Tín	Đại học	Chính quy	Văn Học	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
7	XT0177	Nguyễn Thị	Ly	29/05/1991	Nữ	Tiên Dược - SS	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
8	XT0178	Nguyễn Thị	Ly	22/07/1987	Nữ	Bình Yên - Thạch Thất	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0179	Nguyễn Thị Kiều	Ly	17/06/1992	Nữ	Quất Động - Thường Tín	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
10	XT0180	Vi Thị	Ly	31/08/1986	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Đại học	Chính quy	SP văn	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình		
11	XT0181	Lê Thị	Lý	09/06/1985	Nữ	Tam Hưng - Thanh Oai	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
12	XT0182	Bạch Thị	Mai	20/04/1992	Nữ	Tuy Lai - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0183	Đặng Thị Tuyết	Mai	25/02/1978	Nữ	Dịch Vọng Hậu - CG	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
14	XT0184	Khuất Thị Ngọc	Mai	12/02/1991	Nữ	Phúc Thọ - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
15	XT0185	Ngô Thị Ngọc	Mai	19/05/1988	Nữ	Cần Hữu - Quốc Oai	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
16	XT0186	Nguyễn Ngọc	Mai	26/02/1993	Nữ	An Khánh - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
17	XT0187	Nguyễn Thị	Mai	05/08/1976	Nữ	Phương Trung - Thanh Oai	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
18	XT0188	Phó Hữu	Mạnh	26/08/1991	Nam	An Khánh - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
19	XT0189	Trịnh Thị	Màu	14/02/1987	Nữ	Xuân La - Tây Hồ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
20	XT0190	Lâm Thị	Mến	09/04/1993	nữ	Khai Thái - Phú Xuyên	Cao đẳng	Chính quy	Sp Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
21	XT0191	Duy Thùy	Minh	19/05/1990	Nữ	Hát Môn - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
22	XT0192	Nguyễn Thị Hồng	Minh	29/03/1989	Nữ	Hồng Dương - Thanh Oai	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
23	XT0193	Nguyễn Thị	Mơ	28/05/1990	Nữ	Mỹ Lương - Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Phúc Diễn		
24	XT0194	Nguyễn Thị Hà	My	08/10/1992	nữ	Đắc Sở - Hoài Đức	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
25	XT0195	Trần Thị Ngọc	Mỹ	20/02/1977	Nữ	Nam Hồng - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
26	XT0196	Đỗ Thị	Nga	08/09/1991	Nữ	Trung Châu - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD&ĐT	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
27	XT0197	Đỗ Thúy	Nga	27/05/1975	Nữ	Phúc La - Hà Đông	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
28	XT0198	Nguyễn Thị	Nga	28/02/1993	Nữ	Liên Hồng - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
29	XT0199	Nguyễn Thị	Nga	10/09/1986	Nữ	Cầu Dền - HBT	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
30	XT0200	Nguyễn Thị	Nga	25/10/1981	Nữ	Tây Mỗ - NTL	Thạc sĩ		Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con BB	
31	XT0201	Nguyễn Thị	Nga	29/11/1988	Nữ	Canh Nậu - Thạch Thất	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
32	XT0202	Nguyễn Thị	Nga	18/08/1990	Nữ	Vạn Yên - Mê Linh	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
33	XT0203	Nguyễn Thị Thanh	Nga	29/09/1979	Nữ	Đại Hưng - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
34	XT0204	Phan Thị Thúy	Nga	04/06/1992	Nữ	Đường Lâm - Sơn Tây	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		

(Danh sách có: 34 thí sinh)



PHÒNG SỐ
07

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT0205	Đinh Thị	Ngà	24/08/1988	Nữ	An Thượng - Hoài Đức	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
2	XT0206	Bùi Thị	Ngân	12/05/1991	Nữ	Bột Xuyên - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
3	XT0207	Trần Thị	Nguyện	18/12/1992	Nữ	Đồng Thái - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
4	XT0208	Bùi Thị	Nguyệt	13/02/1972	Nữ	Cầu Dền - HBT	Cao đẳng	Chính quy	Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
5	XT0209	Đinh Thị Bích	Nguyệt	02/02/1988	Nữ	Phủ Mẫn - Quốc Oai	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	DTTS	
6	XT0210	Nguyễn Thị	Nguyệt	05/10/1983	Nữ	Nguyễn Trãi - Thanh Xuân	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
7	XT0211	Nguyễn Thị	Nguyệt	20/09/1990	Nữ	Tảo Dương Văn - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
8	XT0212	Nguyễn Thị	Nguyệt	06/09/1993	Nữ	Yên Sở - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0213	Nguyễn Thị	Nguyệt	28/05/1985	Nữ	Đại Hưng - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
10	XT0214	Phạm Thị Minh	Nguyệt	13/07/1987	Nữ	Phủ Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình		
11	XT0215	Vũ Thị Minh	Nguyệt	27/12/1990	Nữ	Phúc Tiến - Phú Xuyên	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
12	XT0216	Xuân Thị	Nhâm	03/04/1991	Nữ	Sơn Đồng - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0217	Nguyễn Thị	Nhàn	08/03/1992	Nữ	Chúc Sơn - Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
14	XT0218	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	25/08/1990	Nữ	Nam Sơn - Sóc Sơn	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
15	XT0219	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	01/10/1983	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Thượng cát		
16	XT0220	Nguyễn Thị	Nhạn	10/01/1987	Nữ	Phương Liệt - TX	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Phúc Diễn		
17	XT0221	Phạm Thị	Nhị	23/07/1989	Nữ	Liên Ninh - TT	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
18	XT0222	Đỗ Thị	Nhinh	12/10/1991	Nữ	Phượng Tú - ƯH	Đại học	Chính quy	SP Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Phúc Diễn		
19	XT0223	Bùi Thị	Như	31/01/1987	Nữ	Trung Châu - ĐP	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
20	XT0224	Đặng Thị Hồng	Nhung	21/11/1989	Nữ	Đại Mỗ - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
21	XT0225	Nguyễn Thị	Nhung	05/05/1991	Nữ	Tốt Động - Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
22	XT0226	Phạm Thị	Nhung	12/06/1992	Nữ	Hồng Hà - Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
23	XT0227	Nguyễn Thị	Ninh	16/07/1988	Nữ	Canh Nậu - Thạch Thất	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
24	XT0228	Hoàng Thị	Nương	10/05/1991	Nữ	Phượng Trung - Thanh Oai	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD CD	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
25	XT0229	Đàm Thị	Oanh	28/06/1992	Nữ	Bình Phú - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
26	XT0230	Cần Thị Mai	Phương	15/06/1989	Nữ	Liên Hồng - ĐP	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Minh Khai		
27	XT0231	Đinh Thị	Phương	04/05/1990	Nữ	An Phú - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	DTTS	
28	XT0232	Đinh Thị Thu	Phương	07/12/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
29	XT0233	Khuất Thị	Phương	19/10/1990	Nữ	Tích Giang - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
30	XT0234	Nguyễn Thị Bích	Phương	16/11/1990	Nữ	Thượng Cốc - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
31	XT0235	Nguyễn Thị Huyền	Phương	08/10/1990	Nữ	Minh Quang - BV	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
32	XT0236	Nguyễn Thị Thanh	Phương	12/10/1989	Nữ	Văn Phú - Hà Đông	Đại học	ĐT CL cao	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
33	XT0237	Phạm Thị Minh	Phương	25/03/1989	Nữ	Tòng Bạt - BV	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
34	XT0238	Trần Thị	Phương	16/09/1992	Nữ	Quảng Phú Cầu - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình		

(Danh sách có: 34 thí sinh)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIAO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

PHÒNG SỐ
08

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0239	Nguyễn Thị	Phượng	22/06/1990	Nữ	Tuyệt Nghĩa - Quốc Oai	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
2	XT0240	Phạm Thị Hoa	Phượng	19/11/1985	Nữ	Hoàng Liệt - Hoàng Mai	Đại học	Chính quy	SP văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
3	XT0241	Đặng Thị	Quê	04/04/1993	Nữ	Kim Đường - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
4	XT0242	Nguyễn Thị	Quyên	24/07/1987	Nữ	Cao Viên - Thanh Oai	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
5	XT0243	Nguyễn Thị Thu	Quyên	09/08/1983	Nữ	Lại Thượng - Thạch Thất	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
6	XT0244	Phạm Lê	Quyên	28/05/1993	Nữ	Kim Chung - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
7	XT0245	Phùng Thị Ngọc	Quyên	15/09/1993	Nữ	Hòa Xá - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	Sp Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
8	XT0246	Cao Thị	Quỳnh	01/06/1991	Nữ	Liên Hồng - ĐP	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0247	Đinh Thị Hương	Quỳnh	05/07/1992	Nữ	Phùng - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
10	XT0248	Hà Thị	Quỳnh	19/10/1992	Nữ	Tích Giang - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
11	XT0249	Nguyễn Thị	Quỳnh	10/06/1992	Nữ	Ứng Hòa - HN	Cao đẳng	Chính quy	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
12	XT0250	Tào Thị	Quỳnh	06/01/1991	Nữ	Ngọc Mỹ - Quốc Oai	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0251	Nguyễn Thị	Sen	20/06/1989	Nữ	Phụng Thượng - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Phú Diễn		
14	XT0252	Nguyễn Thị	Sen	11/08/1987	Nữ	Quang Trung - Hà Đông	Cao đẳng	Chính quy	Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
15	XT0253	Đỗ Thị	Tâm	08/01/1980	Nữ	Tiền Dương - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - GD CD	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
16	XT0254	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18/03/1992	Nữ	Quảng Phú Cầu - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình		
17	XT0255	Tạ Thị	Tâm	27/12/1992	Nữ	Vân Đình - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
18	XT0256	Nguyễn Thị	Thắm	14/12/1989	Nữ	Hợp Thanh - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
19	XT0257	Trần Thị	Thắm	28/08/1990	Nữ	Vân Đình - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
20	XT0258	Vương Thị	Thắm	05/11/1993	Nữ	Lại Thượng - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
21	XT0259	Đỗ Thị	Thắng	24/02/1980	Nữ	Liên Hiệp - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy - LT	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
22	XT0260	Nguyễn Thị	Thắng	02/04/1986	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
23	XT0261	Nguyễn Toàn	Thắng	12/07/1983	Nam	Thanh Đa - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
24	XT0262	Nguyễn Thị	Thanh	22/07/1985	Nữ	Thắng Lợi - Thường Tín	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
25	XT0263	Nguyễn Thị	Thanh	09/11/1988	Nữ	Nghĩa Hương - Quốc Oai	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
26	XT0264	Tạ Thị Cẩm	Thanh	05/11/1985	Nữ	Do Thượng - Mê Linh	Thạc sĩ		Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
27	XT0265	Trần Phương	Thanh	09/03/1983	Nữ	Trung Văn - NTL	Thạc sĩ		Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
28	XT0266	Cần Thị	Thảo	31/05/1986	Nữ	Long Xuyên - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
29	XT0267	Đỗ Thị	Thảo	09/11/1993	Nữ	Kim Quan - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
30	XT0268	Nguyễn Thị	Thảo	10/08/1992	Nữ	Tòng Bạt - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
31	XT0269	Phạm Thị	The	15/04/1991	Nữ	Trường Thịnh - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
32	XT0270	Đỗ Thị Kim	Thoa	24/07/1979	Nữ	Dịch Vọng - CG	Đại học	Chính quy	Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Phú Diễn		
33	XT0271	Nguyễn Thị	Thoa	19/8/1985	Nữ	Lê Thanh - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD CD	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
34	XT0272	Trần Thị	Thoa	21/05/1989	Nữ	Tuy Lai - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy- LT	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát	Con TB	

(Danh sách có: 34 thí sinh)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG *Leang B*
Trần Thế Cường
PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT0273	Đinh Thị	Thom	12/07/1986	Nữ	Thạch Hòa - Thạch Thất	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	DT	
2	XT0274	Đỗ Thị	Thu	06/05/1993	Nữ	Thượng Cốc - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
3	XT0275	Dương Thị	Thu	27/08/1989	Nữ	Quảng Bì - Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
4	XT0276	Nguyễn Thị	Thu	12/03/1991	Nữ	Đồng Quang - BV	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
5	XT0277	Nguyễn Thị	Thu	13/06/1992	Nữ	Minh Quang - BV	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	DT	
6	XT0278	Nguyễn Thị	Thu	31/08/1990	Nữ	Văn Khê - Mê Linh	Đại học	Chính quy	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
7	XT0279	Đỗ Thị	Thuần	09/09/1985	Nữ	Tôn Đức Thắng - Hàng Bột	Đại học	Chính quy VB2	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
8	XT0280	Đỗ Thị	Thuận	17/07/1987	Nữ	Tân Hòa - Quốc Oai	Cao đẳng	Chính quy	Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	CNDHCS	
9	XT0281	Phùng Thị	Thuận	09/03/1990	Nữ	Tuy Lai - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP văn - sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
10	XT0282	Đào Thị	Thương	03/09/1991	Nữ	Đại Hưng - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
11	XT0283	Hoàng Thị	Thường	28/04/1989	Nữ	Minh Khai - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	Văn-GDCD	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
12	XT0284	Đào Thúy	Thúy	23/03/1990	Nữ	Tiên Thịnh - Mê Linh	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Đông Ngạc		
13	XT0285	Hoàng Thị	Thúy	12/08/1992	Nữ	Viên An - UH	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
14	XT0286	Nguyễn Thị	Thúy	27/02/1978	Nữ	Di Trạch - Hoài Đức	Thạc sỹ		Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
15	XT0287	Nguyễn Thị	Thúy	27/05/1978	Nữ	Mỹ Đình 1 - NTL	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GDCD	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
16	XT0288	Nguyễn Thị	Thúy	16/08/1979	Nữ	Đức Thượng - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát	Con BB	
17	XT0289	Nguyễn Thị	Thủy	11/10/1993	Nữ	Quảng Bì - Chương Mỹ	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
18	XT0290	Nguyễn Thị	Thủy	21/02/1989	Nữ	Tiên Phương - Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
19	XT0291	Nguyễn Thị	Thủy	26/02/1993	Nữ	Đại Áng - Thanh Trì	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
20	XT0292	Tạ Minh	Thủy	28/01/1986	Nữ	Bạch Mai - HBT	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
21	XT0293	Văn Thị	Thủy	01/04/1993	Nữ	Đông La - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
22	XT0294	Phùng Thị	Thuyết	12/10/1989	Nữ	Hồng Hà - ĐP	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
23	XT0295	Nguyễn Thị	Tiên	02/10/1981	Nữ	Đại Mạch - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GDCD	GV Văn	15a.202	THCS Xuân Đình		
24	XT0296	Nguyễn Thị	Tiếp	15/11/1989	Nữ	Hữu Văn - Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
25	XT0297	Lê Thị	Tinh	30/05/1987	Nữ	Ngọc Tảo - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
26	XT0298	Tô Thị	Toan	25/01/1991	Nữ	Nguyên Khê - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
27	XT0299	Đặng Thị Huyền	Trang	05/04/1993	Nữ	Hồng Thái - Phú Xuyên	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
28	XT0300	Đỗ Thị Ut	Trang	28/03/1991	Nữ	Cao Dương - Thanh Oai	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
29	XT0301	Lê Thị Minh	Trang	08/03/1992	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
30	XT0302	Lê Thị Thủy	Trang	25/09/1991	Nữ	An Thượng - HĐ	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Phúc Diễn		
31	XT0303	Nguyễn Mai	Trang	12/08/1991	Nữ	Chàng Sơn - TT	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
32	XT0304	Nguyễn Thị	Trang	02/06/1990	Nữ	Minh Khai - Hoài Đức	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
33	XT0305	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	03/11/1984	Nữ	Song Phương - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	Sp Văn - GDCD	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
34	XT0306	Phan Huyền	Trang	29/11/1985	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - Sử	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		

(Danh sách có: 34 thí sinh)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG 

PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT0307	Trần Thị Thu	Trang	23/04/1993	Nữ	Hợp Tiên - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
2	XT0308	Trần Thị Huyền	Trang	03/02/1985	Nữ	Mỹ Đình 1 - NTL	Đại học	Chính quy VB2	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
3	XT0309	Trịnh Thị	Trang	24/08/1993	Nữ	Chương Mỹ - HN	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
4	XT0310	Trương Thu	Trang	15/11/1991	Nữ	Thăng Lội - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
5	XT0311	Tô Thị Thanh	Tú	19/05/1990	Nữ	Tân Mai - Hoàng Mai	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Phúc Diễn		
6	XT0312	Nguyễn Thị	Tư	25/04/1993	Nữ	Tân Minh - Sóc Sơn	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
7	XT0313	An Ngọc	Tuấn	27/07/1990	Nam	Yên Mỹ - Thanh Trì	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
8	XT0314	Nguyễn Thị	Tươi	04/09/1988	Nữ	Phú Cường - Sóc Sơn	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - GD CD	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0315	Lê Chí	Tuyền	15/06/1991	Nam	Tân Lĩnh - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
10	XT0316	Nguyễn Thị	Tuyền	12/05/1977	Nữ	Nghĩa Đô - CG	Thạc sĩ		Giáo dục học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
11	XT0317	Khuất Thị	Tuyền	27/08/1992	Nữ	Viên Sơn - ST	Đại học	Chính quy	Sp Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
12	XT0318	Dương Thị	Tuyết	04/02/1988	Nữ	Phụng Thượng - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0319	Khuất Thị Minh	Tuyết	07/10/1988	Nữ	Tích Giang - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
14	XT0320	Trần Thị	Tuyết	06/07/1977	Nữ	Đông Anh - HN	Đại học	Chính quy	Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát		
15	XT0321	Bùi Thị Thúy	Vân	29/01/1988	Nữ	Phú Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
16	XT0322	Đặng Thị Tô	Vân	07/02/1984	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD CD	GV Văn	15a.202	THCS Thụy Phương		
17	XT0323	Doãn Thị	Vân	09/04/1978	Nữ	Dương Liễu - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Liên Mạc		
18	XT0324	Phạm Thị	Vân	19/09/1985	Nữ	Trung Châu - ĐP	Đại học	Chính quy	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
19	XT0325	Tạ Thị	Vân	28/07/1984	Nữ	La Phù - Hoài Đức	Đại học	Chính quy - LT	SP ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
20	XT0326	Vũ Thanh	Vân	07/08/1993	Nữ	Liên Ninh - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
21	XT0327	Nguyễn Thị Thúy	Vui	28/08/1982	Nữ	Việt Hùng - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	Văn - GD CD	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
22	XT0328	Võ Thị	Xoan	08/05/1989	Nữ	Thanh Xuân Trung - TX	Đại Học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Minh Khai		
23	XT0329	Lương Thị Lệ	Xuân	05/01/1990	Nữ	Thạch Thán - Quốc Oai	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
24	XT0330	Nguyễn Thị	Xuân	01/12/1988	Nữ	Nghĩa Hương - Quốc Oai	Cao đẳng	Chính quy	SP Văn - CTĐ	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
25	XT0331	Nguyễn Thị	Yên	20/09/1979	Nữ	Thụy Phương - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Văn sử	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
26	XT0332	Đỗ Thị	Yên	03/04/1990	Nữ	Minh Châu - BV	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
27	XT0333	Nguyễn Hải	Yên	23/08/1992	Nữ	Minh Quang - BV	Đại học	Chính quy	SP Ngữ Văn	GV Văn	15a.202	THCS Thượng Cát	DTTS	
28	XT0334	Nguyễn Thị	Yên	06/03/1989	Nữ	Song Phương - HD	Thạc sĩ		Văn	GV Văn	15a.202	THCS Phúc Diễn		
29	XT0335	Nguyễn Thị Bảo	Yên	19/09/1989	Nữ	Nghĩa Đô - CG	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
30	XT0336	Nguyễn Thị Hải	Yên	09/09/1990	Nữ	Lê Thanh - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP Ngữ văn	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		
31	XT0337	Vũ Thị	Yên	10/05/1987	Nữ	Sài Sơn - Quốc Oai	Đại học	Chính quy	Văn học	GV Văn	15a.202	THCS Tây Tựu		

(Danh sách có: 31 thí sinh)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

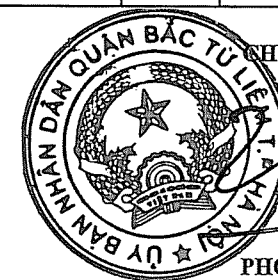
PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: TOÁN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

PHÒNG SỐ 11

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0338	Khuất Thị Kim	Anh	13/10/1980	Nữ	Ngọc Tảo - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	Toán-Tin Học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
2	XT0339	Nguyễn Thị	Anh	19/08/1991	Nữ	Tân Hội - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
3	XT0340	Nguyễn Thị	Anh	01/06/1985	Nữ	Nghĩa Đô - CG	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
4	XT0341	Nguyễn Thị Vân	Anh	22/09/1986	Nữ	Xuân Phương - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán - Tin học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
5	XT0342	Phạm Thị Nguyệt	Anh	28/01/1992	Nữ	Vân Đình - UH	Đại học	CQ - CLC	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Minh Khai		
6	XT0343	Tạ Đăng	Bảo	12/07/1988	Nam	Tam Thuận - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy - LT	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
7	XT0344	Nguyễn Thị	Bích	06/03/1991	Nữ	Đức Thắng - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
8	XT0345	Lê Thị Phương	Chi	16/11/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán Học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
9	XT0346	Nguyễn Khánh	Chung	30/10/1979	Nam	Bùi Xương Trạch - TX	Thạc sĩ		SP Toán	GV Toán	15a.202	THCS Minh Khai		
10	XT0347	Ngô Thị Hồng	Diễm	21/03/1991	Nữ	Phù Lỗ - Sóc Sơn	Đại học	Chính quy	SP Toán	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
11	XT0348	Đỗ Thị	Dung	13/9/1985	Nữ	Liên Hiệp - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	Sp Toán - KTCN	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
12	XT0349	Nguyễn Đăng	Dũng	22/11/1984	Nam	Cầu Giấy - HN	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
13	XT0350	Phạm Hồng	Đoàn	22/5/1982	Nam	Minh Khai - BTL	Đại học	Chính quy - VB2	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
14	XT0351	Lê Thị Thu	Hà	08/11/1977	Nữ	Nghĩa Tân - CG	Cao đẳng	Chính quy	Toán lý	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2	Con TB	
15	XT0352	Nguyễn Thị	Hà	31/5/1993	Nữ	Thanh Mai - Thanh Oai	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
16	XT0353	Trần Ngọc	Hà	24/3/1992	Nữ	Hát Môn - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
17	XT0354	Trần Thị Hải	Hà	20/01/1986	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán - CTĐ	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
18	XT0355	Phùng Văn	Hải	20/11/1987	Nam	Chu Minh - BV	Đại học	Chính quy	SP Toán Học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình	HTNVQS	
19	XT0356	Lê Thị Thủy	Hằng	02/02/1990	Nữ	Kiến Hưng - Hà Đông	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
20	XT0357	Ngô Thị Tuyết	Hằng	27/10/1992	Nữ	Phú Châu - Ba Vì	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
21	XT0358	Phùng Thị	Hằng	16/09/1991	Nữ	Dương Liễu - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
22	XT0359	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	21/08/1991	Nữ	Xuân Tảo - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
23	XT0360	Phạm Thị Hồng	Hạnh	04/04/1979	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Toán Lý	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
24	XT0361	Cao Thị	Hào	17/09/1991	Nữ	Khai Thái - Phú Xuyên	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
25	XT0362	Ngô Thị	Hậu	25/08/1979	Nữ	Cổ Nhuế 1 - BTL	Đại học	Chính quy	Toán Học	GV Toán	15a.202	THCS Minh Khai		
26	XT0363	Đình Thu	Hiền	09/12/1988	Nữ	Tuy Lai - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy - LT	SP Toán Học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
27	XT0364	Lê Thị	Hiền	05/08/1986	Nữ	Thụy Phương - BTL	Đại học	Chính quy	Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
28	XT0365	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	24/8/1990	Nữ	Nam Triều - Phú Xuyên	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
29	XT0366	Trương Thu	Hiền	28/02/1990	Nữ	Liễu Giai - BD	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
30	XT0367	Vũ Thị	Hiền	06/03/1990	Nữ	Liên Mạc - BTL	Đại học	Chính quy	Toán học - Tin	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		

(Danh sách có: 30 thí sinh)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
[Signature]

PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: TOÁN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

PHÒNG SỐ 12

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT0368	Nguyễn Thị	Hiền	27/01/1980	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Toán - Tin	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
2	XT0369	Nguyễn Thị	Hoa	10/02/1990	Nữ	Tân Lập - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
3	XT0370	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	07/01/1993	Nữ	Tân Hội - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán Học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
4	XT0371	Đặng Thị	Hòa	25/09/1989	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
5	XT0372	Nguyễn Thúy	Hoàn	09/11/1989	Nữ	Lưu Hoàng - UH	Đại học	Chính quy-LT	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
6	XT0373	Phạm Thái	Hoàng	01/07/1985	Nam	Cầu Diễn - NTL	Đại học	Chính quy	Toán - Cơ	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
7	XT0374	Lê Thị Minh	Huệ	17/3/1990	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
8	XT0375	Từ Thị	Huệ	22/04/1991	Nữ	Đồng Trúc - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
9	XT0376	Doãn Minh	Hương	29/03/1991	Nữ	Phúc Xá - BD	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
10	XT0377	Lưu Thị Lan	Hương	09/11/1988	Nữ	Tây Mỗ - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán - CTĐ	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
11	XT0378	Nguyễn Thị	Hương	26/04/1993	Nữ	Bắc Hồng - Đông Anh	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
12	XT0379	Nguyễn Thị Khánh	Hương	10/11/1992	Nữ	Sơn Đồng - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
13	XT0380	Trần Thu	Hương	23/12/1989	Nữ	Ngọc Hòa - Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
14	XT0381	Vũ Thị Kim	Hương	5/5/1989	Nữ	Thụy Phương - BTL	Đại học	Chính quy	SP Toán - Lý	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
15	XT0382	Nguyễn Thúy	Hường	13/01/1993	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
16	XT0383	Đỗ Hoàng	Huy	28/7/1987	Nam	Tiến Thịnh - Mê Linh	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán - Tin học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
17	XT0384	Lê Thị Thanh	Huyền	4/4/1991	Nữ	Tốt Động - Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
18	XT0385	Nguyễn Thị Thu	Huyền	27/06/1993	Nữ	Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
19	XT0386	Nguyễn Thu	Huyền	02/09/1989	Nữ	Phú Thượng - Tây Hồ	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
20	XT0387	Phan Thị Thu	Huyền	05/06/1993	Nữ	Đức Thượng - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
21	XT0388	Phùng Thị	Huyền	05/11/1987	Nữ	Thái Hòa - BV	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
22	XT0389	Kim Thị	Khả	23/02/1979	Nữ	Bột Xuyên - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP Toán Tin UD	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
23	XT0390	Nguyễn Thị Thu	Khuông	01/12/1988	Nữ	Liên Hiệp - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán - KTCN	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
24	XT0391	Đoàn Thu	Lanh	18/01/1990	Nữ	Võng Xuyên - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
25	XT0392	Đỗ Thị	Liên	30/9/1986	Nữ	Hiệp Thuận - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy-LT	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
26	XT0393	Kiều Thị	Liều	15/04/1986	Nữ	Tích Giang - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán - KTCN	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
27	XT0394	Đỗ Ngọc	Linh	08/04/1991	Nữ	Xuân Đình - BTL	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
28	XT0395	Đỗ Thị Thúy	Linh	20/10/1993	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
29	XT0396	Dương Thị Thùy	Linh	18/05/1987	Nữ	Phú Đông - BV	Đại học	Chính quy - LT	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
30	XT0397	Dương Thùy	Linh	05/12/1990	Nữ	Tiên Dược - Sóc Sơn	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		

(Danh sách có: 30 thí sinh)

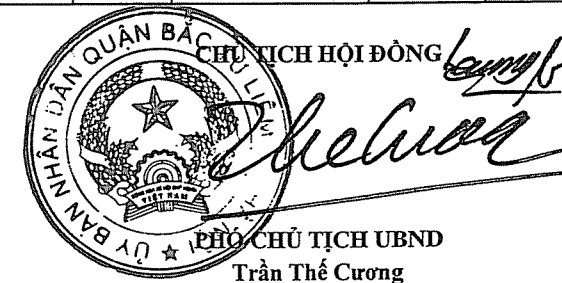
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM
CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: TOÁN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

PHÒNG SỐ
13

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0398	Nguyễn Mai	Loan	03/12/1993	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
2	XT0399	Nguyễn Thị	Loan	14/10/1993	Nữ	Thạch Xá - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
3	XT0400	Nguyễn Thị Trang	Loan	17/01/1992	Nữ	Phượng Đình - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
4	XT0401	Trần Thị Hiền	Lương	28/05/1990	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán - Lý	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình	Con BB	
5	XT0402	Trần Thị Tuyết	Ly	30/9/1991	Nữ	Đồng Tháp - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
6	XT0403	Nguyễn Thị	Lý	08/06/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
7	XT0404	Nguyễn Thị	Lý	06/11/1991	Nữ	Ba Trại - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
8	XT0405	Đỗ Thị	Mai	03/11/1993	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
9	XT0406	Lê Hồng	Mai	03/07/1992	Nữ	Thọ An - Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán - Tin	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
10	XT0407	Nguyễn Văn	Mạnh	12/08/1988	Nam	Mình Trĩ - Sóc Sơn	Đại học	Chính quy	Toán	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
11	XT0408	Nguyễn Thị Thúy	Nga	07/10/1991	Nữ	Thanh Lâm - Mê Linh	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
12	XT0409	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18/9/1992	Nữ	Liên Hà - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
13	XT0410	Dương Mỹ	Ngọc	08/06/1992	Nữ	Thụy Lâm - ĐA	Đại Học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Minh Khai		
14	XT0411	Nguyễn Ánh	Ngọc	29/03/1993	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán Tin	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
15	XT0412	Trần Thị	Ngọc	28/07/1991	Nữ	Đại Cường - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
16	XT0413	Đỗ Thị	Nguyệt	20/11/1980	Nữ	Hiệp Thuận - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	Toán - Lý	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
17	XT0414	Đỗ Thị	Nhâm	16/01/1993	Nữ	Liên Hiệp - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
18	XT0415	Trần Thị	Nhâm	16/08/1992	Nữ	Sơn Đồng - Hoài Đức	Đại học	Chính quy	Toán	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
19	XT0416	Trần Thị Kim	Nhật	30/08/1992	Nữ	Châu Can - Phú Xuyên	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
20	XT0417	Trần Thị Hồng	Nhung	12/11/1989	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán Học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
21	XT0418	Hoàng Thúy	Phượng	24/08/1989	Nữ	Sơn Đà - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
22	XT0419	Lê Ngọc Anh	Phượng	03/07/1992	Nữ	Liên Mạc - BTL	Đại học	Chính quy	Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
23	XT0420	Lê Thu	Phượng	02/11/1991	Nữ	Đại Nghĩa - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
24	XT0421	Vương Thị Minh	Phượng	30/05/1987	Nữ	Võng La - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán - CTĐ	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2	Con BB	
25	XT0422	Lê Thị	Quyên	01/01/1986	Nữ	Kim Chung - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán - CTĐ	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
26	XT0423	Nguyễn Văn	Thắng	1/10/1992	Nam	Canh Nậu - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
27	XT0424	Dương Thị Bích	Thào	21/10/1987	Nữ	Châu Sơn - Ba Vì	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán - KTCN	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
28	XT0425	Lã Thị Phương	Thào	15/12/1992	Nữ	Phúc La - Hà Đông	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
29	XT0426	Nguyễn Thị	Thào	10/12/1993	Nữ	Canh Nậu - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
30	XT0427	Nguyễn Thị Thanh	Thào	08/06/1980	Nữ	Yên Sở - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán tin	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		

(Danh sách có: 30 thí sinh)

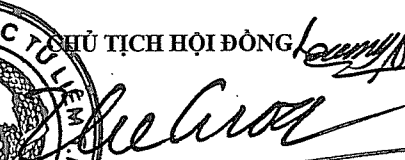


DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: TOÁN (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

PHÒNG SỐ
14

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0428	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/6/1989	Nữ	Hai Bà Trưng	Đại học	Chính quy - LT	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
2	XT0429	Hoàng Thị	Thơ	26/07/1990	Nữ	Chu Phan - Mê Linh	Đại Học	Chính quy	Toán Học	GV Toán	15a.202	THCS Minh Khai		
3	XT0430	Nguyễn Thị Hồng	Thơ	15/12/1987	Nữ	Mỹ Hưng - Thanh Oai	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
4	XT0431	Kiều Thị	Thơm	18/2/1992	Nữ	Cần Kiệm - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc	Con TB	
5	XT0432	Vũ Anh	Thư	23/04/1979	Nữ	Nghĩa Tân - CG	Cao đẳng	Chính quy	Toán - Tin	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
6	XT0433	Phùng Minh	Thương	23/10/1976	Nữ	Xuân La - Tây Hồ	Cao đẳng	Chính quy	Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
7	XT0434	Đặng Thị	Thúy	22/06/1991	Nữ	Đông Xuân - Sóc Sơn	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc	Con TB	
8	XT0435	Nguyễn Hồng	Thúy	16/05/1990	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
9	XT0436	Nguyễn Thị Phương	Thúy	28/8/1993	Nữ	Canh Động - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
10	XT0437	Phạm Thị	Thủy	26/07/1989	Nữ	Phong Vân - BV	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Minh Khai		
11	XT0438	Ngô Thị	Thủy	07/09/1985	Nữ	Long Biên	Đại Học	Chính quy VB2	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Minh Khai		
12	XT0439	Tạ Thị	Thủy	01/11/1993	Nữ	Đan Phượng - HN	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
13	XT0440	Vũ Thị Thu	Thủy	19/11/1991	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
14	XT0441	Nguyễn Thị Thu	Trà	25/08/1990	Nữ	Song Phương - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
15	XT0442	Đinh Thị Minh	Trang	04/05/1992	Nữ	Phùng - ĐP	Đại học	Chính quy	Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
16	XT0443	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	18/03/1991	Nữ	Hồng Sơn - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
17	XT0444	Đỗ Thị Tân	Trang	12/12/1992	Nữ	Kim Quan - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
18	XT0445	Lê Thị Đài	Trang	13/05/1993	Nữ	Thọ An - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
19	XT0446	Nguyễn Thị	Trang	14/08/1992	Nữ	Kim Nỗ - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
20	XT0447	Nguyễn Thị	Trang	29/9/1993	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Liên Mạc		
21	XT0448	Nguyễn Thu	Trang	20/12/1993	Nữ	Đống Đa	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
22	XT0449	Phùng Ngọc	Tuấn	15/04/1980	Nam	Vật Lại - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình	HTNVQS	
23	XT0450	Nguyễn Thị	Tuyến	20/06/1979	Nữ	Đại Mỗ - NTL	Cao đẳng	Chính quy	Toán tin	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
24	XT0451	Vũ Thị Ánh	Tuyết	23/11/1993	Nữ	Phú Xuyên	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán Tin	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
25	XT0452	Doãn Thị Lý	Vân	08/12/1991	Nữ	Vân Phúc - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Minh Khai		
26	XT0453	Nguyễn Thị Thúy	Vân	04/04/1990	Nữ	Tây Đằng - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
27	XT0454	Phạm Bá	Vương	08/02/1982	Nam	Long Biên	Đại học	Chính quy	SP Toán học	GV Toán	15a.202	THCS Xuân Đình		
28	XT0455	Đỗ Thị	Xuân	10/01/1987	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán	GV Toán	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
29	XT0456	Mai Thị Thanh	Xuân	14/02/1988	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Đại Học	Chính quy	SP Toán	GV Toán	15a.202	THCS Minh Khai		

(Danh sách có: 29 thí sinh)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cương

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: ĐỊA (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

PHÒNG SỐ
15

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng. Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT0457	Đỗ Thị	Hà	27/5/1984	Nữ	Phú Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Sư - Địa	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu		
2	XT0458	Đào Thị Thu	Hằng	18/12/1991	Nữ	Phong Vân - BV	Đại học	Chính quy	SP địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Phú Diễn		
3	XT0459	Nguyễn Thị	Hằng	01/02/1988	Nữ	Hồng Hà - ĐP	Đại học	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Phúc Diễn		
4	XT0460	Đinh Thị	Hạnh	12/02/1988	Nữ	Dịch Vọng - CG	Đại học	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Thượng Cát	DTTS	
5	XT0461	Nguyễn Thị	Hậu	27/01/1989	Nữ	Đại Mỗ - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Thượng Cát		
6	XT0462	Nguyễn Thị Thu	Hiền	15/3/1992	Nữ	Vật Lại - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu		
7	XT0463	Đào Thị	Hoa	30/06/1992	Nữ	Tân Hội - ĐP	Đại học	Chính quy	SP địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Phúc Diễn		
8	XT0464	Nguyễn Thị Thanh	Hoàng	02/09/1988	Nữ	Đại Mỗ - NTL	Thạc sỹ		Địa Lý	GV Địa	15a.202	THCS Phúc Diễn		
9	XT0465	Chu Văn	Hung	22/9/1985	Nam	Tây Tựu - BTL	Đại học	Chính quy	Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu		
10	XT0466	Lê Giang	Hương	27/08/1991	Nữ	Trường Thịnh - ÚH	Đại học	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Phúc Diễn		
11	XT0467	Vương Thị	Hường	5/11/1991	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu		
12	XT0468	Nguyễn Văn	Huy	15/8/1993	Nam	Trung Châu - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa Lý	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0469	Nguyễn Thanh	Huyền	15/3/1991	Nữ	Yên Sở - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa - sử	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu		
14	XT0470	Thiều Thị Thanh	Huyền	10/10/1993	Nữ	Đan Phượng - HN	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Thượng Cát		
15	XT0471	Kiều Văn	Khiêm	01/01/1988	Nam	Đồng Trúc - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Sư - Địa	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu		
16	XT0472	Nguyễn Thị	Linh	03/10/1987	Nữ	Phú Thượng - Tây Hồ	Thạc sỹ		Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Phúc Diễn		
17	XT0473	Phạm Thị	Mến	16/07/1993	Nữ	Hát Môn - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Thượng Cát		
18	XT0474	Nguyễn Thị	Phương	23/03/1990	Nữ	Trung Châu - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa - Sử	GV Địa	15a.202	THCS Thượng Cát		
19	XT0475	Đinh Thị	Phượng	17/08/1991	Nữ	An Tiến - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	Địa Lý học	GV Địa	15a.202	THCS Phú Diễn		
20	XT0476	Phùng Thị	Phượng	30/11/1990	Nữ	Phú Đông - BV	Đại học	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Phúc Diễn		
21	XT0477	Phạm Thị	Sang	05/07/1984	Nữ	Phú Châu - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Sư-Địa	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu		
22	XT0478	Nguyễn Thu	Thảo	05/09/1991	Nữ	Phượng Canh - NTL	Đại học	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Phúc Diễn		
23	XT0479	Nguyễn Thị	Thìn	20/01/1989	Nữ	Dương Liễu - HĐ	Đại học	Chính quy	Sp Địa Lý	GV Địa	15a.202	THCS Thượng Cát		
24	XT0480	Ngô Thị	Thu	03/11/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa	GV Địa	15a.202	THCS Thượng Cát		
25	XT0481	Nguyễn Thị	Thu	11/01/1991	Nữ	Liên Quan - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Sư - Địa	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu	Con BB	
26	XT0482	Nguyễn Thị	Thúy	12/08/1993	Nữ	Hạ Mỗ - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa Lý	GV Địa	15a.202	THCS Thượng Cát	Con TB	
27	XT0483	Đỗ Văn	Tiến	04/12/1989	Nam	Vạn Thắng - BV	Đại học	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu		
28	XT0484	Nguyễn Thị	Tuyết	01/3/1991	Nữ	Hương Ngải - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu		
29	XT0485	Kiều Thị	Vấn	15/06/1991	Nữ	Đồng Trúc - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa - sử	GV Địa	15a.202	THCS Thượng Cát		
30	XT0486	Đinh Thị	Xuyên	15/10/1992	Nữ	An Tiến - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP Văn - Địa	GV Địa	15a.202	THCS Phúc Diễn		
31	XT0487	Phùng Hải	Yến	21/8/1993	Nữ	Vật Lại - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Địa lý	GV Địa	15a.202	THCS Tây Tựu		

(Danh sách có: 31 thí sinh)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: HÓA (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

PHÒNG SỐ
16

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng. Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0488	Kiều Tuấn	Anh	23/11/1990	Nam	Đường Lâm - ST	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
2	XT0489	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/06/1990	Nữ	Xuân Mai - Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
3	XT0490	Cảnh Thị	Ánh	06/04/1992	Nữ	Tân Hội - ĐP	Đại học	Chính quy	Hóa Học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
4	XT0491	Dương Ngọc	Bích	22/07/1991	Nữ	Ngọc Tảo - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
5	XT0492	Nguyễn Thị	Bích	02/03/1991	Nữ	Mễ Trì - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Thụy Phương		
6	XT0493	Đình Thùy	Dung	17/11/1992	Nữ	Ba Trại - BV	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu	DT	
7	XT0494	Lê Kim	Dung	28/03/1991	Nữ	Tiến Thịnh - Mê Linh	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Thụy Phương		
8	XT0495	Đỗ Văn	Dương	16/01/1988	Nam	Liên Hiệp - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0496	Phạm Thị	Duyên	12/11/1988	Nữ	Đồng Trục - TT	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Thụy Phương		
10	XT0497	Đặng Thị	Định	22/02/1993	Nữ	Tân Hồng - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Thụy Phương		
11	XT0498	Nguyễn Thị	Định	26/01/1991	Nữ	Liên Mạc - Mê Linh	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
12	XT0499	Phùng Thị	Hà	05/05/1992	Nữ	Phú Sơn - BV	Đại học	Chính quy	Sp Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
13	XT0500	Lê Hồng	Hải	20/05/1992	Nữ	Sài Sơn - Quốc Oai	Đại học	Chính quy	SP Hóa Học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
14	XT0501	Phạm Thanh	Hằng	04/08/1990	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Đại học	Chính quy - LT	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
15	XT0502	Trần Thị Hoàng	Hạnh	19/12/1993	Nữ	Trung Châu - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa Học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
16	XT0503	Khuông Thu	Hiền	01/10/1990	Nữ	Thạch Xá - TT	Cao đẳng	Chính quy	Hóa học - Sinh	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
17	XT0504	Mai Thị	Hiền	06/05/1989	Nữ	Đại Yên - Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
18	XT0505	Lê Thị Thanh	Hoa	02/04/1991	Nữ	Thọ An - Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
19	XT0506	Ngô Thị	Hoa	26/05/1989	Nữ	Thanh Xuân	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
20	XT0507	Nguyễn Thị	Huệ	14/08/1993	Nữ	Thụy Lâm - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
21	XT0508	Nguyễn Duy	Hùng	02/02/1990	Nam	Yên Bình - TT	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Thụy Phương	DTTS	
22	XT0509	Đỗ Thu	Hương	01/11/1992	Nữ	Kim Quan - Thạch Thám	Cao đẳng	Chính quy	Sp Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
23	XT0510	Nguyễn Thị	Hương	06/05/1991	Nữ	Canh Nậu - TT	Đại học	CQ - CLC	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng. Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
24	XT0511	Nguyễn Thị	Hương	04/08/1992	Nữ	Dương Liễu - Hoài Đức	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
25	XT0512	Bùi Thị	Huyền	06/02/1992	Nữ	Kim Lũ - Sóc Sơn	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
26	XT0513	Đỗ Thị Phương	Huyền	05/11/1989	Nữ	Tân Hội - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh - Hóa	GV Hóa	15a.202	THCS Thụy Phương		
27	XT0514	Nguyễn Thị	Huyền	29/10/1990	Nữ	Hồng Hà - ĐP	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
28	XT0515	Nguyễn Thu	Huyền	15/11/1989	Nữ	Tam Đồng - Mê Linh	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
29	XT0516	Nguyễn Thị Hương	Lan	16/06/1993	Nữ	Chu Minh - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
30	XT0517	Nguyễn Thị	Liên	21/03/1990	Nữ	Hồng Hà - ĐP	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
31	XT0518	Ngô Thị Rượu	Linh	10/10/1992	Nữ	Ngô Sài - Quốc Oai	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
32	XT0519	Hà Thị Thanh	Loan	28/08/1991	Nữ	Tiến Thịnh - Mê Linh	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa Học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
33	XT0520	Mai Thanh	Loan	28/11/1987	Nữ	Phương Liên - Đống Đa	Đại học	Chính quy - LT	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
34	XT0521	Trần Dụ	Ly	26/11/1993	Nữ	Vĩnh Ngọc - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
35	XT0522	Trần Thị Duyệt	Ly	04/07/1991	Nữ	Hát Môn - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
36	XT0523	Lê Sao	Mai	28/01/1993	Nữ	Vạn Thắng - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
37	XT0524	Nguyễn Thị	Mai	04/02/1991	Nữ	Nhân Chính - TX	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
38	XT0525	Trần Thị Nhung	Mai	09/11/1989	Nữ	Cầu Diễn - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Thụy Phương		

(Danh sách có: 38 thí sinh)



PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
PHÒNG THI SỐ: 17; MÔN THI: HÓA (KHỐI THCS)

PHÒNG SỐ
17

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng. Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0526	Nguyễn Thị	Miền	25/11/1993	Nữ	Vạn Thắng - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Thụy Phương		
2	XT0527	Nguyễn Thị	Nga	27/10/1992	Nữ	Phùng - Đan Phượng	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
3	XT0528	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	14/09/1990	Nữ	Yên Sơn - Quốc Oai	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2	Con TB	
4	XT0529	Trần Thị	Nhài	16/4/1992	Nữ	Tam Thuấn - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
5	XT0530	Ngô Thị Hồng	Nhung	07/03/1991	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Thụy Phương	Con TB	
6	XT0531	Nguyễn Thị	Nhung	10/10/1989	Nữ	Cổ Bi - Gia Lâm	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
7	XT0532	Nguyễn Thị	Nhung	13/03/1992	Nữ	Tam Đồng - Mê Linh	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
8	XT0533	Nguyễn Thị	Nhung	25/5/1991	Nữ	Thọ An - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0534	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	29/10/1991	Nữ	Xuân Đình - BTL	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
10	XT0535	Nguyễn Thị	Nụ	07/09/1991	Nữ	Cống Vị - Ba Đình	Đại học	Chính quy	Hóa Học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
11	XT0536	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	16/9/1990	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
12	XT0537	Nguyễn Hà	Phượng	22/11/1991	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0538	Đặng Thị	Phượng	26/05/1992	Nữ	Sơn Đồng - HĐ	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
14	XT0539	Nguyễn Thị	Phượng	12/12/1993	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
15	XT0540	Nguyễn Thị Minh	Phượng	16/07/1992	Nữ	Kim Hoa - Mê Linh	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
16	XT0541	Nguyễn Thị	Quý	20/6/1990	Nữ	Mĩnh Châu - BV	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
17	XT0542	Nguyễn Thị Hồng	Thanh	18/8/1993	Nữ	Di Nậu - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
18	XT0543	Bùi Thị	Thành	18/3/1992	Nữ	Song Phượng - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
19	XT0544	Trần Văn	Thành	02/01/1992	Nam	Kim Lũ - Sóc Sơn	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa Học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
20	XT0545	Bùi Thị Thanh	Thảo	02/06/1988	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Đại học	Chính quy	SP Hóa	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
21	XT0546	Nguyễn Thị	Thơm	10/05/1989	Nữ	Liên Mạc - BTL	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
22	XT0547	Nguyễn Thị	Thu	20/05/1993	Nữ	Mĩnh Tân - Phú Xuyên	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
23	XT0548	Nguyễn Thị	Thu	08/12/1993	Nữ	Di Trạch - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
24	XT0549	Nguyễn Thị	Thu	14/09/1992	Nữ	Tiên Phong - BV	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Thụy Phương		
25	XT0550	Phạm Thị	Thu	04/10/1977	Nữ	Xuân Đình - BTL	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng. Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTU/T	Ghi chú
26	XT0551	Nguyễn Thị Thanh	Thư	27/08/1991	Nữ	Tích Giang - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
27	XT0552	Cao Lê Huyền	Thương	23/07/1993	Nữ	Ngọc Khánh - BD	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
28	XT0553	Nguyễn Thị	Thúy	20/04/1991	Nữ	Đức Giang - HĐ	Cao Đẳng	Chính quy	SP Hóa Học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
29	XT0554	Nguyễn Thị	Thúy	28/06/1988	Nữ	Mỹ Lộc - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
30	XT0555	Nguyễn Thị	Thúy	07/08/1991	Nữ	Quốc Oai	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
31	XT0556	Nguyễn Thị Phuong	Thúy	26/08/1991	Nữ	Liên Trung - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa Học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
32	XT0557	Phạm Thị Thanh	Thùy	23/12/1990	Nữ	Đồng Tâm - HBT	Đại học	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
33	XT0558	Nguyễn Thanh	Trà	13/06/1984	Nữ	Huy Tường - TX	Đại học	Chính quy	SP Hóa	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		
34	XT0559	Đỗ Thị Huyền	Trang	04/03/1992	Nữ	Đồng Tháp - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Tây Tựu		
35	XT0560	Nguyễn Thị	Tươi	12/05/1986	Nữ	Trường Yên - CM	Cao đẳng	Chính quy	SP Lý-Hóa	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
36	XT0561	Nguyễn Thị	Tươi	13/11/1992	Nữ	Nghĩa Tân - CG	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa Học	GV Hóa	15a.202	THCS Đông Ngạc		
37	XT0562	Đặng Thị	Vân	10/08/1992	Nữ	Đồng Trục - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Thụy Phương		
38	XT0563	Phạm Thị	Xoan	20/09/1989	Nữ	Giảng Võ - BD	Đại học	Chính quy	SP Hóa	GV Hóa	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
39	XT0564	Trần Thị Hải	Yến	20/11/1987	Nữ	Thanh Xuân Bắc - TX	Thạc sĩ		SP Hóa học	GV Hóa	15a.202	THCS Phú Diễn		

(Danh sách có: 39 thí sinh)



PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: SINH + ÂM NHẠC (KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ)

PHÒNG SỐ
18

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0565	Lương Thị	Hà	20/09/1987	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Đại học	Chính quy	Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Xuân Đình		
2	XT0566	Trần Văn	Hân	25/08/1989	Nam	Thọ Xuân - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh Hóa	GV Sinh	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
3	XT0567	Phùng Thị	Hiền	01/11/1987	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Đại học	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Xuân Đình		
4	XT0568	Đinh Thị Thu	Hoài	01/07/1991	Nữ	Phượng Đình - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh - KTNN	GV Sinh	15a.202	THCS Thượng Cát		
5	XT0569	Đặng Thị	Huế	31/08/1990	Nữ	Khánh Thượng - BV	Đại học	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Xuân Đình		
6	XT0570	Vũ Thị	Huệ	11/11/1992	Nữ	Đại Mỗ - NTL	Đại học	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Tây Tựu		
7	XT0571	Nguyễn Thị Thu	Hương	07/12/1991	Nữ	Tân Lĩnh - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh - KTNN	GV Sinh	15a.202	THCS Xuân Đình		
8	XT0572	Nguyễn Thị	Hường	06/08/1993	Nữ	An Thượng - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Tây Tựu		
9	XT0573	Hà Thị Kim	Liên	07/08/1990	Nữ	Kim Chung - HĐ	Đại học	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Minh Khai		
10	XT0574	Trung Thị Tuyết	Mai	18/01/1992	Nữ	Sơn Đồng - HĐ	Đại học	Chính quy	Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Minh Khai		
11	XT0575	Ngô Hồng	Nhung	20/08/1990	Nữ	Quang Minh - Mê Linh	Đại học	Chính quy	Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Thượng Cát		
12	XT0576	Nguyễn Hải	Phúc	30/9/1991	Nữ	Phùng Xá - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Tây Tựu	Con TB	
13	XT0577	Nguyễn Thị	Phương	18/06/1992	Nữ	Phúc Lâm - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Minh Khai		
14	XT0578	Nguyễn Thị	Phương	21/04/1993	Nữ	Tây Đằng - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh Học	GV Sinh	15a.202	THCS Xuân Đình		
15	XT0579	Lê Thị	Quỳnh	14/05/1992	Nữ	Phú Xuyên - HN	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Thượng Cát		
16	XT0580	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	28/3/1988	Nữ	Tân Lập - ĐP	Đại học	Chính quy	Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Tây Tựu		
17	XT0581	Nguyễn Thị Yên	Thanh	24/04/1993	Nữ	Minh Đức - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Xuân Đình		
18	XT0582	Phương Thị Thuyết	Thu	23/01/1993	Nữ	Xuân La - Tây Hồ	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Xuân Đình		
19	XT0583	Nguyễn Thị	Thúy	24/08/1992	Nữ	Cát Quê - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh - KTNN	GV Sinh	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
20	XT0584	Phạm Thị Phương	Thùy	02/10/1991	Nữ	Trầm Lộng - ƯH	Đại học	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Xuân Đình		
21	XT0585	Nguyễn Thị	Thùy	01/09/1989	Nữ	Cổ Nhuế 1 - BTL	Đại học	Chính quy	SP Sinh-KTNN	GV Sinh	15a.202	THCS Minh Khai		
22	XT0586	Nguyễn Thị	Trang	20/07/1992	Nữ	Cát Quê - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	Sp Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
23	XT0587	Nguyễn Thu	Trang	28/03/1990	Nữ	Cổ Nhuế 1 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Xuân Đình		
24	XT0588	Viết Thu	Trang	02/03/1993	Nữ	Sơn Đồng - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh học	GV Sinh	15a.202	THCS Thượng Cát		
25	XT0589	Chu Thị	Tươi	03/03/1990	Nữ	Phú Diễn - BV	Đại học	Chính quy	SP Sinh hóa	GV Sinh	15a.202	THCS Tây Tựu		
26	XT0590	Đoàn Thị	Vân	29/03/1990	Nữ	Nghĩa Tân - CG	Cao đẳng	Chính quy	SP Sinh - Hóa	GV Sinh	15a.202	THCS Xuân Đình		
27	XT0591	Chu Văn	Đức	06/03/1986	Nam	Chàng Sơn - Thạch Thất	Đại học	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15a.202	THCS Tây Tựu		
28	XT0592	Chu Văn	Được	18/05/1992	Nam	Đông Thái - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15a.202	THCS Tây Tựu		
29	XT0593	Nguyễn Thị	Huệ	24/11/1992	Nữ	Tân Hội - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15a.202	THCS Tây Tựu		
30	XT0594	Nguyễn Thị	Hường	05/02/1987	Nữ	Đông Tháp - ĐP	Đại học	Chính quy	SP âm nhạc	GV Âm nhạc	15a.202	THCS Phúc Diễn		
31	XT0595	Tô Thị Thanh	Lam	28/8/1992	Nữ	Phúc Thọ - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15a.202	THCS Tây Tựu		
32	XT0596	Nguyễn Yên	Mao	02/08/1982	Nam	Chàng Sơn - TT	Đại học	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15a.202	THCS Phúc Diễn		
33	XT0597	Đỗ Hữu	Nam	15/10/1989	Nam	Trạm Trôi - HĐ	Đại học	Chính quy	SP âm nhạc	GV Âm nhạc	15a.202	THCS Phúc Diễn		
34	XT0598	Đặng Kiều	Nhung	29/01/1992	Nữ	Vân Phúc - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15a.202	THCS Tây Tựu		

(Danh sách có: 34 thí sinh)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
[Signature]

PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: GD THỂ CHẤT (KHỐI THCS) + MỸ THUẬT (KHỐI THCS)

PHÒNG SỐ
19

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐT UT	Ghi chú
1	XT0599	Nguyễn Phúc	Cường	04/10/1986	Nam	Chương Mỹ	Đại học	Chính quy	GDTC	GV Thể dục	15a.202	THCS Tây Tựu		
2	XT0600	Nguyễn Danh	Don	08/09/1989	Nam	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDTC	GV Thể dục	15a.202	THCS Đông Ngạc		
3	XT0601	Phạm Thành	Duy	12/09/1986	Nam	Yên Hòa - CG	Đại học	Chính quy	GDTC	GV Thể dục	15a.202	THCS Phú Diễn		
4	XT0602	Đỗ Thị Ngọc	Hoa	01/06/1986	Nữ	Liên Hồng - ĐP	Đại học	Chính quy	GDTC	GV Thể dục	15a.202	THCS Phú Diễn		
5	XT0603	Vũ Thị	Hương	07/08/1989	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDTC	GV Thể dục	15a.202	THCS Thụy Phương		
6	XT0604	Vũ Thị	Khuyên	08/01/1990	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Đại học	Chính quy	SP TDTT	GV Thể dục	15a.202	THCS Phú Diễn		
7	XT0605	Cần Văn	Nam	20/06/1983	Nam	Kim Quan - TT	Cao đẳng	Chính quy	GDTC	GV Thể dục	15a.202	THCS Đông Ngạc		
8	XT0606	Lê Thị	Nương	30/09/1993	Nữ	Tuy Lai - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	GDTC	GV Thể dục	15a.202	THCS Đông Ngạc		
9	XT0607	Nguyễn Như	Phương	19/08/1991	Nam	Hạ Mỗ - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	GDTC	GV Thể dục	15a.202	THCS Thụy Phương		
10	XT0608	Nguyễn Trung	Thành	08/05/1984	Nam	Son Đồng - Hoài Đức	Đại học	Chính quy	GDTC	GV Thể dục	15a.202	THCS Tây Tựu		
11	XT0609	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	02/09/1992	Nữ	Liên Hà - ĐP	Đại học	Chính quy	SP TDTT	GV Thể dục	15a.202	THCS Thụy Phương		
12	XT0610	Dương Ngọc	Anh	01/03/1984	Nam	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		
13	XT0611	Nguyễn Đình	Chỉnh	23/10/1987	Nam	Cẩm Yên - Thạch Thất	Đại học	Chính quy LT	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
14	XT0612	Bùi Thị Ngọc	Dinh	10/11/1984	Nữ	Tam Hưng - Thanh Oai	Cao đẳng	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
15	XT0613	Nguyễn Đình	Giang	30/10/1992	Nam	Kim Chung - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		
16	XT0614	Chu Thị	Hăng	01/03/1989	Nữ	Đông Thái - BV	Cao đẳng	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		
17	XT0615	Ngô Thị	Hiên	23/04/1992	Nữ	Thụy An - BV	Đại học	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
18	XT0616	Nguyễn Thị Thu	Hoài	10/07/1986	Nữ	Tân Lập - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		
19	XT0617	Ngô Thị Anh	Hồng	26/03/1993	Nữ	Tân Hội - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		
20	XT0618	Nguyễn Thị	Huệ	17/04/1987	Nữ	Yên Hòa - CG	Đại học	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		
21	XT0619	Hoàng Bá	Hùng	02/08/1989	Nam	An Khánh - HĐ	Đại học	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
22	XT0620	Nguyễn Thị	Hường	01/10/1991	Nữ	Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		
23	XT0621	Đoàn Thị	Luyên	07/09/1986	Nữ	Thọ Lộc - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
24	XT0622	Chu Thị Ngọc	Mai	07/03/1991	Nữ	Đông Thái - BV	Đại học	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		
25	XT0623	Nguyễn Thạc Thị Thúy	Ngân	14/01/1990	Nữ	Tân Hội - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		
26	XT0624	Nguyễn Thị Minh	Thúy	04/10/1992	Nữ	Hoài Đức	Đại học	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		
27	XT0625	Phí Thị	Thuyết	13/12/1989	Nữ	Ngọc Liệp - Quốc Oai	Đại học	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		
28	XT0626	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	08/08/1985	Nữ	Xuân Đình - BTL	Đại học	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
29	XT0627	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	04/01/1981	Nữ	Đại Mỗ - NTL	Cao đẳng	Chính quy	Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
30	XT0628	Trần Thị	Viết	12/11/1984	Nữ	Văn Khê - Mê Linh	Đại học	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
31	XT0629	Lê Thị	Xuân	28/03/1991	Nữ	Vạn Thắng - BV	Cao đẳng	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Cổ Nhuế 2		
32	XT0630	Nguyễn Hải	Yên	09/09/1986	Nữ	Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	SPMT	GV Mỹ Thuật	15a.202	THCS Tây Tựu		

(Danh sách có: 32 thí sinh)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM
PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN HÓA (KHỐI TIỂU HỌC)**

PHÒNG SỐ
20

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0631	Bùi Quỳnh	Anh	27/07/1990	Nữ	Phùng - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
2	XT0632	Đinh Thị Ngọc	Anh	18/01/1992	Nữ	Tân Lập - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
3	XT0633	Đồng Thị	Anh	19/12/1990	Nữ	Mai Dịch - CG	Cao đẳng	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Liên Mạc		
4	XT0634	Nguyễn Lan	Anh	21/11/1991	Nữ	Vân Canh - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu A		
5	XT0635	Nguyễn Thị	Anh	20/11/1992	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
6	XT0636	Nguyễn Thị Hoài	Anh	06/07/1993	Nữ	Đại Mỗ - NTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Minh Khai A		
7	XT0637	Nguyễn Thị Kim	Anh	11/11/1989	Nữ	Tây Mỗ - NTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
8	XT0638	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/02/1992	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
9	XT0639	Nguyễn Thị Mai	Anh	16/09/1992	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc B	Con TB	
10	XT0640	Trần Phương	Anh	01/11/1991	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD tiểu học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
11	XT0641	Trần Thị Lan	Anh	26/01/1994	Nữ	Phúc Tiến - PX	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A		
12	XT0642	Trần Thị Lan	Anh	06/06/1992	Nữ	Liên Trung - ĐP	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
13	XT0643	Trần Tú	Anh	23/03/1992	Nữ	Mỹ Đình 2 - NTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
14	XT0644	Trịnh Ngọc	Anh	13/08/1993	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A	Con TB	
15	XT0645	Mai Thị	Ánh	01/08/1986	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
16	XT0646	Nguyễn Thị	Bình	15/05/1992	Nữ	Di Nậu - Thạch Thất	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
17	XT0647	Nguyễn Thị Thanh	Bình	09/08/1994	Nữ	Tân Hội - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
18	XT0648	Nguyễn Linh	Chi	09/12/1992	Nữ	Phương Canh - NTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu A		
19	XT0649	Nguyễn Thị	Chung	09/02/1979	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu A		
20	XT0650	Bùi Thị Thu	Cúc	27/02/1992	Nữ	Tiên Dược - SS	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
21	XT0651	Lê Hồng	Cúc	04/10/1991	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao Đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Minh Khai B		
22	XT0652	Nguyễn Ngọc	Diệp	18/08/1991	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
23	XT0653	Cao Thị Bích	Diệu	20/11/1992	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
24	XT0654	Lê Thị	Dung	30/11/1991	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Liên Mạc		
25	XT0655	Nguyễn Thị	Dung	24/02/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP tiểu học	GVTH	15.114	TH Minh Khai B		
26	XT0656	Nguyễn Thị	Dung	08/09/1994	Nữ	Kim Nỗ - ĐA	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
27	XT0657	Nguyễn Thùy	Dương	06/12/1991	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2A		
28	XT0658	Nguyễn Thị	Đài	15/06/1986	Nữ	Liên Hiệp - PT	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
29	XT0659	Đỗ Sỹ	Đăng	17/10/1980	Nam	Tây Mỗ - NTL	Cao Đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Minh Khai A		
30	XT0660	Nguyễn Thị	Đồng	01/05/1994	nữ	Hương Ngải - TT	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		

(Danh sách có: 30 thí sinh)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND

Trần Thế Cương

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN HÓA (KHỐI TIỂU HỌC)

PHÒNG SỐ 21

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0661	Ngô Thị Thu	Giang	30/06/1991	Nữ	Mễ Trì - NTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc B		
2	XT0662	Trần Thị Anh	Giang	13/11/1991	Nữ	Tây Mỗ - NTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
3	XT0663	Nguyễn Hoàng	Hà	31/05/1990	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc B		
4	XT0664	Nguyễn Ngân	Hà	30/11/1991	Nữ	Thụy Phương - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc B		
5	XT0665	Nguyễn Thị	Hà	04/07/1991	Nữ	Hương Sơn - MĐ	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
6	XT0666	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/01/1989	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc B		
7	XT0667	Nguyễn Thanh	Hàng	17/02/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
8	XT0668	Phí Thị	Hàng	08/08/1985	Nữ	Chàng Sơn - TT	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
9	XT0669	Đặng Thị	Hạnh	02/05/1984	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
10	XT0670	Nguyễn Thị	Hạnh	22/06/1983	Nữ	Đức Thắng - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc B		
11	XT0671	Nguyễn Thị	Hạnh	22/08/1993	Nữ	Đức Giang - HĐ	Trung Cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Minh Khai B		
12	XT0672	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	11/08/1992	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
13	XT0673	Nguyễn Thu Hồng	Hạnh	22/08/1993	Nữ	Long Phượng - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
14	XT0674	Quách Thị	Hạnh	04/08/1992	Nữ	Quảng Phú Cầu - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
15	XT0675	Hoàng Thị	Hậu	13/04/1976	Nữ	Thụy Hương - CM	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
16	XT0676	Phùng Thị	Hậu	14/01/1993	Nữ	Mỹ Đình - NTL	Trung Cấp	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Minh Khai A		
17	XT0677	La Thị	Hiền	11/11/1987	Nữ	Lai Thủy - Thạch Thất	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A		
18	XT0678	Nguyễn Thị	Hiền	17/11/1992	Nữ	Hương Ngải - TT	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
19	XT0679	Đặng Thị	Hoa	18/02/1992	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	Sư phạm tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
20	XT0680	Lê Thị	Hoa	01/03/1993	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
21	XT0681	Nguyễn Thị	Hoa	20/12/1993	Nữ	Canh Nậu - TT	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
22	XT0682	Đào Thị Thanh	Hòa	27/04/1993	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
23	XT0683	Đỗ Thị	Hòa	26/07/1994	Nữ	Canh Nậu - TT	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
24	XT0684	Hà Thị	Hồng	03/12/1992	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
25	XT0685	Nguyễn Thị	Hồng	08/09/1992	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2A		
26	XT0686	Lê Thị	Huệ	26/1/1993	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD tiểu học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
27	XT0687	Trần Thị Bích	Huệ	23/05/1988	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
28	XT0688	Đỗ Thu	Hương	06/10/1993	Nữ	Hương Ngải - TT	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
29	XT0689	Hoàng Thu	Hương	07/06/1993	Nữ	Liên Hồng - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
30	XT0690	Nguyễn Thị	Hương	31/01/1993	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Liên Mạc		

(Danh sách có: 30 thí sinh)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
[Signature]

PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

MÔN: VĂN HÓA (KHỐI TIỂU HỌC)

PHÒNG SỐ

22

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngạch dự tuyển	Ngạch dự	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu	Ghi chú
1	XT0691	Nguyễn Thị Thu	Hương	02/04/1993	Nữ	Tân Hội - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
2	XT0692	Nghiêm Thị	Hường	27/12/1993	Nữ	Mễ Trì - NTL	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Minh Khai A		
3	XT0693	Bùi Thị	Huyền	16/10/1993	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
4	XT0694	Lê Thị	Huyền	01/09/1990	Nữ	Giang Biên - LB	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
5	XT0695	Vương Thúy	Kiều	20/07/1985	Nữ	Kim Nỗ - ĐA	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
6	XT0696	Nguyễn Hồng	Lê	08/08/1993	Nữ	Phượng Canh - NTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2A		
7	XT0697	Bùi Thị	Liên	22/8/1989	Nữ	Mỹ Đình 1 - NTL	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
8	XT0698	Đặng Thị Kim	Liên	20/06/1986	Nữ	Cam Thượng - BV	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
9	XT0699	Đinh Thị	Liên	17/08/1992	Nữ	Ba Trại - BV	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu A	DT	
10	XT0700	Nguyễn Thùy	Liên	14/10/1993	Nữ	Thụy Phương - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
11	XT0701	Đặng Thị Diệu	Linh	12/11/1985	Nữ	Hát Môn - PT	Đại học	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Hồ Tùng Mậu		
12	XT0702	Đặng Thị Hồng	Linh	23/08/1992	Nữ	Vân Nam - PT	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu A		
13	XT0703	Nguyễn Thị Thùy	Linh	06/11/1993	Nữ	Đồng Tâm - MĐ	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
14	XT0704	Nguyễn Vũ Nhật	Linh	23/11/1992	Nữ	Thụy Phương - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc B		
15	XT0705	Nguyễn Thị	Loạt	03/07/1988	Nữ	Thụy Phương - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SPGD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
16	XT0706	Phạm Thị Hà	Ly	09/01/1993	Nữ	Lại Yên - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	SPGD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
17	XT0707	Nguyễn Thị	Mai	18/07/1987	Nữ	Đồng Đa	Đại học	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2B	Con TB	
18	XT0708	Trần Thị	Mai	03/02/1992	Nữ	Mai Dịch - CG	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2A		
19	XT0709	Nguyễn Thị	Mây	03/11/1991	Nữ	Minh Khai - HĐ	trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
20	XT0710	Đỗ Thị Thanh	Mến	30/09/1992	Nữ	Kim Quan - TT	Trung cấp	Chính quy	SPGD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
21	XT0711	Nguyễn Văn	Nam	23/09/1985	Nam	Khuong Trung - TX	Thạc sĩ		GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2B		
22	XT0712	Nguyễn Thị	Năm	06/08/1991	Nữ	Canh Nậu - TT	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A	Con TB	
23	XT0713	Nguyễn Quỳnh	Nga	22/12/1981	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
24	XT0714	Nguyễn Quỳnh	Nga	26/08/1990	Nữ	Trung Văn - NTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
25	XT0715	Nguyễn Thị	Nga	08/03/1993	Nữ	Hương Ngải - TT	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
26	XT0716	Nguyễn Thị	Nga	16/06/1991	Nữ	Canh Nậu - TT	Trung cấp	Chính quy	SPGD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
27	XT0717	Phí Thị Quỳnh	Nga	30/03/1993	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
28	XT0718	Phí Thị Thu	Nga	31/01/1994	Nữ	Hương Ngải - TT	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
29	XT0719	Nguyễn Thị	Ngân	12/10/1993	Nữ	Tân Hội - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	GDTH	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A		
30	XT0720	Bùi Thị Bích	Ngọc	30/01/1994	Nữ	Phùng - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		

(Danh sách có: 30 thí sinh)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH UBND

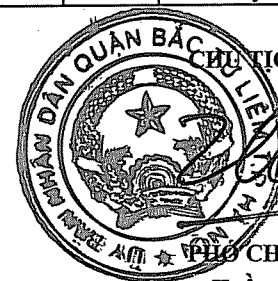
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: VĂN HÓA (KHỐI TIỂU HỌC)

PHÒNG SỐ
23

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0721	Đỗ Bích	Ngọc	24/04/1994	Nữ	Kim Mã - BD	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
2	XT0722	Đỗ Thị Ánh	Ngọc	14/10/1990	Nữ	Quan Hoa - CG	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Minh Khai B		
3	XT0723	Lê Thị Bích	Ngọc	20/08/1988	Nữ	Kim Nỗ - ĐA	Trung cấp	Chính quy	SP TH	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc B		
4	XT0724	Nguyễn Hồng	Ngọc	24/04/1993	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDTH	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A		
5	XT0725	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	24/10/1990	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
6	XT0726	Trần Thị Bích	Ngọc	01/09/1987	Nữ	Đồng Tâm - HBT	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
7	XT0727	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	12/05/1985	Nữ	Thượng Cát - BTL	Đại học	Chính quy	GDTH	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2B		
8	XT0728	Lê Hồng	Nhật	29/07/1994	Nữ	Cát Quế - HD	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc B		
9	XT0729	Nguyễn Thị	Nhung	14/02/1990	Nữ	Trung Văn - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2A		
10	XT0730	Phan Thị	Nhung	02/10/1991	Nữ	Trung Văn - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
11	XT0731	Bùi Thị	Nụ	12/08/1986	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp		GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu A	Con TB	
12	XT0732	Đặng Thị	Nụ	17/08/1991	Nữ	Khuong Đình - TX	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
13	XT0733	Dương Thị Mai	Phương	14/05/1994	Nữ	Phúc Thọ	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2B		
14	XT0734	Nguyễn Thị Hà	Phương	03/03/1989	Nữ	Phủ Xuyên	Đại học	Chính quy-VB	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
15	XT0735	Nguyễn Trang	Phương	02/08/1977	Nữ	Đồng Đa	Đại học	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
16	XT0736	Đào Hoa	Phượng	19/06/1989	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu A		
17	XT0737	Nguyễn Thị	Phượng	18/09/1979	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
18	XT0738	Nghiêm Thị Như	Quỳnh	24/08/1991	Nữ	Tây Mỗ - NTL	Trung cấp	Chính quy	GDTH	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
19	XT0739	Nguyễn Thị	Sang	20/04/1990	Nữ	Tuy Lai - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
20	XT0740	Kim Thị Thanh	Tâm	02/05/1988	Nữ	Tân Hội - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
21	XT0741	Đào Thị Hồng	Thắm	07/07/1991	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Minh Khai A		
22	XT0742	Nguyễn Thị	Thắm	11/05/1985	Nữ	Chàng Sơn - TT	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu A		
23	XT0743	Trần Thị Hồng	Thắng	29/05/1993	Nữ	Tri Thủy - PX	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
24	XT0744	Đặng Thị	Thanh	12/02/1984	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2A		
25	XT0745	Lê Thị	Thanh	03/06/1993	Nữ	Di Nậu - Thạch Thất	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
26	XT0746	Nguyễn Hoài	Thanh	16/06/1992	Nữ	Trạm Trôi - HD	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
27	XT0747	Nguyễn Thị Lan	Thanh	13/05/1993	Nữ	Đắc Sở - HD	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Minh Khai A		
28	XT0748	Nguyễn Thị	Thành	26/10/1982	Nữ	Hải Bối - ĐA	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A		
29	XT0749	Nguyễn Thị	Thành	26/10/1994	Nữ	Phượng Đình - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Liên Mạc		
30	XT0750	Nguyễn Thị	Thành	22/05/1990	nữ	Dương Liễu - HD	Cao đẳng	Chính quy	GDTH	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		

(Danh sách có: 30 thí sinh)



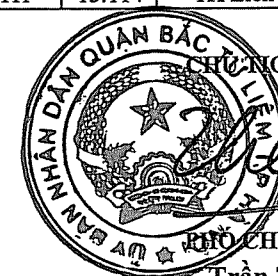
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
 MÔN: VĂN HÓA (KHỐI TIỂU HỌC)

PHÒNG SỐ 24

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0751	Bạch Thị	Thảo	01/01/1993	Nữ	An Mỹ - Mỹ Đức	Cao Đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Minh Khai B		
2	XT0752	Lưu Thị Phương	Thảo	25/10/1994	Nữ	Mai Dịch - CG	Trung cấp	Chính quy	SP tiểu học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
3	XT0753	Đỗ Thị	Thật	08/12/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
4	XT0754	Đỗ Thị	Thoa	18/02/1987	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A		
5	XT0755	Lê Thị	Thơm	18/06/1992	Nữ	Tuy Lai - Mỹ Đức	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
6	XT0756	Trịnh Thị Hồng	Thơm	20/08/1988	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương	Con TB	
7	XT0757	Đoàn Thị Ánh	Thu	05/06/1989	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
8	XT0758	Nguyễn Thị	Thu	01/09/1992	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SPGD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A		
9	XT0759	Trần Thị	Thu	26/10/1994	Nữ	Vân Nội - ĐA	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
10	XT0760	Nguyễn Thị	Thương	16/01/1990	Nữ	Phù Đồng - GL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A		
11	XT0761	Trần Thị	Thương	10/05/1990	Nữ	Tây Tựu - BTL	Đại học	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2B		
12	XT0762	Nguyễn Minh	Thúy	11/11/1992	Nữ	Mai Dịch - CG	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
13	XT0763	Nguyễn Thị Thu	Thúy	22/02/1993	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
14	XT0764	Lê Thị	Thúy	17/09/1992	Nữ	Tuy Lai - Mỹ Đức	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
15	XT0765	Ngô Thanh	Thúy	08/05/1993	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc B		
16	XT0766	Nguyễn Thị Thu	Thúy	09/09/1993	Nữ	Tân Lập - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Minh Khai A		
17	XT0767	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19/12/1974	Nữ	Cầu Diễn - NTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Phúc Diễn		
18	XT0768	Chu Huyền	Trang	12/06/1993	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A		
19	XT0769	Lê Thu	Trang	11/05/1992	Nữ	Quan Hoa - CG	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
20	XT0770	Lê Thu	Trang	10/11/1990	Nữ	Xuân La - Tây Hồ	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
21	XT0771	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/02/1994	Nữ	Liên Trung - ĐP	Trung Cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Minh Khai B		
22	XT0772	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/12/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao Đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Minh Khai B		
23	XT0773	Phí Thị Huyền	Trang	21/05/1993	Nữ	Hương Ngải - TT	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
24	XT0774	Trần Thanh	Tuấn	16/02/1994	Nam	Thọ Xuân - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
25	XT0775	Nguyễn Thị	Tuyết	28/03/1992	Nữ	Canh Nậu - TT	Trung cấp	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Thụy Phương		
26	XT0776	Trần Thị	Tuyết	02/06/1976	Nữ	Đại Mỗ - NTL	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
27	XT0777	Nguyễn Thị	Uyên	14/12/1992	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Cổ Nhuế 2A		
28	XT0778	Đặng Thị Thu	Vân	08/04/1992	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Tiểu học	GVTH	15.114	TH Xuân Đình		
29	XT0779	Nguyễn Thị Hồng	Vân	15/09/1993	Nữ	Phùng - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP Tiểu học	GVTH	15.114	TH Tây Tựu B		
30	XT0780	Phùng Thị	Vân	25/11/1992	Nữ	Vân Côn - HĐ	Cao Đẳng	Chính quy	GD Tiểu Học	GVTH	15.114	TH Minh Khai B	Con BB	
31	XT0781	Lý Phú	Xuân	19/02/1977	Nữ	Thụy Phương - BTL	Trung cấp	Chính quy	Trung học SP	GVTH	15.114	TH Đông Ngạc A		
32	XT0782	Đỗ Thị	Yến	23/01/1993	Nữ	Lại Yên - HĐ	Trung cấp	Chính quy	GD tiểu học	GVTH	15.114	TH Liên Mạc		

(Danh sách có: 32 thí sinh)


 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
 CHỦ TỊCH UBND
 Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: ÂM NHẠC (KHỐI TIỂU HỌC)

PHÒNG SỐ
25

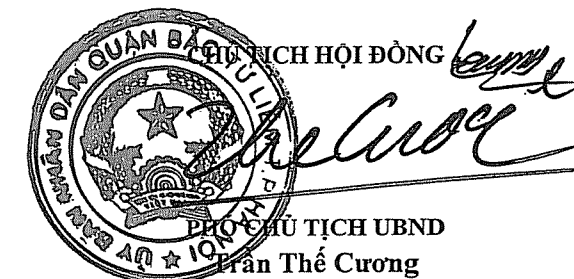
TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0783	Nguyễn Đăng	Dũng	17/10/1990	Nam	Khánh Thượng - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Xuân Đình		
2	XT0784	Chu Tùng	Điệp	20/04/1981	Nam	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Cổ Nhuế 2A		
3	XT0785	Nguyễn Tiên	Hà	24/07/1984	Nam	Phú Châu - BV	Trung cấp	Chính quy	SP Nhạc-Họa	GV Âm nhạc	15.114	TH Phúc Diễn		
4	XT0786	Nguyễn Đức	Hải	05/08/1986	Nam	Đông Quang - BV	Cao đẳng	Chính quy	Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Phúc Diễn		
5	XT0787	Nguyễn Thị Hồng	Hải	22/05/1986	Nữ	Tân Hồng - BV	Trung cấp	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Phúc Diễn		
6	XT0788	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	03/01/1987	Nữ	Ngọc Tảo - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Tây Tựu B		
7	XT0789	Trần Thị Thu	Hằng	26/09/1992	Nữ	Lại Thượng - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Phúc Diễn		
8	XT0790	Đinh Thị	Hiền	16/04/1991	nữ	Hạ Mỗ - ĐP	Đại học	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Tây Tựu B		
9	XT0791	Lê Thị	Huệ	05/01/1988	Nữ	Giang Biên - Long Biên	Đại học	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Phúc Diễn		
10	XT0792	Lê Thị Mai	Hương	17/12/1982	Nữ	Ba Trại - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Xuân Đình		
11	XT0793	Phạm Thị Thanh	Hương	01/04/1992	Nữ	Xuân Phú - Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Tây Tựu B		
12	XT0794	Đào Thị Phương	Lan	23/07/1991	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Cổ Nhuế 2A		
13	XT0795	Lê Thị Hương	Lan	05/08/1982	Nữ	Liễu Giai - BĐ	Trung cấp	Chính quy	Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Xuân Đình		
14	XT0796	Khuất Thị Hồng	Linh	02/08/1990	Nữ	Cẩm Đình - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Đông ngạc B		
15	XT0797	Đỗ Thị	Mai	20/03/1993	Nữ	Đồng Trục - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Tây Tựu B		
16	XT0798	Nguyễn Thị	Mão	06/08/1986	Nữ	Hương Ngải - Thạch Thất	Trung cấp	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Đông Ngạc B		
17	XT0799	Nguyễn Thị	Mùi	17/02/1991	Nữ	Bình Phú - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Phúc Diễn		
18	XT0800	Nguyễn Thị	Mừng	16/05/1986	Nữ	Đức Thắng - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Đông ngạc B		
19	XT0801	Nguyễn Quang	Ngọc	06/08/1980	Nam	Vĩnh Phúc - BĐ	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Tây Tựu B		
20	XT0802	Nguyễn Thị	Ngọc	05/09/1974	Nữ	Kim Chung - HĐ	Trung cấp	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Phúc Diễn		
21	XT0803	Đỗ Thu	Nguyệt	12/11/1991	Nữ	Xuân Phương - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Phúc Diễn		
22	XT0804	Nguyễn Thị	Nhung	12/01/1982	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Phúc Diễn		
23	XT0805	Hoàng Thị Lệ	Quyên	11/11/1991	Nữ	Vật Lại - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Phúc Diễn		
24	XT0806	Bùi Thị	Tân	01/01/1986	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Xuân Đình		
25	XT0807	Lục Thị	Thảo	29/10/1986	Nữ	Thạch Xá - TT	Cao đẳng	Chính quy	Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Xuân Đình	DT	
26	XT0808	Nguyễn Duy	Thìn	06/03/1987	Nam	Thái Hòa - BV	Đại học	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Xuân Đình		
27	XT0809	Nguyễn Thị Minh	Thư	04/12/1987	Nữ	Hồng Hà - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Tây Tựu B		
28	XT0810	Nguyễn Thị	Thuận	05/11/1989	Nữ	Cần Kiệm - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Tây Tựu B		
29	XT0811	Nguyễn Thị	Thúy	03/11/1991	Nữ	Đan Phượng - HN	Đại học	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Cổ Nhuế 2B		
30	XT0812	Phạm Thị	Thúy	27/5/1991	Nữ	Thượng Cốc - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Tây Tựu B		
31	XT0813	Nguyễn Hồng	Vân	25/01/1990	Nữ	Đan Phượng - Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Đông ngạc B		
32	XT0814	Nguyễn Thị Hải	Yên	15/07/1979	Nữ	Mễ Trì Hạ - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP âm nhạc	GV Âm nhạc	15.114	TH Cổ Nhuế 2A		

(Danh sách có: 32 thí sinh)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
Trần Thế Cường

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	XT0815	Nguyễn Thị Thúy	An	05/06/1991	Nữ	Đức Thượng - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
2	XT0816	Khuất Thị	Anh	28/12/1990	Nữ	Xuân Phú - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
3	XT0817	Đinh Thị Ngọc	Bích	16/08/1989	Nữ	Uy Nỗ - ĐA	Đại học	Chính quy	SP Mỹ thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Đông Ngạc B	Con BB	
4	XT0818	Hoàng Thị	Bình	05/02/1991	Nữ	Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Tây Tựu A		
5	XT0819	Đỗ Thị	Cúc	16/05/1990	Nữ	Canh Nậu - TT	Cao Đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai B		
6	XT0820	Trần Thị	Đào	03/02/1990	Nữ	Phú Cường - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
7	XT0821	Nguyễn Thị	Đoàn	24/01/1983	Nữ	Mễ Trì - NTL	Cao đẳng	Chính quy	Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
8	XT0822	Nguyễn Thị	Hà	05/01/1989	Nữ	Thanh Đa - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
9	XT0823	Nguyễn Triệu	Hà	05/02/1991	Nữ	Sài Sơn - Quốc Oai	Đại Học	Chính quy	Thiết kế đồ họa	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai B		
10	XT0824	Nguyễn Thị	Hân	23/11/1989	Nữ	Tân Mai - HM	Đại học	Chính quy	SP Mỹ thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Cổ Nhuế 2B		
11	XT0825	Chu Thị Thu	Hằng	12/08/1987	Nữ	Ba Trại - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
12	XT0826	Hà Thị	Hằng	09/05/1989	Nữ	Tân Lĩnh - BV	Đại học	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Tây Tựu A		
13	XT0827	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/02/1988	Nữ	Ngô Sài - Quốc Oai	Đại học	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Cổ Nhuế 2B		
14	XT0828	Đào Thị Hồng	Hạnh	17/10/1992	Nữ	Phùng - ĐP	Đại Học	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai B		
15	XT0829	Đinh Thế	Hạnh	11/02/1987	Nam	Phú Mãn - Quốc Oai	Trung cấp	Chính quy	Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Đông Ngạc B	DT	
16	XT0830	Nguyễn Thị	Hạnh	18/05/1988	Nữ	Hạ Mỗ - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai B		
17	XT0831	Nguyễn Minh	Hậu	05/07/1988	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Đông Ngạc B		
18	XT0832	Bùi Thị	Hoa	12/02/1988	Nữ	Trạm Trôi - HĐ	Đại học	Chính quy - LT	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
19	XT0833	Trần Thị Anh	Hồng	21/10/1991	Nữ	Cổ Đô - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
20	XT0834	Vũ Thị	Hồng	26/09/1988	Nữ	Phúc Thọ	Đại học	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Cổ Nhuế 2B		
21	XT0835	Nguyễn Thị	Hương	22/10/1987	Nữ	Mỹ Lộc - Phúc Thọ	Trung cấp	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Đông Ngạc B		
22	XT0836	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/09/1988	Nữ	Phú Kim - TT	Đại Học	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai B		
23	XT0837	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/10/1989	Nữ	Tân Hội - ĐP	Cao Đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai B		
24	XT0838	Cao Hồng	Lan	18/11/1987	Nữ	Ô Chợ Dừa - Đống Đa	Đại học	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Cổ Nhuế 2B	Con LS	
25	XT0839	Dương Thị	Lan	23/08/1985	Nữ	Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP họa - nhạc	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Đông Ngạc B		
26	XT0840	Duy Thị	Lan	12/07/1989	Nữ	Sơn Đồng - HĐ	Đại học	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
27	XT0841	Trần Thị Bích	Liên	10/09/1989	Nữ	Mộ Lao - Hà Đông	Đại học	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Cổ Nhuế 2B		
28	XT0842	Doãn Thị	Loan	30/05/1990	Nữ	Ngọc Mỹ - Quốc Oai	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Tây Tựu A		
29	XT0843	Tạ Thị	Loan	09/02/1988	Nữ	Thọ Lộc - Phúc Thọ	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Tây Tựu A		
30	XT0844	Phạm Khánh	Ly	28/10/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Tây tựu A		
31	XT0845	Đỗ Thị	Mai	28/12/1992	Nữ	Đức Giang - Hoài Đức	Đại học	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Tây Tựu A		
32	XT0846	Đỗ Tuyết	Mai	11/01/1985	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Tây Tựu A		
33	XT0847	Ngô Văn	Mạnh	22/07/1984	Nam	Dương Liễu - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Tây Tựu A		

(Danh sách có: 33 thí sinh)

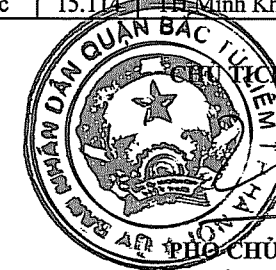


DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: MỸ THUẬT (KHỐI TIỂU HỌC) + GD THỂ CHẤT (KHỐI TIỂU HỌC)

PHÒNG SỐ
27

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	XT0848	Nguyễn Thị Hồng	Minh	20/03/1991	Nữ	Hương Ngải - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
2	XT0849	Nguyễn Thị	Nga	11/04/1990	Nữ	Song Phương - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Tây Tựu A		
3	XT0850	Cần Thị	Ngọc	18/04/1991	Nữ	Cam Thượng - BV	Đại học	Chính quy	SP Mỹ thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai B		
4	XT0851	Nguyễn Thị	Nguyệt	30/06/1988	Nữ	Quốc Oai - Quốc Oai	Trung cấp	Chính quy	Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
5	XT0852	Kiều Thị	Phượng	28/11/1989	Nữ	Đại Đồng - TT	Đại học	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
6	XT0853	Kiều Thị	Phượng	25/10/1989	Nữ	Đại Đồng - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai B		
7	XT0854	Chu Thúy	Quỳnh	23/08/1987	Nữ	Lê Lợi - Sơn Tây	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
8	XT0855	Mai Thị	Sim	10/12/1991	Nữ	Thạch Xá - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Đông ngạc B	DT	
9	XT0856	Phạm Thị	Tâm	17/07/1987	Nữ	Đức Giang - HĐ	Trung cấp	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
10	XT0857	Khuông Thị	Thanh	20/11/1986	Nữ	Thạch Xá - TT	Trung cấp	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Tây Tựu A		
11	XT0858	Nguyễn Thị Phương	Thanh	12/01/1988	Nữ	Phú Cường - BV	Cao đẳng	Chính quy	Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Đông Ngạc B		
12	XT0859	Bạch Thị	Thu	18/10/1992	Nữ	Ba Trại - BV	Đại học	Chính quy	SP Mỹ thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Đông Ngạc B	DT	
13	XT0860	Phùng Thị	Thu	20/09/1990	Nữ	Đồng Thái - BV	Đại học	Chính quy	SP Mỹ thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Đông Ngạc B		
14	XT0861	Lê Thị	Thương	15/06/1990	Nữ	Yên Bái - Ba Vì	Đại học	Chính quy	SP Mỹ thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Đông Ngạc B		
15	XT0862	Nguyễn Thị Phương	Thúy	08/03/1992	Nữ	An Thượng - Mỹ Đức	Cao Đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai B		
16	XT0863	Nguyễn Thị	Thùy	06/03/1988	Nữ	Dương Liễu - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
17	XT0864	Nguyễn Đức	Toàn	11/12/1987	Nữ	Trạm Trôi - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Tây Tựu A		
18	XT0865	Hoàng Thị Thu	Trang	16/03/1990	Nữ	Phượng Đình - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Đông Ngạc B		
19	XT0866	Nguyễn Thị Huyền	Trang	15/06/1990	Nữ	Minh Quang - BV	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
20	XT0867	Ngô Hải	Vân	04/12/1983	Nữ	Cầu Diễn - NTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	15.114	TH Minh Khai A		
21	XT0868	Ngô Văn	Bắc	11/08/1993	Nam	Xuân Phương - NTL	Trung cấp	Chính quy	GD Thể chất	GV Thể dục	15.114	TH Minh Khai B		
22	XT0869	Hoàng Thị Kim	Dung	29/07/1990	Nữ	Nhân Chính - TX	Đại học	Chính quy	GD thể chất	GV Thể dục	15.114	TH Phúc Diễn		
23	XT0870	Nguyễn Duy	Dương	01/07/1987	Nam	Tân Hội - ĐP	Đại học	Chính quy	GD Thể chất	GV Thể dục	15.114	TH Đông Ngạc A		
24	XT0871	Nguyễn Thị Minh	Hồng	19/08/1977	Nữ	Bưởi - Tây Hồ	Cao đẳng	Chính quy	GD Thể chất	GV Thể dục	15.114	TH Phúc Diễn		
25	XT0872	Ngô Thị	Kết	17/10/1990	Nữ	Tô Hiệu - Thường Tín	Đại học	Chính quy	HLTT	GV Thể dục	15.114	TH Phúc Diễn		
26	XT0873	Nguyễn Thị Hương	Liên	16/06/1992	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD Thể chất	GV Thể dục	15.114	TH Đông Ngạc A		
27	XT0874	Nguyễn Thị	Phượng	27/02/1991	Nữ	Hồng Hà - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	GD Thể chất	GV Thể dục	15.114	TH Tây Tựu A		
28	XT0875	Lê Thị	Thanh	07/01/1991	Nữ	An Tiên - Mỹ Đức	Đại học	Chính quy	SP TDTT	GV Thể dục	15.114	TH Đông ngạc B		
29	XT0876	Hoàng Thị Thu	Trang	06/01/1990	Nữ	Xuân Đình - BTL	Đại học	Chính quy	SP TDTT	GV Thể dục	15.114	TH Đông Ngạc B		
30	XT0877	Nguyễn Văn	Tuấn	20/05/1990	Nam	Xuân Giang - Sóc Sơn	Đại học	Chính quy	HLTT	GV Thể dục	15.114	TH Đông ngạc B		
31	XT0878	Nguyễn Thị	Tươi	11/05/1993	Nữ	Vĩnh Ngọc - ĐA	Cao Đẳng	Chính quy	GD Thể chất	GV Thể dục	15.114	TH Minh Khai B		
32	XT0879	Hoàng Thị Trang	Viên	24/06/1984	Nữ	Mai Dịch - CG	Cao Đẳng	Chính quy	SP Sinh-TDTT	GV Thể dục	15.114	TH Minh Khai B		

(Danh sách có: 32 thí sinh)



PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
28

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT0880	Lê Thị	An	18/07/1987	Nữ	Mĩnh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
2	XT0881	Nguyễn Tâm	An	19/08/1993	Nữ	Mỹ Đình 1 - NTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
3	XT0882	Nguyễn Thị Thúy	An	13/01/1991	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
4	XT0883	Đỗ Thị Lan	Anh	21/07/1993	Nữ	Tây Tựu - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Mĩnh Khai		
5	XT0884	Đông Thị Vân	Anh	02/03/1988	Nữ	Đan Phượng - HN	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
6	XT0885	Duy Thị Thủy	Anh	22/03/1992	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
7	XT0886	Nguyễn Huyền	Anh	29/04/1991	Nữ	Lại Yên - HĐ	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
8	XT0887	Nguyễn Kim	Anh	27/07/1992	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
9	XT0888	Nguyễn Thị Hồng	Anh	16/03/1988	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
10	XT0889	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	15/04/1993	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
11	XT0890	Nguyễn Thị Phương	Anh	31/3/1992	Nữ	Xuân Tảo - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
12	XT0891	Nguyễn Thị Thúy	Anh	23/11/1989	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
13	XT0892	Phí Thị Mai	Anh	03/12/1991	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
14	XT0893	Trương Hoài	Anh	12/09/1993	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
15	XT0894	Vũ Lan	Anh	19/12/1987	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
16	XT0895	Vũ Thị	Anh	30/03/1991	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
17	XT0896	Vương Ngọc	Anh	04/12/1993	Nữ	Mĩnh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
18	XT0897	Vương Thị Lan	Anh	22/10/1993	Nữ	Mĩnh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Mĩnh Khai		
19	XT0898	Đinh Thị	Anh	28/11/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
20	XT0899	Nguyễn Thị	Anh	20/02/1985	Nữ	Liên Trung - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
21	XT0900	Nguyễn Thị Hồng	Anh	20/12/1973	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
22	XT0901	Nguyễn Thị Hồng	Anh	20/11/1985	Nữ	Đan Phượng	Cao đẳng	Tại chức	GDMN	GVMN	15.115	MN Mĩnh Khai		
23	XT0902	Nguyễn Tuyết	Anh	12/01/1992	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
24	XT0903	Quách Thị Ngọc	Anh	01/09/1990	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân đình		
25	XT0904	Vũ Thị	Anh	30/10/1992	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
26	XT0905	Nguyễn Thị	Bích	10/02/1993	Nữ	Liên Hà - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
27	XT0906	Nguyễn Thị	Bích	06/08/1993	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thụy Phương		
28	XT0907	Trần Thị	Bích	01/07/1986	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
29	XT0908	Vương Thị	Bích	02/01/1994	Nữ	Mĩnh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
30	XT0909	Hà Thị	Bình	14/03/1989	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Mĩnh Khai	Con DT	
31	XT0910	Nguyễn Thị	Bình	12/06/1984	Nữ	Liên Trung - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
32	XT0911	Nguyễn Thị	Cam	15/1/1990	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
33	XT0912	Đặng Thị	Chanh	12/04/1992	Nữ	Tây Tựu - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
34	XT0913	Nguyễn Minh	Châu	29/01/1983	Nữ	Phúc La - Hà Đông	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		

(Danh sách có: 34 thí sinh)

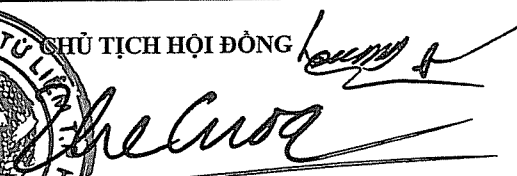
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
29

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT0914	Bùi Thị Lệ	Chi	29/09/1992	Nữ	An Mỹ - Mỹ Đức	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
2	XT0915	Đàm Thị Lệ	Chi	11/11/1989	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
3	XT0916	Nguyễn Thị	Chiều	30/8/1982	Nữ	Hải Bôi - ĐA	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
4	XT0917	Cần Thị Ngọc	Chinh	11/02/1976	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
5	XT0918	Hoàng Thị Tuyết	Chinh	18/02/1984	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
6	XT0919	Nguyễn Thị Thủy	Chinh	15/10/1980	Nữ	Xuân Phương - NTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
7	XT0920	Nguyễn Thị	Chức	04/01/1991	Nữ	Vạn Thắng - Ba Vì	Đại học	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
8	XT0921	Đặng Thị	Chức	8/8/1990	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
9	XT0922	Chu Thị Minh	Chung	27/09/1986	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
10	XT0923	Nguyễn Thị	Chung	14/09/1989	Nữ	Phú Châu - BV	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
11	XT0924	Nguyễn Thùy	Chung	01/07/1992	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
12	XT0925	Khuất Thị	Chuyên	09/05/1988	Nữ	Xuân Phú - Phúc Thọ	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
13	XT0926	Nguyễn Thị	Chuyên	16/09/1974	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
14	XT0927	Lê Thu	Cúc	20/03/1992	Nữ	Phú Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
15	XT0928	Nguyễn Thị	Cúc	06/09/1979	Nữ	Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
16	XT0929	Nguyễn Thị	Cúc	04/01/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
17	XT0930	Tự Thị	Cúc	29/11/1991	Nữ	Tây Tựu - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
18	XT0931	Phạm Thị Lệ	Diễm	06/07/1989	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A	Con TB	
19	XT0932	Vũ Thị Hồng	Diễn	26/10/1987	Nữ	Đông Xa - Mai Dịch	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
20	XT0933	Phan Thị Hồng	Diệp	13/11/1983	Nữ	Tây Hồ	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
21	XT0934	Nguyễn Thị	Doan	27/11/1992	Nữ	Thọ An - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
22	XT0935	Nguyễn Thị Kim	Dư	13/02/1990	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
23	XT0936	Chu Thị	Dung	18/11/1992	Nữ	Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
24	XT0937	Đinh Thị Thùy	Dung	24/05/1992	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
25	XT0938	Dương Thùy	Dung	24/8/1991	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
26	XT0939	Lê Thị Kim	Dung	18/08/1988	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Đại học	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
27	XT0940	Ngô Thị Thùy	Dung	11/08/1991	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
28	XT0941	Nguyễn Thị	Dung	24/10/1988	Nữ	Cát Quê - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
29	XT0942	Nguyễn Thị	Dung	04/11/1985	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
30	XT0943	Nguyễn Thị Kim	Dung	19/01/1987	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
31	XT0944	Nguyễn Thị Lê	Dung	26/11/1986	Nữ	Mỹ Đình 1 - NTL	Đại học	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
32	XT0945	Nguyễn Thùy	Dung	05/06/1994	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
33	XT0946	Nguyễn Thùy	Dung	26/03/1994	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
34	XT0947	Phí Thị Ngọc	Dung	01/06/1984	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Cao đẳng	VLVH	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		

(Danh sách có: 34 thí sinh)

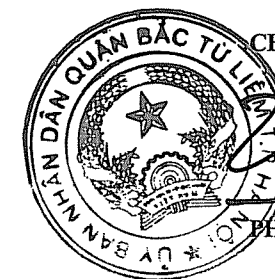
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
PHÒNG THI SỐ: 30; MÔN THI: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
30

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT0948	Tạ Thị	Thúy	Dung	25/08/1976	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B	
2	XT0949	Trần Thị		Dung	27/10/1993	Nữ	Cô Đô - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A	
3	XT0950	Trần Thị		Dược	08/11/1994	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuê 2	
4	XT0951	Đỗ Thị	Thùy	Dương	07/11/1992	Nữ	Trạm Trôi - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn	
5	XT0952	Hoàng Thị	Thùy	Dương	28/11/1981	Nữ	Phú Phương - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát	DT
6	XT0953	Lê Thùy		Dương	28/07/1993	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn	
7	XT0954	Nghiêm Thùy		Dương	07/09/1990	Nữ	Thạch Thất - HN	Trung cấp	VHVL	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu	
8	XT0955	Nguyễn Thị	Thùy	Dương	28/02/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình	
9	XT0956	Phan Thùy		Dương	01/01/1991	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	VHVL	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu	
10	XT0957	Quách Thị	Thùy	Dương	06/11/1990	Nữ	Cô Nhuê - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuê 1	
11	XT0958	Nguyễn Thị		Duyên	23/08/1991	Nữ	Lại Yên - Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuê 2	
12	XT0959	Nguyễn Thị		Duyên	25/12/1987	Nữ	Liên Hà - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát	
13	XT0960	Trần Thị		Duyên	11/02/1992	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc	
14	XT0961	Đỗ Thị		Diệp	09/09/1985	Nữ	Phú Diễn - BTL	Đại học	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn	
15	XT0962	Nguyễn Thị		Diệp	03/06/1989	Nữ	Liên Trung - ĐP	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A	
16	XT0963	Lê Linh		Giang	28/04/1993	Nữ	Cô Nhuê 1 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuê 1	
17	XT0964	Cao Thị		Hà	25/10/1993	Nữ	Đức Giang - HĐ	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn	
18	XT0965	Đinh Thị		Hà	20/04/1989	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn	
19	XT0966	Lê Thị	Thu	Hà	26/01/1994	Nữ	Tân Hồng - BV	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình	
20	XT0967	Ngô Thị		Hà	03/09/1992	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát	
21	XT0968	Nguyễn Thị	Bích	Hà	08/01/1983	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A	Con TB
22	XT0969	Nguyễn Thị	Minh	Hà	24/09/1993	Nữ	Nghĩa Tân - CG	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuê 1	
23	XT0970	Nguyễn Thu		Hà	14/9/1981	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình	
24	XT0971	Phạm Thị		Hà	20/09/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu	
25	XT0972	Phạm Thu		Hà	04/09/1992	Nữ	Phong Vân -BV	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn	
26	XT0973	Trần Thị	Khánh	Hà	19/04/1986	Nữ	Đông Ngạc -BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B	
27	XT0974	Trần Thị	Thu	Hà	30/9/1990	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình	
28	XT0975	Vũ Thu		Hà	23/07/1986	Nữ	Hoài Đức - HN	Trung cấp	VHVL	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu	
29	XT0976	Bùi Thị		Hải	14/12/1990	Nữ	Ba Trại - Ba Vì	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo	DT Mường
30	XT0977	Đặng Thị		Hải	29/09/1979	Nữ	Thạch Thất	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn	
31	XT0978	Lê Thị		Hải	10/10/1992	Nữ	Tây Tựu - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuê 1	
32	XT0979	Lê Thị		Hải	12/06/1986	Nữ	Cô Nhuê 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai	
33	XT0980	Nguyễn Thị	Hồng	Hải	07/11/1988	Nữ	Tân Lập - Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai	
34	XT0981	Nguyễn Thị	Minh	Hải	16/01/1990	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai	

(Danh sách có: 34 thí sinh)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND

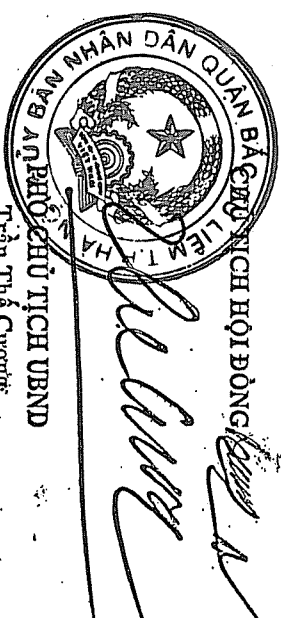
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SẮT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
31

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT10982	Nguyễn Thị	Hân	18/10/1993	Nữ	Phủ Minh - Sóc Sơn	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
2	XT10983	Bà Thị	Hằng	05/02/1991	Nữ	Dương Liễu - HD	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
3	XT10984	Đỗ Thị Thu	Hằng	14/02/1990	Nữ	Thương Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
4	XT10985	Lê Thị	Hằng	03/10/1992	Nữ	Cầm Yên - Thạch Thải	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
5	XT10986	Lê Thị	Hằng	24/6/1984	Nữ	Đồng Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
6	XT10987	Nguyễn Thị	Hằng	29/06/1990	Nữ	Cổ Loa - ĐA	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đồng Ngạc A		
7	XT10988	Nguyễn Thị	Hằng	20/04/1980	Nữ	Kim Chung - HD	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
8	XT10989	Nguyễn Thị	Hằng	07/10/1990	Nữ	Liên Trung - ĐP	Đại học	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
9	XT10990	Nguyễn Thị Thu	Hằng	05/01/1987	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
10	XT10991	Nguyễn Thị Thu	Hằng	28/08/1988	Nữ	Liên Hà - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thụy Phương		
11	XT10992	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/9/1982	Nữ	Tây Hồ - HN	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
12	XT10993	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	08/11/1984	Nữ	Nhật Tân - TH	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đồng Ngạc A		
13	XT10994	Nguyễn Thuý	Hằng	07/07/1992	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
14	XT10995	Vũ Thị Thuý	Hằng	28/8/1993	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
15	XT10996	Đàm Thị Hồng	Hành	18/11/1992	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
16	XT10997	Đinh Thị	Hành	30/11/1993	Nữ	Bưởi - Tây Hồ	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
17	XT10998	Hoàng Thị Bích	Hành	11/08/1983	Nữ	Phúc Thọ	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
18	XT10999	Khuyết Thị Minh	Hành	11/07/1991	Nữ	Mai Dịch - CG	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
19	XT1000	Nguyễn Thị	Hành	23/10/1989	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
20	XT1001	Nguyễn Thị	Hành	18/11/1992	Nữ	Đan Phượng - HN	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Từ		
21	XT1002	Nguyễn Thị	Hành	25/03/1992	Nữ	Phú Xuyên	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thụy Phương		
22	XT1003	Nguyễn Thị	Hành	28/10/1986	Nữ	Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
23	XT1004	Nguyễn Thị	Hành	8/5/1990	Nữ	Nguyễn Khê - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
24	XT1005	Vương Thị	Hành	10/07/1992	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
25	XT1006	Ngô Thị	Hào	16/10/1991	Nữ	Thương Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
26	XT1007	Nguyễn Thị	Hào	16/11/1990	Nữ	Xuân Phương - NTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
27	XT1008	Nguyễn Thị	Hào	18/05/1991	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thụy Phương		
28	XT1009	Phùng Phương	Hào	07/05/1994	Nữ	Vạn Thắng - BV	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
29	XT1010	Nguyễn Thị	Hào	30/04/1989	Nữ	Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
30	XT1011	Nguyễn Thị	Hào	03/11/1985	Nữ	Xuân La - Tây Hồ	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
31	XT1012	Nguyễn Thị Thuý	Hân	18/07/1990	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
32	XT1013	Trần Thị	Hiền	22/05/1992	Nữ	Tân Lập - Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thương Cát		
33	XT1014	Vũ Thị	Hiền	26/09/1993	Nữ	Thương Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
34	XT1015	Đỗ Thu	Hiền	07/11/1986	Nữ	Liên Hà - ĐA	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đồng Ngạc A		

(Danh sách có: 34 thí sinh)



Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN THI: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
32

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐVT	Ghi chú
1	XT1016	Hoàng Thị	Hiền	07/05/1985	Nữ	Yên Hòa - CG	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
2	XT1017	Ngô Thị	Hiền	06/06/1989	Nữ	Yên Phụ - TH	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
3	XT1018	Ngô Thị	Hiền	08/07/1993	Nữ	Có Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
4	XT1019	Nguyễn Thị	Hiền	01/05/1991	Nữ	Liên Trung - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
5	XT1020	Nguyễn Thị	Hiền	17/05/1992	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
6	XT1021	Nguyễn Thị	Hiền	10/05/1983	Nữ	Thạch Thất - HN	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
7	XT1022	Nguyễn Thị	Hiền	7/02/1982	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
8	XT1023	Nguyễn Thị	Hiền	16/12/1981	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
9	XT1024	Nguyễn Thị Thu	Hiền	07/03/1993	Nữ	Thụy Phương - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
10	XT1025	Trần Thị	Hiền	21/11/1987	Nữ	Ngũ Hòa - CG	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
11	XT1026	Trần Thị	Hiền	15/7/1987	Nữ	Phú Thượng - TH	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
12	XT1027	Trịnh Thị	Hình	21/04/1985	Nữ	Liên Hồng - ĐP	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
13	XT1028	Đỗ Thanh	Hoa	10/08/1993	Nữ	Xuân Phương - NTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
14	XT1029	Lý Thị	Hoa	28/05/1990	Nữ	Di Trạch - Hoài Đức	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
15	XT1030	Nguyễn Thị	Hoa	09/07/1992	Nữ	Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
16	XT1031	Nguyễn Thị	Hoa	02/11/1992	Nữ	Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
17	XT1032	Nguyễn Thị	Hoa	05/10/1987	Nữ	Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
18	XT1033	Nguyễn Thị	Hoa	25/09/1988	Nữ	Xuân La - Tây Hồ	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân đình		
19	XT1034	Trần Thị Mai	Hoa	12/10/1988	Nữ	Có Nhuế 2 - BTL	Đại học	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
20	XT1035	Dương Thu	Hòa	14/07/1994	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
21	XT1036	Nguyễn Thị Hải	Hòa	14/09/1994	Nữ	Xuân Phương - NTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
22	XT1037	Trần Thị	Hoài	29/04/1990	Nữ	Đại Xuyên - PX	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
23	XT1038	Đinh Thị	Hồ	20/12/1990	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
24	XT1039	Nguyễn Thị	Hội	10/10/1985	Nữ	Xuân Phương - NTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
25	XT1040	Nguyễn Nhật	Hồng	02/11/1990	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
26	XT1041	Nguyễn Thị	Hồng	03/11/1984	Nữ	Mê Trì - NTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Có Nhuế 1		
27	XT1042	Nguyễn Thị	Hồng	16/02/1987	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Có Nhuế 2		
28	XT1043	Nguyễn Thị	Hồng	25/09/1985	Nữ	Chàng Sơn - TT	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
29	XT1044	Nguyễn Thị	Hồng	01/07/1991	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
30	XT1045	Phí Thị Duyên	Hồng	26/05/1990	Nữ	Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Có Nhuế 1		
31	XT1046	Bùi Thị	Hợp	25/07/1982	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Tập trung	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
32	XT1047	Trần Thị	Hợp	05/01/1989	Nữ	Tân Lập - Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
33	XT1048	Nguyễn Thị Hồng	Huê	15/01/1991	Nữ	Đan Phượng - HN	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
34	XT1049	Đỗ Thị	Huê	05/05/1993	Nữ	Tốt Động - CM	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		

(Danh sách có: 34 thí sinh)



PHẠO CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SẮT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
33

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hệ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐT/TT	Ghi chú
1	XT1050	Nguyễn Thị	Huê	26/06/1989	Nữ	Hồng Hà - DP	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuế 2		
2	XT1051	Danh Thị	Huê	22/7/1991	Nữ	Dương Liễu - HD	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
3	XT1052	Lê Thị Thanh	Huê	06/09/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
4	XT1053	Nguyễn Thị	Huê	15/05/1986	Nữ	Phủ Diên - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diên		
5	XT1054	Vũ Thị Minh	Huê	14/09/1986	Nữ	Tân Mai - HM	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Thủy Phương		
6	XT1055	Đặng Thị	Hương	31/5/1986	Nữ	Xuân La - Tây Hồ	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
7	XT1056	Đinh Thị Lan	Hương	20/05/1988	Nữ	Phủ Diên - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diên		
8	XT1057	Đinh Thị Mai	Hương	12/11/1987	Nữ	Phủ Diên - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diên		
9	XT1058	Hà Thị	Hương	22/07/1992	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diên		
10	XT1059	Hà Thị Lan	Hương	22/10/1989	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
11	XT1060	Hoàng Thị	Hương	30/07/1991	Nữ	Đan Phượng - HN	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
12	XT1061	Hoàng Thị	Hương	01/03/1989	Nữ	Tây Tựu - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
13	XT1062	Hoàng Thu	Hương	28/07/1982	Nữ	Ngọc Khánh - Ba Đình	Cao đẳng	Tài chính	GDMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuế 1		
14	XT1063	Lê Thị	Hương	01/4/1989	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
15	XT1064	Lê Thị	Hương	11/11/1989	Nữ	Cô Nhuế - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thủy Phương		
16	XT1065	Lê Thị Lan	Hương	10/07/1989	Nữ	Thủy Phương - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
17	XT1066	Lê Thị Minh	Hương	23/3/1993	Nữ	Cô Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diên		
18	XT1067	Nguyễn Thị	Hương	18/05/1993	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diên		
19	XT1068	Nguyễn Thị	Hương	19/03/1993	Nữ	Vạn Thắng - BV	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
20	XT1069	Nguyễn Thị Hồng	Hương	8/10/1982	Nữ	Xuân La - Tây Hồ	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
21	XT1070	Nguyễn Thị Lan	Hương	25/01/1993	Nữ	Lại Yên - HD	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
22	XT1071	Nguyễn Thị Mai	Hương	14/07/1984	Nữ	An Thượng - HD	Trung cấp	Tập trung	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
23	XT1072	Nguyễn Thị Thanh	Hương	04/11/1986	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
24	XT1073	Nguyễn Thị Thu	Hương	27/05/1991	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thủy Phương		
25	XT1074	Nguyễn Thị Thu	Hương	11/10/1993	Nữ	Thủy Phương - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
26	XT1075	Nguyễn Thu	Hương	24/03/1993	Nữ	Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
27	XT1076	Phùng Thu	Hương	31/12/1993	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thủy Phương		
28	XT1077	Quách Thị	Hương	05/10/1990	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
29	XT1078	Trần Thị Thu	Hương	12/09/1979	Nữ	Cô Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuế 2		
30	XT1079	Trần Thị Thu	Hương	14/08/1988	Nữ	Phủ Diên - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diên		
31	XT1080	Trần Thị Thu	Hương	23/09/1988	Nữ	Trần Trôi - Hoài Đức	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
32	XT1081	Đỗ Thị Thu	Hương	07/11/1989	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuế 2		
33	XT1082	Đỗ Thu	Hương	06/02/1990	Nữ	Phủ Diên - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diên		
34	XT1083	Ngô Thị Thu	Hương	24/06/1994	Nữ	Phủ Diên - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diên		

(Danh sách có: 34 thí sinh)



PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SẮT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
34

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT1084	Nguyễn Thị	Hùng	15/11/1984	Nữ	Ô Chợ Dừa - ĐD	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Cô Nhuế 1		
2	XT1085	Nguyễn Thị	Hùng	20/08/1986	Nữ	Dan Phương	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Minh Khai	Con BB	
3	XT1086	Nguyễn Thị	Hùng	05/04/1985	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Phúc Diễn		
4	XT1087	Nguyễn Thị	Hùng	11/07/1994	Nữ	Phượng Canh - NTL	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Phúc Diễn		
5	XT1088	Nguyễn Thị	Hùng	24/07/1990	Nữ	Tây Từ - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Tây Từ		
6	XT1089	Nguyễn Thị	Hùng	28/11/1981	Nữ	Dan Phương	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Thụy Phương		
7	XT1090	Nguyễn Thị Thu	Hùng	05/11/1983	Nữ	Dan Phương	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Thượng Cát		
8	XT1091	Nguyễn Thu	Hùng	07/12/1991	Nữ	Vòng La - ĐA	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Đông Ngạc A		
9	XT1092	Phạm Thị	Hùng	13/07/1992	Nữ	Hồng Hà - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Cô Nhuế 1		
10	XT1093	Trần Thị	Hùng	18/01/1994	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Minh Khai		
11	XT1094	Trần Thu	Hùng	01/01/1992	Nữ	Tây Từ - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Phúc Diễn		
12	XT1095	Chu Thị	Huyền	10/06/1991	Nữ	Van Nham - Phúc Thọ	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Phú Diễn		
13	XT1096	Đặng Thị Ngọc	Huyền	07/03/1992	Nữ	Tân Lĩnh - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Minh Khai		
14	XT1097	Đỗ Thị Thanh	Huyền	20/11/1992	Nữ	Thụy Phương - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Thụy Phương		
15	XT1098	Hoàng Thị Thanh	Huyền	25/04/1982	Nữ	Tây Hồ - HN	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Liên Mạc		
16	XT1099	Lê Thị Ngọc	Huyền	12/05/1991	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP/GD/MN	GV/MN	15.115	MN Minh Khai		
17	XT1100	Nguyễn Thanh	Huyền	10/06/1991	Nữ	Liên Trung - ĐP	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Cô Nhuế 1		
18	XT1101	Nguyễn Thị	Huyền	10/06/1990	Nữ	Tây Đằng - BV	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Tây Từ		
19	XT1102	Nguyễn Thị	Huyền	10/09/1993	Nữ	Bắc Từ Liêm - HN	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Đông Ngạc B		
20	XT1103	Nguyễn Thị	Huyền	27/12/1992	Nữ	Minh Quang - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Thượng Cát		
21	XT1104	Nguyễn Thị Minh	Huyền	25/07/1993	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Đình		
22	XT1105	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	19/01/1987	Nữ	Phượng Đình - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SP/GD/MN	GV/MN	15.115	MN Tây Từ		
23	XT1106	Nguyễn Thị Thu	Huyền	01/05/1984	Nữ	Cô Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Cô Nhuế 2		
24	XT1107	Phạm Thị Thu	Huyền	31/10/1992	Nữ	Van Thắng - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Minh Khai		
25	XT1108	Phùng Ngọc	Huyền	07/05/1994	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP/GD/MN	GV/MN	15.115	MN Phúc Diễn		
26	XT1109	Phùng Thanh	Huyền	13/03/1988	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Đông Ngạc A		
27	XT1110	Vũ Thị	Huyền	27/07/1987	Nữ	Đức Thắng - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Tảo		
28	XT1111	Vũ Thị	Huyền	02/06/1986	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Tây Từ		
29	XT1112	Vương Th	Kha	16/08/1987	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Tây Từ		
30	XT1113	Nguyễn Văn	Khuyến	14/02/1988	Nữ	Hoài Đức - HN	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Tây Từ		
31	XT1114	Nguyễn Thị	Kim	29/11/1992	Nữ	Cô Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Tây Từ		
32	XT1115	Chu Thị	Kim	10/04/1979	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Tây Từ		
33	XT1116	Hoàng Thanh	Lan	10/10/1987	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Tây Từ		
34	XT1117	Lê Thị	Lan		Nữ									

(Danh sách có: 34 thí sinh)



TRẦN THẾ CƯƠNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÁCH GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NĂM 2014

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SẮT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: GIÁO VIÊN MẦM NON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG SỐ

35

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hệ đào tạo thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT11118	Nguyễn Thanh	Lan	13/12/1990	Nữ	Ngành Đồ - CG	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Tảo		
2	XT11119	Nguyễn Thị Hương	Lan	18/5/1984	Nữ	Ngành Tân - CG	Cao đẳng	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Đình	Con BB	
3	XT11120	Nguyễn Thị Mai	Lan	07/7/1986	Nữ	Từ Liên - Tây Hồ	Cao đẳng	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Tảo		
4	XT11121	Nguyễn Tuyết	Lan	26/12/1993	Nữ	Xuân Tảo - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Đình		
5	XT11122	Vương Thị	Lan	02/01/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Minh Khai		
6	XT11123	Nguyễn Thị	Lan	05/06/1986	Nữ	Thụy Hương - CM	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Phúc Điền		
7	XT11124	Dương Thị	Lăng	26/06/1983	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Đông Ngạc A		
8	XT11125	Nguyễn Diễm	Lê	17/02/1992	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Tây Tựu		
9	XT11126	Lê Thị Hồng	Liên	13/08/1991	Nữ	Tây Tựu - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Liên Mạc		
10	XT11127	Lê Thị Lan	Liên	05/02/1988	Nữ	Văn Thắng - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Minh Khai		
11	XT11128	Nguyễn Thị	Liên	18/12/1994	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Đình		
12	XT11129	Nguyễn Thị Bích	Liên	13/04/1984	Nữ	Liên Giai - BD	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Liên Mạc		
13	XT11130	Trần Thị	Liên	09/05/1993	Nữ	Tân Lập - DP	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Tảo		
14	XT11131	Trần Thị Kim	Liên	16/11/1993	Nữ	Phú Minh - Sóc Sơn	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Thụy Phương		
15	XT11132	Trần Thùy	Liên	04/02/1991	Nữ	Phú Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Phúc Điền		
16	XT11133	Vân Thị	Liên	15/10/1989	Nữ	Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Thụy Phương		
17	XT11134	Nguyễn Thị	Liên	08/10/1991	Nữ	Thường Tín	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Minh Khai		
18	XT11135	Trịnh Thị	Liên	20/07/1989	Nữ	Liên Giai - BD	Đại học	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
19	XT11136	Hoàng Thị	Liên	15/02/1982	Nữ	Xuân La - Tây Hồ	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Đình		
20	XT11137	Đinh Diệu	Linh	01/01/1988	Nữ	Quan Hoa - CG	Cao đẳng	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Tảo		
21	XT11138	Đỗ Thị Mỹ	Linh	18/02/1986	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Thượng Cát		
22	XT11139	Lê Thùy	Linh	22/10/1991	Nữ	Phú Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Phúc Điền		
23	XT11140	Nguyễn Diệu	Linh	22/10/1992	Nữ	Đức Thượng - HD	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Liên Mạc		
24	XT11141	Nguyễn Thị Khánh	Linh	15/02/1994	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Đông Ngạc A		
25	XT11142	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/11/1993	Nữ	Liên Hồng - DP	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Đông Ngạc A		
26	XT11143	Nguyễn Thị Yên	Linh	19/03/1984	Nữ	Thụy Phương - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Phúc Điền		
27	XT11144	Nguyễn Thùy	Linh	05/08/1993	Nữ	Văn Canh - HD	Cao đẳng	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Thụy Phương		
28	XT11145	Nguyễn Thùy	Linh	09/03/1983	Nữ	Thụy Phương - BTL	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Tảo		
29	XT11146	Phạm Thị Thùy	Linh	02/11/1990	Nữ	Thần Mỹ - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Đông Ngạc A		
30	XT11147	Trần Thùy	Linh	22/09/1992	Nữ	Kim Chung - ĐA	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Đông Ngạc A		
31	XT11148	Trần Thị	Loan	01/09/1989	Nữ	Thọ Xuân - DP	Trung cấp	Chính quy	SP/MN	GV/MN	15.115	MN Tây Tựu		
32	XT11149	Lê Thị	Lộc	08/01/1991	Nữ	Hoài Đức - HN	Trung cấp	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Phúc Điền		
33	XT11150	Nguyễn Thị	Lộc	17/01/1994	Nữ	Hồng Quang - ƯH	Cao đẳng	Chính quy	GD/MN	GV/MN	15.115	MN Xuân Tảo		
34	XT11151	Đào Thị	Lung	16/03/1993	Nữ									

(Danh sách có: 34 thí sinh)



PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
36

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hồ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐIƯT	Ghi chú
1	XT1152	Lê Thị	Lương	10/12/1982	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuế 1		
2	XT1153	Chu Thị	Luyện	01/01/1991	Nữ	Phù Đồng - Ba Vi	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
3	XT1154	Chu Thị	Luyện	13/11/1990	Nữ	Tây Tru - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
4	XT1155	Lê Thị	Luyện	15/06/1993	Nữ	Thọ Xuân - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
5	XT1156	Ngô Thị Hồng	Luyện	22/01/1991	Nữ	Phong Vân - BV	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
6	XT1157	Đinh Thị	Lý	26/12/1990	Nữ	Phù Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phù Diễn		
7	XT1158	Lê Hương	Lý	23/10/1994	Nữ	Thụy Phương - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thụy Phương		
8	XT1159	Nguyễn Thị	Lý	01/11/1990	Nữ	Minh Khai - BTL	Đại học	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phù Diễn		
9	XT1160	Phạm Thị Ngọc	Lý	30/10/1992	Nữ	Cần Lĩnh - BV	Trung cấp	Chính quy	GDEB	GVMN	15.115	MN Phù Diễn		
10	XT1161	Nguyễn Minh	Lý	27/09/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuế 1		
11	XT1162	Nguyễn Văn	Lý	30/09/1991	Nữ	Cô Nhuế - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
12	XT1163	Cần Thị	Mai	29/09/1993	Nữ	Lại Phương - TT	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
13	XT1164	Đàm Thị Ngọc	Mai	30/8/1989	Nữ	Kim Sơn - Gia Lâm	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
14	XT1165	Đặng Thanh	Mai	12/07/1982	Nữ	Phượng Canh - NTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
15	XT1166	Đặng Thị	Mai	16/01/1992	Nữ	Hà Cầu - HD	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
16	XT1167	Gia Thị	Mai	29/09/1986	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
17	XT1168	Hoàng Thị	Mai	18/12/1989	Nữ	Thanh Lâm - ML	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
18	XT1169	Ngô Thị	Mai	22/03/1993	Nữ	Đức Thượng - HD	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
19	XT1170	Nguyễn Thị	Mai	23/10/1990	Nữ	Đan Phượng - HN	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
20	XT1171	Nguyễn Thị	Mai	09/08/1981	Nữ	Mê Trì - NTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
21	XT1172	Nguyễn Thị	Mai	19/02/1993	Nữ	Vân Hợp Thanh - MB	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
22	XT1173	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	05/10/1992	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
23	XT1174	Đinh Thị	Mên	10/04/1987	Nữ	Nam Sơn - SS	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
24	XT1175	Lê Thị Thu	Mên	02/11/1978	Nữ	Phù Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
25	XT1176	Đỗ Trà	Mi	04/06/1993	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
26	XT1177	Nguyễn Thị Nga	Mi	30/10/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
27	XT1178	Nguyễn Thị Trà	Mi	17/6/1993	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
28	XT1179	Lê Thị	Minh	08/01/1992	Nữ	Uy Nỗ - Đông Anh	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
29	XT1180	Trần Nguyệt	Minh	17/06/1987	Nữ	Ngọc Lâm - LB	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
30	XT1181	Vương Thị	Minh	27/07/1961	Nữ	Minh Khai - BTL	Đại học	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
31	XT1182	Dương Thị	Mừng	02/01/1981	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
32	XT1183	Đặng Thị	Mỹ	02/11/1989	Nữ	Phù Trúc - PX	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
33	XT1184	Đinh Thị Trà	Mỹ	06/11/1993	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
34	XT1185	Nguyễn Phương	Mỹ	23/08/1992	Nữ	Vân Canh - HD	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		

(Danh sách có: 34 thí sinh)



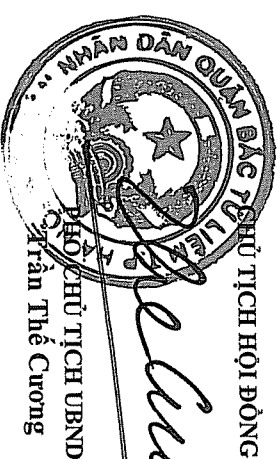
PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SẮT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
37

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT1186	Vũ Thị Hà	Mỹ	31/12/1988	Nữ	Tây Mỗ - NTL	Trung cấp	Chính quy	MN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
2	XT1187	Hà Thị	Nga	09/10/1986	Nữ	Tân Hội - DP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
3	XT1188	Lê Thị Thu	Nga	29/11/1985	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	VHVL	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
4	XT1189	Lương Thị	Nga	20/02/1990	Nữ	Công Vĩ - BD	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
5	XT1190	Ngô Thị	Nga	18/05/1981	Nữ	Mỹ Đình 2 - NTL	Cao đẳng	Chính quy	NTMG	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
6	XT1191	Ngô Thị	Nga	8/02/1989	Nữ	Liên Ninh - TT	Đại học	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
7	XT1192	Nguyễn Thị	Nga	22/04/1991	Nữ	Dan Phượng	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
8	XT1193	Nguyễn Thị	Nga	07/08/1992	Nữ	Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
9	XT1194	Nguyễn Thị	Nga	13/07/1992	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
10	XT1195	Nguyễn Thị	Nga	18/01/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
11	XT1196	Nguyễn Thị	Nga	15/03/1991	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
12	XT1197	Nguyễn Thị	Nga	23/11/1992	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
13	XT1198	Nguyễn Thị Thanh	Nga	02/02/1983	Nữ	Đồng Tháp - DP	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
14	XT1199	Nguyễn Thị Thu	Nga	19/08/1986	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
15	XT1200	Thế Thị	Nga	03/02/1993	Nữ	Tân Lập - DP	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
16	XT1201	Trần Thị	Nga	10/03/1988	Nữ	Dan Phượng	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
17	XT1202	Vũ Thị Thanh	Nga	31/07/1978	Nữ	Cầu Dền - HBT	Cao đẳng	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
18	XT1203	Nguyễn Thị	Ngã	01/08/1990	Nữ	Đức Thượng - HD	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình	DT	
19	XT1204	Cà Thị	Ngân	8/4/1990	Nữ	Quan Hoa - CG	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
20	XT1205	Đặng Bích	Ngân	7/02/1992	Nữ	Cửa Đông - HK	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
21	XT1206	Nguyễn Thị	Ngân	20/05/1988	Nữ	Liên Trung - DP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
22	XT1207	Nguyễn Thúy	Ngân	15/09/1992	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
23	XT1208	Trần Thị	Ngân	10/03/1985	Nữ	Xuân Nộn - DA	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
24	XT1209	Lê Thị	Ngát	28/11/1983	Nữ	Hạ Mỗ - DP	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
25	XT1210	Vũ Thị	Ngát	26/01/1991	Nữ	Liên Mạc - BTL	Đại học	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
26	XT1211	Nguyễn Thị	Ngân	17/10/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
27	XT1212	Đinh Thị	Ngọc	02/06/1991	Nữ	Quảng Phú Cầu - UH	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
28	XT1213	Hoàng Thị	Ngọc	07/03/1994	Nữ	Xuân Canh - DA	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
29	XT1214	Hoàng Thị Bích	Ngọc	18/11/1991	Nữ	Tân Hội - DP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
30	XT1215	Lê Thị Bích	Ngọc	04/11/1991	Nữ	Cẩm Đình - PT	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
31	XT1216	Nguyễn Anh	Ngọc	01/02/1993	Nữ	Vòng La - DA	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
32	XT1217	Nguyễn Hồng	Ngọc	13/10/1992	Nữ	Việt Hùng - DA	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
33	XT1218	Nguyễn Thị	Ngọc	10/12/1992	Nữ	Liên Hà - DP	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
34	XT1219	Nguyễn Thị	Ngọc	08/01/1986	Nữ	Bắc Từ Liêm - HN	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		

(Danh sách có: 34 thí sinh)

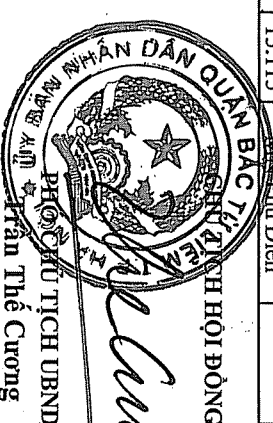


DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN THI: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỞ
38

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐT/TT	Ghi chú
1	XT11220	Nguyễn Thị	Ngọc	10/09/1990	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung Cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thụy Phương		
2	XT11221	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	23/10/1994	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
3	XT11222	Phạm Thị	Ngọc	10/8/1990	Nữ	Văn Điển - Thanh Trì	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
4	XT11223	Trần Thị Bích	Ngọc	18/09/1992	Nữ	Tân Hối - DP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
5	XT11224	Trịnh Thị	Ngọc	14/06/1993	Nữ	Mỹ Lương - CM	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
6	XT11225	Vũ Thị Bích	Ngọc	08/05/1992	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
7	XT11226	Đặng Thị	Ngọc	06/9/1992	Nữ	Phú Túc - PX	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
8	XT11227	Đàm Thị	Nguyễn	26/03/1985	Nữ	Thương Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
9	XT11228	Đàm Thị Bích	Nguyễn	13/7/1992	Nữ	Hải Bối - ĐA	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
10	XT11229	Đặng Thị	Nguyễn	15/11/1985	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
11	XT11230	Nguyễn Thị Anh	Nguyễn	23/09/1987	Nữ	Thụy Phương - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thụy Phương		
12	XT11231	Trần Thị Minh	Nguyễn	02/10/1980	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
13	XT11232	Đỗ Thị Linh	Nhâm	12/03/1992	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
14	XT11233	Lưu Thị Liễu	Nhân	22/3/1993	Nữ	Mai Lâm - Đông Anh	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
15	XT11234	Nguyễn Thị	Nhân	02/12/1978	Nữ	Thụy Phương - BTL	Trung cấp	VHVL	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
16	XT11235	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	22/04/1983	Nữ	Tân Lập - Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thương Cát		
17	XT11236	Nguyễn Thị Mùi	Nhật	06/07/1982	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
18	XT11237	Nguyễn Thùy	Như	19/11/1991	Nữ	Liên Hà - DP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
19	XT11238	Doãn Thị Kim	Nhung	22/12/1993	Nữ	Lại Yên - Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
20	XT11239	Lê Thị	Nhung	24/3/1978	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
21	XT11240	Lê Tuyết	Nhung	15/08/1990	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
22	XT11241	Nguyễn Hồng	Nhung	4/7/1993	Nữ	Hợp Thanh - MD	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
23	XT11242	Nguyễn Thị	Nhung	24/02/1992	Nữ	Phú Đông - GL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
24	XT11243	Nguyễn Thị	Nhung	09/07/1992	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thụy Phương		
25	XT11244	Nguyễn Tuyết	Nhung	05/01/1983	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
26	XT11245	Trần Thị	Nhung	10/09/1987	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
27	XT11246	Vũ Thị	Nhung	24/10/1989	Nữ	Thương Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
28	XT11247	Nguyễn Thị	Nữ	15/07/1989	Nữ	Canh Đậu - TT	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A	Con TB	
29	XT11248	Công Hồng	Oanh	15/07/1994	Nữ	Phú Thưng - TH	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
30	XT11249	Đào Thị	Oanh	20/02/1982	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thụy Phương		
31	XT11250	Lê Thị Kim	Oanh	28/10/1991	Nữ	Thương Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Thương Cát		
32	XT11251	Nguyễn Thị Kim	Oanh	25/01/1992	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
33	XT11252	Vương Thị	Oanh	19/06/1991	Nữ	Sơn Đông - Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thương Cát		
34	XT11253	Trần Thị Ngọc	Phú	21/05/1992	Nữ	Tân Lập - DP	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		

(Danh sách có: 34 thí sinh)



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN THI: GIÁO VIÊN MẠM NON

PHÒNG SỐ
39

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT1254	Nguyễn Thị	Phước	05/03/1986	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Có Nhuế 1		
2	XT1255	Chu Thị	Phuong	16/04/1994	Nữ	Vật Lại - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
3	XT1256	Hà Thị	Phuong	02/02/1988	Nữ	Tân Lĩnh - BV	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
4	XT1257	Nguyễn Thị	Phuong	19/02/1989	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
5	XT1258	Nguyễn Thị	Phuong	20/03/1984	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
6	XT1259	Nguyễn Thị Lan	Phuong	05/07/1992	Nữ	Tân Lập - ĐP	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
7	XT1260	Nguyễn Thị Thu	Phuong	04/04/1994	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
8	XT1261	Nguyễn Thu	Phuong	01/11/1991	Nữ	Cầu Diễn - TL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Có Nhuế 2		
9	XT1262	Phùng Thị	Phuong	15/07/1993	Nữ	Cầm Lĩnh - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Có Nhuế 1		
10	XT1263	Bùi Thị	Phuong	25/01/1982	Nữ	Hạ Mỗ - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
11	XT1264	Đỗ Hoàng	Phuong	08/10/1993	Nữ	Có Nhuế 2 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
12	XT1265	Lưu Tài Bích	Phuong	03/11/1983	Nữ	Tây Mỗ - NTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
13	XT1266	Ngô Thị	Phuong	20/04/1990	Nữ	Nam Hồng - ĐA	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Có Nhuế 1		
14	XT1267	Nguyễn Thị	Phuong	19/09/1988	Nữ	Ngũ Hiệp - TT	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
15	XT1268	Nguyễn Thị	Phuong	27/08/1961	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
16	XT1269	Nguyễn Thị	Phuong	17/03/1992	Nữ	Kim Chung - HD	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
17	XT1270	Nguyễn Thị	Phuong	13/04/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
18	XT1271	Nguyễn Thị	Phuong	05/10/1994	Nữ	Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
19	XT1272	Nguyễn Thị Minh	Phuong	07/11/1984	Nữ	Đan Phượng	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
20	XT1273	Phùng Thị Bích	Phuong	14/05/1994	Nữ	Thái Hòa - BV	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
21	XT1274	Phùng Thị Bích	Phuong	24/09/1993	Nữ	Vật Lại - BV	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
22	XT1275	Trần Thị	Phuong	05/01/1991	Nữ	Cát Quế - HD	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
23	XT1276	Nguyễn Thị Kim	Quế	02/09/1981	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Có Nhuế 1		
24	XT1277	Ngô Thị	Quyen	30/07/1984	Nữ	Mỹ Đình 1 - NTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
25	XT1278	Nguyễn Thị	Quyen	05/11/1987	Nữ	Kim Chung - ĐA	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
26	XT1279	Lại Thị Thúy	Quynh	12/07/1982	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
27	XT1280	Nguyễn Thị	Quynh	30/05/1993	Nữ	Đức Thượng - HD	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Có Nhuế 1		
28	XT1281	Nguyễn Thúy	Quynh	15/07/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Có Nhuế 1		
29	XT1282	Phạm Thị	Sáng	29/03/1988	Nữ	Ba Đình - HN	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
30	XT1283	Nguyễn Thị	Sen	13/05/1992	Nữ	Liên Hồng - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
31	XT1284	Nguyễn Thị Kim	Sinh	30/06/1993	Nữ	Có Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Có Nhuế 2		
32	XT1285	Trần Thanh	Sinh	07/08/1989	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
33	XT1286	Dương Thị	Son	28/12/1993	Nữ	Son Đà - BV	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
34	XT1287	Dương Thị	Tâm	05/09/1992	Nữ	Tông Bạt - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		

(Danh sách có: 34 thí sinh)

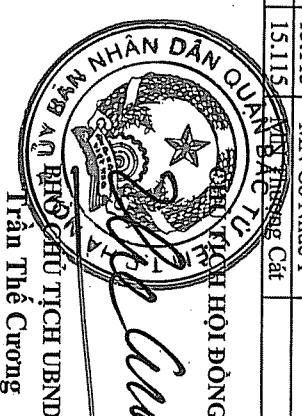


DANH SÁCH THI SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN THI: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
40

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT1288	Nguyễn Thị	Tâm	05/06/1991	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuế 2	Con TB	
2	XT1289	Nguyễn Thu Minh	Tâm	07/12/1992	Nữ	Thủy Phương - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
3	XT1290	Lương Thị	Tạo	12/02/1994	Nữ	Thanh Mỹ - ST	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
4	XT1291	Nguyễn Thị	Thạch	16/09/1987	Nữ	Ứng Hòa - HN	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
5	XT1292	Bùi Hồng	Thắm	12/10/1976	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A	CNNCĐH	
6	XT1293	Nguyễn Thị	Thắm	25/09/1990	Nữ	Vạn Thắng - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
7	XT1294	Nguyễn Thị	Thắm	25/09/1991	Nữ	Tân Lập - DP	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
8	XT1295	Trần Thị Minh	Thắm	23/11/1987	Nữ	Phú Diễn - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
9	XT1296	Đình Thị	Thân	24/10/1992	Nữ	Đức Thượng - HD	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
10	XT1297	Chu Thị	Thanh	17/11/1982	Nữ	Có Nhuế 1 - BTL	Trung cấp	Chính quy	MN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
11	XT1298	Ngô Thị	Thanh	19/09/1987	Nữ	Thương Cát - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Thương Cát		
12	XT1299	Nguyễn Thị	Thanh	04/04/1982	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuế 2		
13	XT1300	Tạ Thị	Thanh	23/11/1990	Nữ	Phương Canh - NTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
14	XT1301	Vũ Thị	Thanh	24/11/1983	Nữ	Thương Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
15	XT1302	Phạm Thị	Thành	6/7/1968	Nữ	Thủy Phương - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
16	XT1303	Lô Thị	Thao	28/05/1988	Nữ	Dan Phương - HN	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
17	XT1304	Đặng Thị Phương	Thảo	08/02/1980	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
18	XT1305	Đình Thu	Thảo	16/09/1992	Nữ	Phú Diễn - NTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
19	XT1306	Lê Thị Phương	Thảo	05/10/1991	Nữ	Cần Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
20	XT1307	Mai Thu	Thảo	02/05/1984	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
21	XT1308	Nguyễn Thị	Thảo	27/10/1988	Nữ	Đông Thái - BV	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
22	XT1309	Nguyễn Thị Phương	Thảo	26/10/1981	Nữ	Liên Trung - DP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
23	XT1310	Nguyễn Thị Thu	Thảo	07/02/1986	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
24	XT1311	Nguyễn Thị Thu	Thảo	18/10/1993	Nữ	Hiền Ninh - Sóc Sơn	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuế 1		
25	XT1312	Nguyễn Phương	Thảo	22/09/1992	Nữ	Phú Thương - TH	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
26	XT1313	Trần Thị	Thảo	28/10/1992	Nữ	Đông Thái - BV	Cao đẳng	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
27	XT1314	Trần Thu	Thảo	18/01/1993	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
28	XT1315	Trịnh Thị Thu	Thảo	19/11/1985	Nữ	Ngọc Hồi - TT	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
29	XT1316	Hoàng Thị Anh	Thơ	15/04/1992	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thủy Phương		
30	XT1317	Đinh Thị	Thom	25/06/1977	Nữ	Thương Cát - BTL	Trung cấp	VHVL	SPMN	GVMN	15.115	MN Thương Cát		
31	XT1318	Đỗ Thị	Thom	22/06/1984	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	VHVL	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
32	XT1319	Nguyễn Thị Ngát	Thom	20/03/1983	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	VHVL	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
33	XT1320	Phạm Thị	Thom	21/11/1989	Nữ	Quan Hoa - CG	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cô Nhuế 1		
34	XT1321	Chu Thị	Thu	28/01/1993	Nữ	Thương Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thương Cát		

(Danh sách có: 34 thí sinh)



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SẮT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN THI: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
41

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngành	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT1322	Nguyễn Hồng	Thu	12/09/1991	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
2	XT1323	Nguyễn Thị	Thu	13/11/1989	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
3	XT1324	Nguyễn Thị	Thu	13/10/1990	Nữ	Tây Tựu - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
4	XT1325	Nguyễn Thị	Thu	30/05/1990	Nữ	Hồng Hà - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
5	XT1326	Nguyễn Thị	Thu	4/8/1984	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
6	XT1327	Phạm Lê	Thu	26/04/1992	Nữ	Thụy Phương - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
7	XT1328	Phan Thị	Thu	05/09/1992	Nữ	Kim Chung - HD	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
8	XT1329	Triệu Thị	Thu	27/09/1990	Nữ	Liên Hồng - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
9	XT1330	Trịnh Hà	Thu	02/09/1986	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
10	XT1331	Vũ Thị	Thu	08/06/1988	Nữ	Thụy Phương - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thụy Phương		
11	XT1332	Nguyễn Hồng	Thư	01/02/1984	Nữ	Hải Bối - ĐA	Cao đẳng	Tại chức	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
12	XT1333	Lê Thị	Thuần	23/12/1981	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
13	XT1334	Ngô Thị	Thức	11/12/1993	Nữ	Đức Thượng - HD	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
14	XT1335	Trần Thị	Thược	16/09/1992	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
15	XT1336	Trần Thanh	Thương	30/01/1991	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
16	XT1337	Chu Diệu	Thúy	31/10/1990	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
17	XT1338	Công Thị Ngọc	Thúy	22/05/1992	Nữ	Tân Lập - ĐP	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
18	XT1339	Đỗ Thị Hồng	Thúy	24/01/1991	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
19	XT1340	Hoàng Minh	Thúy	19/09/1989	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Trung cấp	Chính quy	Mầm non	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
20	XT1341	Lê Phương	Thúy	02/02/1992	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
21	XT1342	Nguyễn Diệu	Thúy	23/08/1993	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
22	XT1343	Nguyễn Hồng	Thúy	22/07/1993	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
23	XT1344	Nguyễn Phương	Thúy	16/01/1985	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
24	XT1345	Nguyễn Thị	Thúy	20/04/1976	Nữ	Cổ Nhuế 1 - BTL	Trung cấp	VHVL	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
25	XT1346	Nguyễn Thị	Thúy	02/11/1990	Nữ	Liên Hà - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
26	XT1347	Nguyễn Thị	Thúy	28/03/1984	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
27	XT1348	Nguyễn Thị	Thúy	28/11/1981	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
28	XT1349	Nguyễn Thị	Thúy	29/07/1993	Nữ	Dan Phương	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
29	XT1350	Phạm Thị	Thúy	22/11/1993	Nữ	Phượng Đình - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
30	XT1351	Trần Thị	Thúy	02/01/1991	Nữ	Dan Phương - HN	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
31	XT1352	Đỗ Thị	Thúy	06/04/1992	Nữ	Hoài Đức - HN	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
32	XT1353	Doãn Thị	Thúy	20/02/1993	Nữ	Dan Phương	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
33	XT1354	Kiều Thị	Thúy	11/08/1987	Nữ	Thạch Thất	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
34	XT1355	Lê Thị Biên	Thúy	10/07/1992	Nữ	Thọ An - ĐP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		

(Danh sách có 34 thí sinh)



TRƯỞNG CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN THI: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
42

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngành	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT1356	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	05/06/1992	Nữ	Tân Lập - DP	Đại học	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
2	XT1357	Vũ Thị	Thùy	06/07/1984	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1	Con TB	
3	XT1358	Chu Thị	Thùy	17/5/1979	Nữ	Nhất Tân - TH	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
4	XT1359	Đặng Thu	Thùy	21/02/1988	Nữ	Ngũ Hòa - CG	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
5	XT1360	Đỗ Thị	Thùy	21/07/1993	Nữ	Đức Thượng - HD	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
6	XT1361	Đỗ Thị	Thùy	10/11/1988	Nữ	Dan Phương	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
7	XT1362	Nguyễn Thanh	Thùy	02/03/1981	Nữ	Phú Diễn - BTL	Cao đẳng	VHVL	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
8	XT1363	Nguyễn Thanh	Thùy	12/6/1993	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
9	XT1364	Nguyễn Thị	Thùy	22/05/1994	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
10	XT1365	Nguyễn Thị	Thùy	05/02/1992	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
11	XT1366	Nguyễn Thị	Thùy	18/12/1992	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
12	XT1367	Nguyễn Thị	Thùy	13/09/1982	Nữ	Cam Thượng - BV	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
13	XT1368	Nguyễn Thị	Thùy	30/10/1992	Nữ	Tân Lập - DP	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
14	XT1369	Nguyễn Thị	Thùy	08/03/1991	Nữ	Liên Mạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
15	XT1370	Nguyễn Thị	Thùy	02/01/1981	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
16	XT1371	Nguyễn Thị	Thùy	13/11/1991	Nữ	Hải Bối - Đông Anh	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
17	XT1372	Nguyễn Thị	Thùy	29/11/1992	Nữ	Hòa Nam - Ứng Hòa	Cao đẳng	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
18	XT1373	Nguyễn Thị Bích	Thùy	07/01/1983	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
19	XT1374	Nguyễn Thị Lệ	Thùy	01/03/1983	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
20	XT1375	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	02/09/1981	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
21	XT1376	Nguyễn Thị Thu	Thùy	09/10/1991	Nữ	Xuân Phương - NTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
22	XT1377	Nông Thanh	Thùy	14/5/1992	Nữ	Ba Đình - HN	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
23	XT1378	Phú Thị Thanh	Thùy	15/08/1986	Nữ	Phú Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
24	XT1379	Trần Thị	Thùy	01/10/1991	Nữ	Phượng Canh - NTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
25	XT1380	Vương Thị	Thùy	02/05/1984	Nữ	Thạch Thất	Trung cấp	VHVL	SPMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
26	XT1381	Ngô Thị	Thùy	15/03/1989	Nữ	Xuân Tảo - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
27	XT1382	Nguyễn Kim	Tiến	13/09/1993	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
28	XT1383	Nguyễn Thị	Toan	25/01/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
29	XT1384	Đinh Thị	Trà	12/08/1992	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
30	XT1385	Lê Thị	Trà	18/05/1987	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Tây Tựu		
31	XT1386	Lê Thị Thùy	Trâm	07/01/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
32	XT1387	Nguyễn Thị	Trâm	12/07/1991	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
33	XT1388	Bùi Huyền	Trang	04/02/1991	Nữ	Thủy Phương - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thủy Phương		
34	XT1389	Chu Thị Minh	Trang	28/07/1983	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		

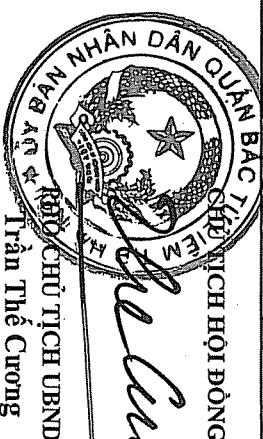
(Danh sách có: 34 thí sinh)



Trần Thế Cường

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTUT	Ghi chú
1	XT1390	Đông Thị	Trang	09/08/1992	Nữ	Tân Hội - DP	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
2	XT1391	Khắc Thị Thu	Trang	04/12/1988	Nữ	Tây Từ - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Minh Khai		
3	XT1392	Lê Thị Huyền	Trang	23/9/1986	Nữ	Xuân Đình - BTL	Dại học	Chính quy	GDEB	GVMN	15.115	MN Xuân Đình	Con BB	
4	XT1393	Lê Thị Thủy	Trang	06/04/1992	Nữ	Phù Ninh - SS	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
5	XT1394	Ngô Thị Thu	Trang	28/10/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thụy Phương		
6	XT1395	Nguyễn Thị	Trang	03/11/1990	Nữ	Phượng Canh - NTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
7	XT1396	Nguyễn Thị	Trang	26/12/1993	Nữ	Hồng Hà - DP	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
8	XT1397	Nguyễn Thị	Trang	27/10/1983	Nữ	Xuân La - Tây Hồ	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
9	XT1398	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/11/1979	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Cao đẳng	Chính quy	NTMG	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B	Con TB	
10	XT1399	Nguyễn Thị Minh	Trang	13/11/1990	Nữ	Hòa Thạch - QO	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
11	XT1400	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	23/11/1990	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
12	XT1401	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/06/1984	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	VL VH	GDMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
13	XT1402	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/03/1993	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc B		
14	XT1403	Nguyễn Thu	Trang	16/05/1993	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
15	XT1404	Nguyễn Thu	Trang	27/11/1993	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phú Diễn		
16	XT1405	Nguyễn Thùy	Trang	05/10/1988	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
17	XT1406	Phan Huyền	Trang	25/08/1991	Nữ	Cổ Đô - BV	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
18	XT1407	Vương Thị Huyền	Trang	22/02/1989	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Xuân Tảo		
19	XT1408	Nguyễn Thị	Trình	06/06/1993	Nữ	Đông Trù - TT	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
20	XT1409	Trần Thị	Trúc	02/10/1989	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
21	XT1410	Nguyễn Thanh	Tú	07/02/1984	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
22	XT1411	Nguyễn Thị	Tú	30/06/1987	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
23	XT1412	Tạ Thị	Tư	13/7/1993	Nữ	Quốc Oai	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Xuân Đình		
24	XT1413	Lê Thị	Tươi	17/10/1994	Nữ	Thọ Xuân - DP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
25	XT1414	Đào Thị	Tuyền	14/07/1991	Nữ	Tân Hội - DP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Thượng Cát		
26	XT1415	Cao Thị	Tuyền	03/04/1983	Nữ	Hoa Sơn - UH	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
27	XT1416	Đào Thanh	Tuyền	23/09/1992	Nữ	Liên Hồng - DP	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn		
28	XT1417	Đoàn Thị	Tuyền	19/06/1988	Nữ	Tốt Động - CM	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Đông Ngạc A		
29	XT1418	Nguyễn Thanh	Tuyền	08/12/1991	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Liên Mạc		
30	XT1419	Đỗ Thị	Tuyết	07/11/1990	Nữ	Tây Từ - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Tây Từ		
31	XT1420	Nguyễn Thị	Tuyết	26/08/1994	Nữ	Hồng Hà - DP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVMN	15.115	MN Cổ Nhuế 2		
32	XT1421	Nguyễn Thị	Tuyết	22/07/1983	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPGDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn	DT	
33	XT1422	Nguyễn Thị	Tuyết	25/03/1983	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao đẳng	Tài chức	GDMN	GVMN	15.115	MN Phúc Diễn	Con TB	
34	XT1423	Nguyễn Thị	Tuyết	10/06/1984	Nữ	Đan Phượng - HN	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVMN	15.115	MN Tây Từ		

(Danh sách có: 34 thí sinh)

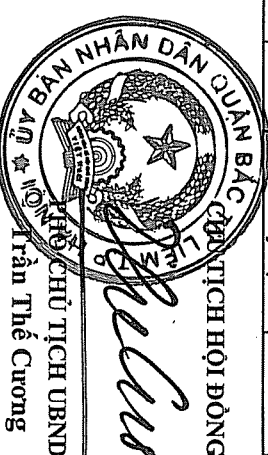


DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SẮT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN THI: GIÁO VIÊN MẦM NON

PHÒNG SỐ
44

TT	Số BD	Họ tên	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngạch dự tuyển	Ngạch dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT1424	Nguyễn Thị	Tuyết	02/01/1985	Nữ	Dan Phương	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Thương Cát		
2	XT1425	Nguyễn Thị	Tuyết	4/02/1991	Nữ	Xuân Tảo - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Xuân Đình		
3	XT1426	Nguyễn Thị	Út	20/01/1990	Nữ	Sóc Sơn	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Minh Khai		
4	XT1427	Đàm Thị	Vân	02/07/1991	Nữ	Liên Hà - DP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Liên Mạc		
5	XT1428	Nguyễn Thị	Vân	20/12/1991	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Xuân Đình		
6	XT1429	Nguyễn Thị	Vân	06/09/1992	Nữ	Cầm Lĩnh - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Phúc Diễn		
7	XT1430	Phùng Thị	Viên	05/10/1993	Nữ	Vật Lại - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Minh Khai		
8	XT1431	Trần Thị Bích	Việt	02/03/1994	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Phúc Diễn		
9	XT1432	Nguyễn Thị	Vinh	22/12/1963	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Đông Ngạc A		
10	XT1433	Đào Thị Tươi	Vui	13/10/1993	Nữ	Phú Cường - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Minh Khai		
11	XT1434	Nguyễn Thị Hồng	Vui	20/06/1992	Nữ	Ba Trại - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Minh Khai		
12	XT1435	Hoàng Thị	Vỹ	26/02/1992	Nữ	Ba Trại - BV	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Phú Diễn		
13	XT1436	Nguyễn Thị Kim	Xen	09/07/1992	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Minh Khai		
14	XT1437	Đinh Thị	Xuân	11/02/1985	Nữ	Hương Sơn - MD	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Minh Khai		
15	XT1438	Hoàng Thị	Xuân	26/09/1987	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Xuân Đình		
16	XT1439	Nguyễn Thị Kim	Xuân	26/03/1988	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Liên Mạc		
17	XT1440	Nguyễn Thị Thu	Xuân	30/09/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Đông Ngạc B		
18	XT1441	Phạm Thị	Xuân	01/11/1991	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Xuân Đình		
19	XT1442	Phạm Thị	Xuân	08/02/1984	Nữ	Tân Hội - DP	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Phú Diễn		
20	XT1443	Vũ Thị	Xuân	13/05/1991	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Thương Cát		
21	XT1444	Trần Thị	Xuân	31/12/1988	Nữ	Phượng Canh - NTL	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Phú Diễn		
22	XT1445	Phùng Thị Ngọc	Yên	23/06/1992	Nữ	Đông Thái - BV	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Đông Ngạc A		
23	XT1446	Đỗ Thị Hải	Yên	18/9/1990	Nữ	Nhất Tân - TH	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Xuân Tảo		
24	XT1447	Giang Thị	Yên	16/11/1991	Nữ	Liên Hiệp - Phúc Thọ	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Minh Khai		
25	XT1448	Lê Thị	Yên	25/09/1992	Nữ	Dan Phương - HN	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Tây Tựu		
26	XT1449	Nguyễn Hải	Yên	18/03/1988	Nữ	Phúc Thọ - PT	Cao đẳng	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Đông Ngạc A	Con BB	
27	XT1450	Nguyễn Thị	Yên	02/08/1982	Nữ	Dan Phương	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Tây Tựu		
28	XT1451	Nguyễn Thủy	Yên	19/03/1993	Nữ	Phượng Canh - NTL	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Cổ Nhuế 1		
29	XT1452	Phùng Thị Hải	Yên	28/01/1992	Nữ	Thái Hòa - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Minh Khai		
30	XT1453	Phùng Thị Hải	Yên	07/01/1992	Nữ	Phú Đông - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Minh Khai		
31	XT1454	Vũ Hải	Yên	10/12/1989	Nữ	Mỹ Đình 2 - NTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Phúc Diễn		
32	XT1455	Vũ Thị	Yên	15/08/1990	Nữ	Dan Phương - HN	Trung cấp	Chính quy	GDMN	GVAN	15.115	MN Đông Ngạc B		
33	XT1456	Vũ Thị	Yên	27/08/1990	Nữ	Tây Tựu - BTL	Trung cấp	Chính quy	SPMN	GVAN	15.115	MN Tây Tựu		

(Danh sách có: 33 thí sinh)



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SẮT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

MÔN THI: NHÂN VIÊN Y TẾ

PHÒNG SỐ
45

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐVTƯ	Ghi chú
1	XT11457	Nguyễn Thị Thúy	Chinh	04/09/1989	Nữ	Cầu Diễn - NTL	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	MN Phú Diễn		
2	XT11458	Trần Thị Hằng	Hằng	02/01/1991	Nữ	Ban Phương - HN	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	MN Đông Ngạc B		
3	XT11459	Đức Thị Hương	Hương	04/06/1992	Nữ	Sơn Đông - HD	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	MN Phú Diễn		
4	XT11460	Nguyễn Thị Hương	Hương	10/11/1991	Nữ	Ban Phương - HN	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	MN Đông Ngạc B		
5	XT11461	Nguyễn Thanh Huyền	Huyền	12/10/1992	Nữ	Xuân Phương - NTL	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	MN Phú Diễn		
6	XT11462	Hoàng Thị Minh	Minh	05/01/1983	Nữ	Nam Từ Liêm - HN	Trung cấp	Chính quy	Y học cổ truyền	NV Y Tế	16b.121	MN Đông Ngạc B		
7	XT11463	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	Ngọc	03/12/1989	Nữ	Kim Chung - HD	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	MN Phú Diễn		
8	XT11464	Doan Thị Thủy	Thủy	30/08/1988	Nữ	Sơn Đông - HD	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	MN Phú Diễn		
9	XT11465	Đỗ Thị Tuyết Anh	Anh	12/02/1991	Nữ	Đông Anh	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Đông Ngạc B		
10	XT11466	Tô Thị Vân Anh	Anh	29/01/1978	Nữ	Thanh Xuân	Trung cấp	Chính quy	Y sĩ cổ truyền	NV Y Tế	16b.121	TH Đông Ngạc B		
11	XT11467	Vũ Thị Lan Anh	Anh	30/03/1992	Nữ	Hà Đông	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Phúc Diễn		
12	XT11468	Nguyễn Đình Cánh	Cánh	14/07/1989	Nam	Nam Từ Liêm	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Đông Ngạc B		
13	XT11469	Nguyễn Đình Chiêm	Chiêm	18/01/1992	Nữ	Hồng Hà - ĐP	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ B		
14	XT11470	Nguyễn Việt Chiến	Chiến	22/10/1983	Nam	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ A		
15	XT11471	Nguyễn Thị Dương	Dương	14/10/1991	Nữ	Đắc Sở - Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ A		
16	XT11472	Nguyễn Thị Hà	Hà	23/10/1989	Nữ	Canh Nâu - Thạch Thất	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ A		
17	XT11473	Chu Thị Hải	Hải	09/02/1985	Nữ	Tây Từ - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ A		
18	XT11474	Nguyễn Thị Thanh Hải	Hải	19/02/1991	nữ	Đắc Sở - HD	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ B		
19	XT11475	Nguyễn Thị Hân	Hân	14/06/1992	Nữ	Long Xuyên - Phúc Thọ	Trung cấp	Chính quy	Y sĩ đa khoa	NV Y Tế	16b.121	TH Thụy Phương		
20	XT11476	Nguyễn Thị Hiền	Hiền	26/10/1991	Nữ	Hồng Hà - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ A		
21	XT11477	Lê Thị Hiền	Hiền	09/03/1992	Nữ	Phượng Đình - ĐP	Trung cấp	Chính quy	Y sĩ đa khoa	NV Y Tế	16b.121	TH Đông Ngạc B		
22	XT11478	Nguyễn Thị Hiền	Hiền	13/12/1990	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy - LT	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Thụy Phương		
23	XT11479	Chu Thị Hoa	Hoa	02/03/1989	Nữ	Tây Từ - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ B		
24	XT11480	Phạm Xuân Hoàn	Hoàn	22/06/1990	Nam	Phượng Canh - NTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ B		
25	XT11481	Dương Thị Lan Hương	Hương	04/11/1984	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Đông Ngạc B		
26	XT11482	Nguyễn Thị Hương	Hương	12/10/1984	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Đông Ngạc B		
27	XT11483	Nguyễn Thị Hương	Hương	30/08/1987	Nữ	Liên Trung - ĐP	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ A		
28	XT11484	Cao Thị Thu Hương	Hương	07/05/1990	Nữ	Tân Hội - ĐP	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ A		
29	XT11485	Trần Thị Hương	Hương	05/03/1991	Nữ	Tây Từ - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Từ A		
30	XT11486	Khương Ngọc Huyền	Huyền	03/05/1992	Nữ	Nhật Tân - TH	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Hồ Tùng Mậu		
31	XT11487	Vương Thu Huyền	Huyền	11/11/1988	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Phúc Diễn		
32	XT11488	Nguyễn Thị Lai	Lai	02/09/1991	Nữ	Xuân Thu - Sóc Sơn	Trung cấp	Chính quy	Y sĩ đa khoa	NV Y Tế	16b.121	TH Đông Ngạc B		

(Danh sách cơ: 32 thí sinh)

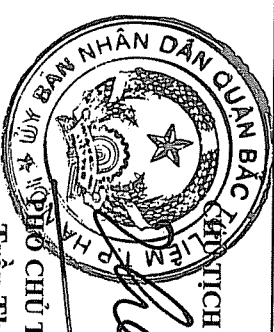


DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA, SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
MÔN THI: NHÂN VIÊN Y TẾ

PHÒNG SỐ
46

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	ĐTƯT	Ghi chú
1	XT1489	Nguyễn Phương	Lan	03/08/1992	Nữ	Phước Canh - NTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Phước Diễn		
2	XT1490	Đỗ Thị Thu	Liên	19/10/1991	Nữ	Minh Khai - Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	Y sĩ Đa khoa	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu B		
3	XT1491	Chu Thị	Mai	12/11/1992	Nữ	Chàng Sơn - TT	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Phước Diễn		
4	XT1492	Nguyễn Thị	Mùi	19/05/1991	Nữ	Tiên Yên - HD	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Hồ Tùng Mậu		
5	XT1493	Nguyễn Thị	Nghân	17/10/1990	Nữ	Đức Giang - HD	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Phước Diễn		
6	XT1494	Đỗ Thị	Ngọc	05/05/1993	Nữ	Tiên Phước - Chương Mỹ	Trung cấp	Chính quy	Y sĩ Đa khoa	NV Y Tế	16b.121	TH Hồ Tùng Mậu		
7	XT1495	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	29/11/1990	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Hồ Tùng Mậu		
8	XT1496	Lưu Thị Tuyết	Nhung	8/4/1985	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Phước Diễn		
9	XT1497	Nguyễn Thị	Nhung	06/12/1993	Nữ	Phước Đình - ĐP	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu A		
10	XT1498	Hoàng Thúy	Ninh	19/02/1992	Nữ	Phước Đình - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu B		
11	XT1499	Nguyễn Thị Minh	Phúc	01/07/1991	Nữ	Dị Trạch - Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu A		
12	XT1500	Hà Thúy	Phượng	22/01/1989	Nữ	Minh Khai - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu B		
13	XT1501	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/11/1992	Nữ	Lại Yên - HD	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu B		
14	XT1502	Trung Ngọc	Thảo	24/06/1987	Nữ	Sơn Đông - Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu A		
15	XT1503	Nguyễn Thị	Thoa	11/10/1986	Nữ	Đắc Sở - HD	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Đông Ngạc B		
16	XT1504	Cao Thị	Thu	10/02/1989	Nữ	Đức Giang - Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu A		
17	XT1505	Nguyễn Thị	Thu	01/09/1992	Nữ	Lưu Hoàng - UH	Trung cấp	Chính quy	Y sĩ	NV Y Tế	16b.121	TH Phước Diễn		
18	XT1506	Nguyễn Thị Minh	Thu	07/11/1991	Nữ	Phúc Diễn - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu B		
19	XT1507	Bà Thị Bích	Thùy	17/08/1991	Nữ	Tân Lập - ĐP	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu B		
20	XT1508	Nguyễn Thị	Thùy	19/10/1989	Nữ	Canh Nậu - TT	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu B		
21	XT1509	Trần Thị Thanh	Thùy	07/06/1987	Nữ	Kim Nỗ - ĐA	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Đông Ngạc A		
22	XT1510	Nguyễn Hà	Trang	26/08/1993	Nữ	Xuân Tảo - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Đông Ngạc A		
23	XT1511	Nguyễn Thị Hiền	Trang	01/02/1991	Nữ	Liên Hồng - ĐP	Trung cấp	Chính quy	Y sĩ Đa khoa	NV Y Tế	16b.121	TH Đông Ngạc A		
24	XT1512	Vũ Thị Thu	Trang	25/12/1992	Nữ	Đại Đồng - TT	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Phước Diễn		
25	XT1513	Nguyễn Thị	Trang	11/07/1991	Nữ	Hát Môn - Phước Thọ	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu B		
26	XT1514	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	23/12/1991	Nữ	Xuân Phước - NTL	Trung cấp	Chính quy	Y sĩ	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu A		
27	XT1515	Bách Thị	Tuyết	29/12/1989	Nữ	Tụy Lai - Mỹ Đức	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu A		
28	XT1516	Lương Thị	Ưt	23/06/1982	Nữ	Tòng Bạt - Ba Vì	Trung cấp	Chính quy	Y sĩ Đa khoa	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu A		
29	XT1517	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	10/10/1988	Nữ	Tân Hội - ĐP	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	TH Tây Tựu B		
30	XT1518	Phùng Thị Diễm	Hương	16/11/1992	Nữ	Tây Đằng - BV	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	THCS Xuân Đình		
31	XT1519	Nguyễn Thị	Thu	18/01/1992	Nữ	Xuân Đình - BTL	Trung cấp	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	THCS Xuân Đình		
32	XT1520	Ngô Thị	Thùy	05/05/1990	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	THCS Xuân Đình		
33	XT1521	Nguyễn Hải	Vân	20/09/1989	Nữ	Minh Khai - BTL	Cao đẳng	Chính quy - LT	Điều dưỡng	NV Y Tế	16b.121	THCS Xuân Đình		

(Danh sách có: 33 thí sinh)


PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH THI THỰC HÀNH KỲ TUYỂN DỤNG VIỆN CHỨC NGẠCH GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN 2014
MÔN THI: NHÂN VIÊN KẾ TOÁN

PHÒNG SỐ
47

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	Đổi tương đương ưu tiên	Ghi chú
1	XT1522	Lương Kim	Anh	22/10/1985	Nữ	Hàng Đào - Hoàn Kiếm	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhuế 2		
2	XT1523	Nguyễn Lan	Anh	15/12/1980	Nữ	Lê Lợi - Sơn Tây	Đại học	VLVH	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhuế 2	Con TB	
3	XT1524	Vũ Ngọc	Anh	25/02/1992	Nữ	Mai Lâm - ĐA	Cao đẳng	Chính quy	kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhuế 2		
4	XT1525	Nguyễn Bích	Diệp	11/01/1993	Nữ	Xuân Đình - BTL	Cao Đẳng	Chính quy	Kế Toán	NV Kế toán	06.032	MN Thụy Phương		
5	XT1526	Kiều Thị	Duyên	17/07/1993	Nữ	Liệp Tuyết - Quốc Oai	Trung cấp	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Thụy Phương		
6	XT1527	Lê Thị	Hà	22/12/1987	Nữ	Kim Chung - Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	Kế toán DN	NV Kế toán	06.032	MN Thụy Phương		
7	XT1528	Nguyễn Thị	Hằng	07/09/1992	Nữ	Đức Thượng - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	Kế Toán	NV Kế toán	06.032	MN Thụy Phương		
8	XT1529	Đoàn Thị Hồng	Hành	21/03/1984	Nữ	Liên Mạc - BTL	Đại học	Tại chức	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Thụy Phương		
9	XT1530	Tạ Thị	Hiền	02/03/1986	Nữ	Tây Tựu - BTL	Đại học	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Thụy Phương		
10	XT1531	Hà Thị	Hoa	27/07/1990	Nữ	Hồng Hà - ĐP	Đại học	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhuế 2		
11	XT1532	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	15/07/1991	Nữ	Phú Diễn - BTL	Đại học	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhuế 2		
12	XT1533	Trương Thị Thanh	Hoa	11/11/1984	Nữ	Phú Thượng - Tây Hồ	Đại học	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Thụy Phương		
13	XT1534	Nguyễn Thị	Hòa	12/12/1988	Nữ	Tân Hội - Đan Phượng	Đại học	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Thụy Phương		
14	XT1535	Nguyễn Thị	Huê	06/10/1982	Nữ	Cổ Nhuế 2 - BTL	Trung cấp	Tập trung	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhuế 2	Con BB	
15	XT1536	Trần Thị Lan	Hương	20/02/1983	Nữ	Bát Tràng - Gia Lâm	Trung cấp	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhuế 2		
16	XT1537	Đoàn Thanh	Huyền	29/02/1992	Nữ	Trương Thịnh - UH	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhuế 2		
17	XT1538	Phí Thị	Khuyên	20/04/1989	Nữ	Sơn Đồng - Hoài Đức	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Thụy Phương		
18	XT1539	Nguyễn Thị Phương	Lan	13/06/1990	Nữ	Thạch Bàn - Long Biên	Đại học	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhuế 2		
19	XT1540	Bá Thị	Nga	08/07/1991	Nữ	Tân Lập - ĐP	Cao đẳng	Chính quy	Kế Toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhuế 2		
20	XT1541	Trần Thị Bích	Ngọc	31/08/1977	Nữ	Bách Khoa - HBT	Trung Cấp	Chính quy	ch toán kế t	NV Kế toán	06.032	MN Thụy Phương		
21	XT1542	Phan Thị	Oanh	02/02/1991	Nữ	Vạn Thắng - Ba Vì	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Thụy Phương		

(Danh sách có: 21 thí sinh)

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH THI THỰC HÀNH KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGẠCH GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN 2014
MÔN THI: NHÂN VIÊN KẾ TOÁN

PHÒNG SỐ
48

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	XT1543	Trần Thị	Phuong	09/12/1990	Nữ	Thọ Xuân - DP	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhú 2		
2	XT1544	Quách Thị	Thùy	01/09/1992	Nữ	Bình Yên - Thạch Thất	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhú 2		
3	XT1545	Nguyễn Thanh	Thùy	24/04/1988	Nữ	Mai Dịch - CG	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhú 2		
4	XT1546	Nguyễn Thị	Toanh	22/10/1986	Nữ	Tây Tựu - BTL	Đại học	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Cỏ Nhú 2		
5	XT1547	Nguyễn Thị Huyền	Trang	29/11/1989	Nữ	Tân Lập - Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Thủy Phương		
6	XT1548	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/01/1988	Nữ	Phù Thượng - Tây Hồ	Đại học	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Thủy Phương		
7	XT1549	Nguyễn Thị Thu	Trang	03/08/1992	Nữ	Tân Lập - Đan Phượng	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	MN Thủy Phương		
8	XT1550	Nguyễn Thị Thủy	Dung	06/10/1988	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
9	XT1551	Đàm Thị Thu	Hà	03/07/1987	Nữ	Thượng Cát - BTL	Đại học	VHVL	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
10	XT1552	Phạm Thị Thu	Hà	05/10/1985	Nữ	Hồng Hà - DP	Đại học	VHVL	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
11	XT1553	Bùi Thị Việt	Hương	10/11/1988	Nữ	Thanh Mỹ - Sơn Tây	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
12	XT1554	Đinh Thị	Hương	03/10/1991	Nữ	Thượng Cát - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
13	XT1555	Nguyễn Thị	Huyền	25/05/1992	Nữ	Tân Hội - DP	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
14	XT1556	Nguyễn Thị	Lan	07/02/1992	Nữ	Liên Hồng - DP	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
15	XT1557	Lưu Thị	Nhàn	20/02/1989	Nữ	Thọ An - DP	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
16	XT1558	Nguyễn Thị Ngọc	Phi	13/07/1990	Nữ	Khương Đình - TX	Đại học	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
17	XT1559	Nguyễn Thị	Phượng	26/11/1991	Nữ	Canh Nậu - TT	Cao đẳng	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
18	XT1560	Chu Thị	Tâm	08/10/1985	Nữ	Tây Tựu - BTL	Đại học	Chính quy	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
19	XT1561	Nguyễn Thị	Thảo	08/07/1984	Nữ	Xuân Đình - BTL	Đại học	VHVL	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		
20	XT1562	Nguyễn Thị	Thủy	02/10/1984	Nữ	Tây Tựu - BTL	Đại học	VHVL	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát	Cơ BB	
21	XT1563	Nguyễn Thị Thu	Trang	06/09/1987	Nữ	Ngĩa Tân - CG	Đại học	VHVL	Kế toán	NV Kế toán	06.032	THCS Thượng Cát		

(Danh sách có: 21 thí sinh)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ CHỨC
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH THI THỰC HÀNH KỲ TUYÊN DỪNG VIÊN CHỨC NGẠCH GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN 2014
MÔN THI: NHÂN VIÊN VĂN THƯ

PHÒNG SỐ
49

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	Đổi tương đương	Chỉ chú
1	XT1564	Tô Thị Thủy	An	25/02/1990	Nữ	Phúc Thọ	Trung cấp	Chính quy	Hành chính - Văn thư	NV Văn Thư	01.004	MN Thương Cát		
2	XT1565	Đỗ Thị Vân	Anh	08/05/1988	Nữ	Đông Ngạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	HC Văn Thư	NV Văn Thư	01.004	MN Đông Ngạc B		
3	XT1566	Đỗ Thị	Anh	16/05/1992	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Quản trị VP	NV Văn Thư	01.004	MN Tây Tựu		
4	XT1567	Nguyễn Thị	Chiêm	29/03/1988	Nữ	Cát Quế - HD	Cao đẳng	Chính quy	Quản trị VP	NV Văn Thư	01.004	MN Hồ Tùng Mậu		
5	XT1568	Chu Thị	Dung	07/05/1991	Nữ	Tây Tựu - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Lưu trữ học	NV Văn Thư	01.004	MN Tây Tựu		
6	XT1569	Chu Thị Thủy	Hàng	27/10/1981	Nữ	Cổ Nhuế - BTL	Trung cấp	Chính quy	Văn thư lưu trữ	NV Văn Thư	01.004	MN Cổ Nhuế 1		
7	XT1570	Nguyễn Thị	Loan	22/11/1988	Nữ	Liên Hồng - ĐP	Trung cấp	Chính quy	HC Văn thư	NV Văn Thư	01.004	MN Liên Mạc		
8	XT1571	Đỗ Thị Khánh	Ly	28/10/1985	Nữ	Võng La - ĐA	Trung cấp	Chính quy	HC Văn thư	NV Văn Thư	01.004	MN Cổ Nhuế 1		
9	XT1572	Bùi Thị Bích	Ngọc	22/09/1989	Nữ	Dị Trạch - Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	Hành chính văn thư	NV Văn Thư	01.004	MN Tây Tựu		
10	XT1573	Nguyễn Thị Kim	Oanh	22/08/1982	Nữ	Thụy Phương - BTL	Cao đẳng	Tại chức	Quản trị VP	NV Văn Thư	01.004	MN Xuân Đình		
11	XT1574	Nguyễn Thị	Phúc	05/08/1986	Nữ	Thương Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	Quản trị văn phòng	NV Văn Thư	01.004	MN Xuân Tảo		
12	XT1575	Ngô Thủy	Thanh	15/11/1986	Nữ	Thượng Cát - BTL	Trung cấp	Chính quy	Văn thư lưu trữ	NV Văn Thư	01.004	MN Thượng Cát		
13	XT1576	Quách Thị Khánh	Thiên	07/02/1985	Nữ	Nam Hồng - ĐA	Trung cấp	Chính quy	Hành chính - VP	NV Văn Thư	01.004	MN Xuân Đình	DTTS	
14	XT1577	Trần Thanh	Thủy	08/12/1984	Nữ	Liên Mạc - BTL	Trung cấp	Chính quy	HC Văn thư	NV Văn Thư	01.004	MN Cổ Nhuế 2		
15	XT1578	Nguyễn Phương	Anh	23/06/1993	Nữ	Cổ Nhuế 1 - BTL	Cao đẳng	Chính quy	Quản trị văn phòng	NV Văn Thư	01.004	THCS Xuân Đình		
16	XT1579	Nguyễn Thị Thanh	Hà	15/12/1974	Nữ	Cầu Diễn - NTL	Trung cấp	TT Dài hạn	Thư ký VP	NV Văn Thư	01.004	THCS Tây Tựu		
17	XT1580	Nguyễn Thị	Hùng	15/11/1987	Nữ	Kim Chung - HD	Cao đẳng	Chính quy	Quản trị VP	NV Văn Thư	01.004	THCS Thương Cát		
18	XT1581	Đoàn Quang	Minh	09/04/1978	Nam	Liên Mạc - BTL	Đại học	Tại chức	Lưu trữ học & QTVP	NV Văn Thư	01.004	THCS Thương Cát		
19	XT1582	Nguyễn Thị	Thủy	04/01/1983	Nữ	Đức Thượng - HD	Trung cấp	Vừa làm vừa học	Hành chính văn phòng	NV Văn Thư	01.004	THCS Thụy Phương		
20	XT1583	Vũ Thị	Toan	29/7/1990	Nữ	Văn Thắng - BV	Cao đẳng	Chính quy	HC Văn thư	NV Văn Thư	01.004	THCS Tây Tựu		
21	XT1584	Hoàng Thị	Trang	01/05/1989	Nữ	Yên Sở - Hoài Đức	Trung cấp	Chính quy	Hành chính Văn phòng	NV Văn Thư	01.004	THCS Tây Tựu		

(Danh sách có: 21 thí sinh)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
Trần Thế Cường

DANH SÁCH THÍ SINH THI THỰC HÀNH KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGẠCH GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN 2014
MÔN THI: Nhân viên Thiết bị, Thí nghiệm

PHÒNG SỐ
51

T T	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngạch dự tuyển	Mã ngạch	Đơn vị dự tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	XT11604	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	26/07/1988	Nữ	Phước Xá - Ba Đình	Cao đẳng	Chính quy	CN TBTH	NV Thiết bị	13a.095	THCS Tây Tụ		
2	XT11605	Lê Ngọc	Bích	28/10/1989	Nam	Đông Ngạc - BTL	Đại học	Chính quy	SP Tin học	NV Thiết bị	13a.095	THCS Đông Ngạc	Con TB	
3	XT11606	Đỗ Thị Kim	Chung	03/05/1989	Nữ	Phụng Thượng - PT	Cao đẳng	Chính quy	TBTH	NV Thiết bị	13a.095	THCS Tây Tụ		
4	XT11607	Đinh Thị	Hồng	16/09/1991	Nữ	Tây Tụ - BTL	Cao đẳng	Chính quy	SP Lịch sử	NV Thiết bị	13a.095	THCS Tây Tụ		
5	XT11608	Nguyễn Thị	Mùng	23/12/1987	Nữ	Liên Mạc - BTL	Đại học	Chính quy	SP Tin học	NV Thiết bị	13a.095	THCS Liên Mạc		
6	XT11609	Vũ Minh	Ngọc	18/12/1982	Nữ	Phú Thịnh - ST	Đại học	Tại chức	Tiếng Anh - SP	NV Thiết bị	13a.095	THCS Liên Mạc		
7	XT11610	Khuong Văn	Thanh	08/12/1983	Nam	Thạch Thất	Đại học	Tại chức	Toán tin - Ứng dụng	NV Thiết bị	13a.095	THCS Tây Tụ		
8	XT11611	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	15/03/1990	Nữ	Đại Đồng - TT	Cao đẳng	Chính quy	SP Toán	NV Thiết bị	13a.095	THCS Đông Ngạc		
9	XT11612	Chu Xuân	Trung	14/12/1974	Nam	Đông Thái - BV	Trung cấp	Chính quy	Thư viện-TBTH	NV Thiết bị	13a.095	THCS Tây Tụ		

(Danh sách có: 09 thí sinh)


PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Trần Thế Cường